

nhân bản



Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Tại Paris



TÂN MÃO
GIẢI PHẨM XUÂN
2011

Mục Lục

Lá Thư Nhân Bản	3
Xuân Về Vọng Tưởng Cổ Hương	Lưu Thị Chiêu 4
Xuân Xứ Người	Thanh Huyền 6
Thơ, Đêm Dài Xây Mộng	Hoa Chanh 7
Năm Mão Nói Chuyện Mèo	Tân Phong 8
Chúa Xuân Ơi Nhớ Lắm Một Khung Trời	Bình Minh 10
Văn Minh Trống Đồng Hành Diện Hay Ngậm Ngùi	Chân Phương 12
Ngày Xuân Kể Lại Tích Xưa	14
Võ Bà Trà	Nguyễn Phương 16
Phong Thủy Giảm Lược	ĐQ Cơ, ĐV Biên, HĐ Hiến 17
Chiều Nogent	Thu Hiền 21
Thơ, Tổ Quốc Ghi Công	Ngô Minh Hằng 23
Thơ, Tìm Đâu Những Đại Anh Hùng	Ngô Phủ 23
Hình Sinh Hoạt THSV VN Paris	24
Tour d'Horizon des Evènements et Activités de l'AGEVP	T. Adeline, N. Sylvain 25
Organiser un Tét: ou comment j'en suis arrivée là...	V. Bảo Huy, NL Hiền 28
Organiser un Tét: à travers les yeux d'un membre de la section artistique	Nguyễn Sylvain 29
Joyeux Noël et Chúc Mừng Năm Mới	Nguyễn Lương Hiền 31
Lá Thư Ban Chấp Hành, Lettre du Bureau Exécutif	33,34
Histoire des Deux Emblèmes du Việt Nam Libre: Son Drapeau et Son Hymne National	Lê Văn Trí 35
Đom Đóm Lung Linh	Rạng Đông 41
Thơ, Nguyễn Xin Một Lòng	Thanh Nguyên 42
Tôi Là Ai ?	Nam Dao 43
Thơ, Mơ Ánh Vàng Mai	Hoa Chanh 44
Solzenitsyn Và Thế Hệ Chúng tôi	Chân Phương 45
Hội Họa Việt Nam Từ Đầu Thế Kỳ 20 Đến Đương Đại	Nguyễn Tài 47
Thơ, Sao Mả Nhớ	Ánh Thủy 50
Nạn Mãi Dâm Ở Việt Nam	Bùi Hoàng Yến 51
Cây Ngụ Uẩn	Châu Hội Đăng 54
Tử Vi Đông Phương	Phan Quốc Uy 55



Chủ Nhiệm: *Trần Ngọc*

Tranh bìa: *Trần Thị Thu Hương*

Thực hiện & trình bày: *Ban Báo Chí Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris*

Liên lạc: *mailto:toasoan@nhanban.fr*

ISSN: 0153-3762 Commission paritaire: 59809

AGEVP 132 av d'Italie 75013 Paris

Tù Phi Nhân Đến Phi Pháp

Lá Thư Nhân Bản

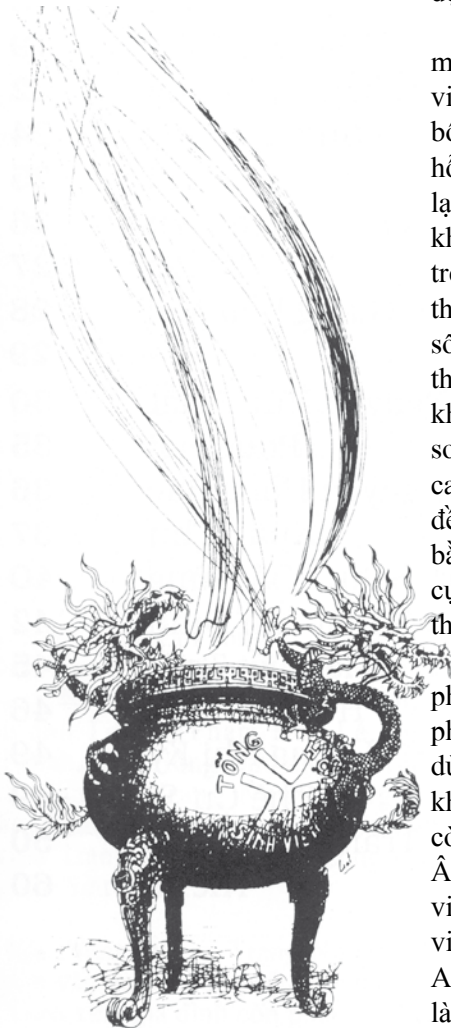
Từ trước đến nay, người Việt tỵ nạn vẫn lên án chế độ Cộng sản là phi nhân vì chế độ đó xóa bỏ cá nhân, bắt con người phải sống theo khuôn mẫu nhào nặn ra của đảng Cộng sản. Ngày nay, chế độ cộng sản nói rộng tự do, cho phép đi chùa, đi nhà thờ, ca hát nhạc tình. Báo chí lại còn nói sáng tác của văn nghệ sĩ là tù cảm xúc cá nhân, điều mà trước đây đảng Cộng sản tuyệt đối cấm. Như thế người sống trong nước ngày nay được sống gần với những bản năng tự nhiên của con người hơn cách đây hai ba chục năm nên tính phi nhân xem ra cũng phai nhạt đi dần.

Sau ngày 30-4-1975, sau khi Cộng sản chiếm miền Nam thì giới luật sư thất nghiệp. Một số người phải bán cà phê, làm đủ mọi nghề lặt vặt để sinh sống. Chế độ Cộng sản không xử theo bộ luật nào cả mà quan tòa quyết định theo chỉ thị của đảng Cộng Sản. Không có luật sư mà chỉ có bào chữa viên. Cả thẩm phán lẫn bào chữa viên đều không học luật. Có trường hợp một người làm thư ký lâu năm cho tòa án thì được thăng chức lên làm quan tòa, cho ngồi xét xử, chẳng khác gì làm y tá lâu năm thì được thăng chức lên bác sĩ. Từ 1986 thì chế độ Cộng sản mới cho đào tạo một số luật sư. Sau khi Liên Xô sụp đổ, chế độ Cộng Sản Việt Nam phải mở cửa cho tư bản vào đầu tư, tù đó nảy sinh ra nhu cầu phải biết luật. Trong thời gian đầu khi có tranh chấp giữa các công ty ngoại quốc và chính quyền Việt Nam thì các công ty đòi đem sang Singapore để phân xử vì họ không tin vào sự công minh của tòa án Việt Nam.

Người Việt ở ngoại quốc về chơi một thời gian ngắn nhìn bề ngoài mọi việc có vẻ như bình thường, nhưng người dân sống lâu dưới chế độ Cộng Sản nhìn thấy nhiều điều nhà nước làm không theo pháp luật, hoặc vi phạm pháp luật, vì thế mà một số người nhờ được học luật thấy được các việc làm phi pháp của nhà nước nên họ có thái độ “giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha”.

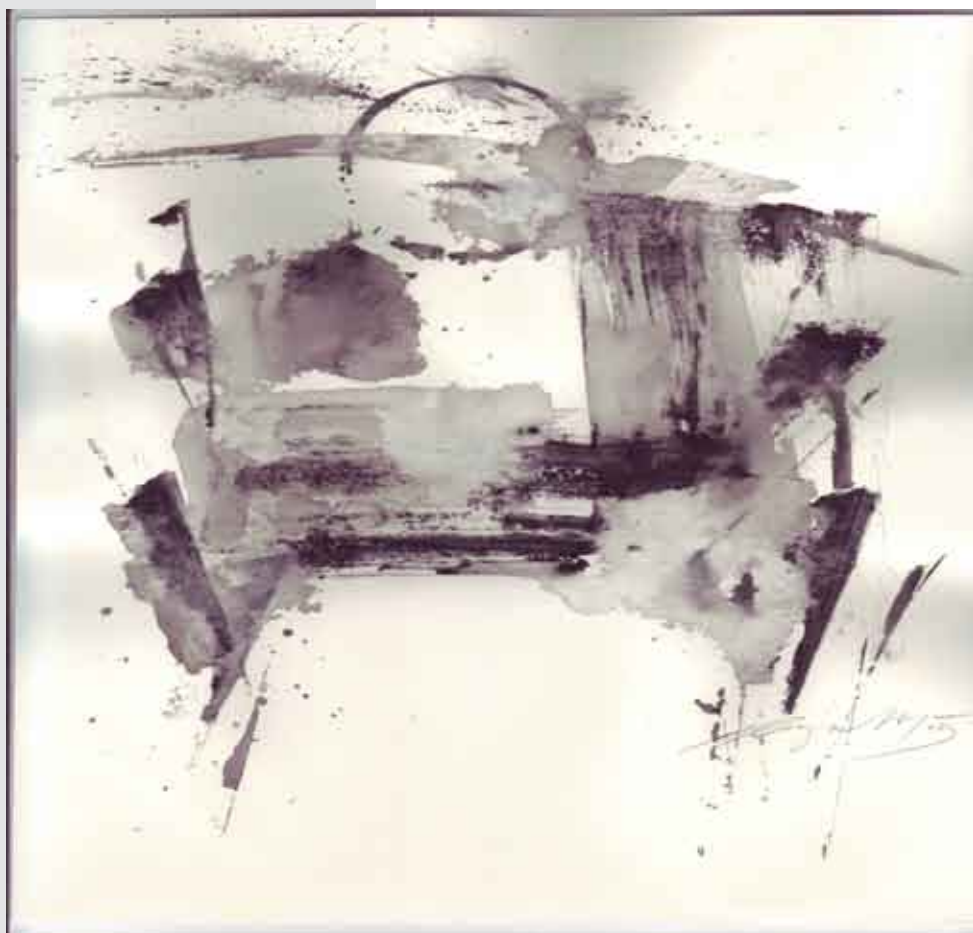
Khi chưa sống dưới chế độ cộng sản thì cứ tưởng rằng đó là một chế độ bất mọi người phải tuân theo luật lệ quá khe khắt. Nhà văn Nguyễn Hiến Lê trong hồi ký viết rằng trước 1975 ông nói với người trong nhà là khi cộng sản vào thì trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ sẽ hết tham nhũng. Nhưng sau 1975 ông thấy xã hội thì hỗn độn mà nạn tham nhũng hoành hành còn hơn trước 1975. Độc tài, thiếu tự do mà lại lộn xộn, vô pháp luật. Có vẻ như mâu thuẫn nhưng đó là thực tế. Xã hội cộng sản không dùng pháp luật để bắt dân vào khuôn phép mà dùng hệ thống tổ chức đảng tù trên xuống dưới, bám chân rết vào mọi ngõ ngách của xã hội. Mọi cá nhân đều phải thuộc vào một tổ chức nào đó có đảng viên cầm chịch. Các đảng viên phải theo một số chỉ thị, đường lối của đảng, nhưng ngoài việc tuân theo chỉ thị, đường lối của đảng, thì trong đời sống thiên hình vạn trạng có quá nhiều trường hợp mà chỉ thị của đảng không thể bao gồm hết nên các đảng viên được tự ý hành động, trong khi luật pháp thì sơ sài và được phép vi phạm. Mất tự do là vì phải sống trong vòng các chỉ thị tù trên cao ban xuống, lộn xộn là vì mỗi đảng viên trong quyền hạn của mình giải quyết vấn đề theo ý riêng. Trong cái guồng máy đảng trị, người dưới bị ràng buộc với người trên bằng lợi, quyền, danh mà không phải bằng pháp luật. Ở trên cao thì kẻ nào nắm công cụ bạo lực như công an, cảnh sát, thì kẻ đó có quyền. Những kẻ đó không cần phải tuân theo hiến pháp, luật pháp.

Tính phi nhân của chế độ Cộng Sản Việt Nam xem ra đã giảm bớt, nhưng tính phi pháp thì lan tràn nặng nề. Chế độ đảng trị không vận hành theo luật pháp và hiến pháp mà dùng lợi, quyền, danh, sức mạnh mà ràng buộc, sai khiến người. Mai sau, dù điều 4 Hiến Pháp có bị bãi bỏ, đảng Cộng Sản có bị giải tán thì cái cách hành xử không theo pháp luật mà theo lợi, quyền, dùng sức mạnh để lấn áp kẻ khác cũng vẫn còn ảnh hưởng không dễ gì biến mất ngay. Tình hình tại các nước cộng sản cũ tại Đông Âu cho thấy điều đó. Chế độ đảng trị đã để lại hậu quả tai hại cho xã hội, khiến cho việc xóa bỏ thói xấu của chế độ đảng trị, xây dựng nên chế độ pháp trị thành một công việc nặng nề, khó khăn giống như việc dọn dẹp cái chuồng ngựa mênh mênh của vua Augias. Cần có khả năng gánh vác như Hercules mới có thể làm được. Mà không phải là một Hercules mà là nhiều người như vậy. Các luật sư ngày nay đang tranh đấu cho dân chủ, nhân quyền là những Hercules đang làm việc vá trời lấp biển đó.



Xuân Về Vọng Tưởng Cố Hương

Lưu Thị Chiêu



Nguyễn Tài
www.nguyentai.ca

Thời gian vùn vụt trôi nhanh. Quyển lịch Tam tông miếu treo trên tường chỉ còn vòn vên chục tờ. Thế là Tết lại về rồi các bạn ơi !

Ngoài hiên tuyết lát phát rơi ngập lối. Trời Tây năm nay Đông đến mang cái lạnh nhiều hơn so với những năm qua. Cái lạnh ngoài trời so với sự se thắt ngậm ngùi của những người tha hương khi Tết đến Xuân về có thấm vào đâu !

*Tờ lịch vô tư với rụng dần
Ở hay đã đến độ sang Xuân
Quê mẹ mờ xa vương vương nhớ
Hương nồng lúa mới nước vằm sông*

Thấm thoát mà đã hơn ba mươi năm xa xứ. Bao năm sâu lữ thú ly hương. Xuân đến xuân đi vô tình theo luật tuần hoàn của tạo hóa. Ai là người sống xa quê hương đất tổ không khỏi bồi hồi nhung nhớ về những kỷ niệm êm đềm của thuở ấu thơ, của những cái Tết thâm tình đậm đà hương lúa. Khắp nơi nơi pháo nổ vang trời, giấy hồng điều quán quít quanh cây nêu tô thắm những con đường làng quanh co dẫn vào thôn xóm. Bọn con nít chúng tôi líu lo rộn rã, xúng xính trong những bộ quần áo mới, mà khoái nhất là trong túi đứa nào cũng rủng rỉnh những bao lì xì. Nhịp chân sáo của lũ trẻ rủ nhau đi chúc Tết làm những hàng dừa xanh và vườn trái cây nặng cành say trái ven những bờ ruộng cũng vui lây, đong đưa theo ngọn gió heo may hoà hương ngọt ngào với nắng xuân tươi mát.

*Áo mới giầy xinh bước thong dong
Túi em rủng rỉnh những bao hồng
Hàng dừa say nắng cười trong gió
Ngã gối reo đùa đón đông phong*

Xuân xứ người thật là buồn tẻ mặc dù quê người nào thiếu thú chi. Cũng mâm ngũ quả tươi hồng, cũng nồi thịt kho bên đĩa bánh chưng bánh tét, bàn thờ Ông Bà cũng nghi ngút khói hương và bạn bè thân hữu cùng chúc tụng nhau qua điện thoại. Nhưng thật là buồn tủi vì có những năm Tết nhằm vào những ngày trong tuần, nên dù trời đông rét mướt và hôm nay là mùng một, ngày bắt đầu năm mới, đứng ra mình sẽ được quây quần cùng gia đình vui xuân đón Tết, sống ở xứ người đành phải chịu thôi, không có quyền lưỡng lự phiến hà. Giờ đã điểm, nên dần lòng mà vác cuốc đi cày ! Tội thay cho cảnh mai vàng bằng nylon trên bàn thờ vẫn rắng sức khoe màu như để an ủi cho những người con viễn xứ nhớ xuân nơi quê hương lòng trào tuôn ngấn lệ trong nỗi nhớ ngút ngàn !

*Từ độ lê thân nơi đất khách
Quê người lưu lạc gánh ưu tư
Đất lạ viễn du xuân tẻ nhạt
Đậm dài chân mỗi nỗi sầu nhu...*

Buồn man mác trong ta nhưng vẫn đón Xuân với đủ đầy ý nghĩa thiêng liêng và luôn tự hào về truyền thống, về đạo lý làm người, những giá trị về tinh thần bất khuất về tính kiên cường, duy trì và bảo vệ thể đạo nhân tâm. Bởi vậy vào ngày hôm ba tháng chạp dù có bận rộn cách mấy đi nữa mình cũng nhớ đến gia đình Ông vua bếp, mặc dù :

*“Thế gian một vợ một chồng
Nào như vua bếp hai ông một bà”*

Trịnh trọng đưa ông về Trời để Ông công minh chánh trực tâu mọi việc thiện ác của nhân gian, nhất là những điều xảy ra nơi nhà mình ; Táo châu Ngọc Hoàng tâu trình và chờ khi hội nghị Thiên Tào bết mạc thì Ông sẽ trở lại trần gian. Ta trọng ông Táo vì xưa nay ai cũng biết rằng ông là người :

*“Công bình hữu đức năng tư hoá
Chánh trực vô tư đạt khả thiên”*

Thờ Táo Quân như để nhắc nhở cho nhau tính thủy chung, đạo vợ chồng. Ngày xưa mình thấy khi cúng người ta mua hai cái nón đàn ông và một cái nón đàn bà và một con cá chép cho Táo quân cuội vượt vũ môn, cá chép sẽ hoá thành rồng bay về Trời. Cúng xong bài vị cũ được đem ra đốt và thay vào bài vị mới. Điều ngộ nghĩnh nhất là ông Táo không bao giờ mặc quần mà vẫn ung dung vào châu Thượng Đế.

*“Hăm ba ông Táo lại vui Xuân
Đội mũ mang hia chẳng mặc quần
Thượng Đế hỏi rằng : sao chướng vậy ?
Táo rằng : Hạ giới nó duy tân”*

Dù trời Tây bằng giá, sáng mai phải dậy sớm đi cày, nhưng mình cũng không quên tục mừng đón giao thừa. Trong cái đêm đông lạnh lẽo ấy hướng về quê hương xa thăm lòng buồn rười rượi nhưng cũng sưởi ấm đôi phần khi nhìn bàn thờ ông bà khói nhang nghi ngút, lòng thâm tưởng tượng dù bữa cơm tuy đạm bạc nhưng ông bà đã hội tụ về đây mà chúng giám tẩm lòng thành kính của đàn con cháu.

*“Cây có gốc mới nở cành sinh ngọn
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu”*

.....

*“Công đức cao đầy, muôn thuở cháu con ghi nhớ
Nghĩa tình sâu nặng, ngàn năm hương khói phụng thờ”*

Nhắc nhở vài phong tục tập quán để tăng thêm thi vị đón xuân, mong rằng sẽ làm vơi bớt phần nào niềm thương quê hương mù xa dịu vợi. Lòng mình mang trở về quá khứ, nơi làng xưa rộn rịp nhịp chày khua, dưới ánh lửa bập bùng lung linh thơ mộng chúng ta cùng quây quần bên bếp ấm, nghe lòng nôn nao theo tiếng reo tí tách của nồi bánh tét chờ đón giao thừa. Ôi còn đâu những rạo rục trong ngày cuối năm của những tà áo trắng trước cổng trường băng khuôn hò hẹn ! Cội mai vàng thắm xinh trước ngõ ngôi chùa xưa có còn chờ đón ta hái lộc đầu năm ? Thầy cũ, bạn xưa ai còn ai mất. Những kỷ niệm xưa hình như lui dần trong chuyện cổ tích xa xăm...

*Xuân qua xuân đến cách ngăn
Trường ơi ta vẫn bản khoản cội nguồn
Phong trần thêm thâm tình thân
Rời quê đau xót bước chân lạc loài
Xuân về nhớ lắm cánh mai
Tháng năm nhuộm trắng tháng ngày tha hương
Cánh cò phiêu bạc muôn phương
Quốc kêu nức nở thương hồn núi sông
Lục bình từng đám trở bông
Cầu tre lác lẽo gió mong xoay chiều
Vẳng nghe dào dạt tiếng tiêu
Đêm Xuân thao thức đèn khêu đoạn trường
Nghẹn ngào hai tiếng quê hương
Lênh đênh xứ lạ chờ Xuân thanh bình...*

Xuân Xứ Người

Thanh Huyền

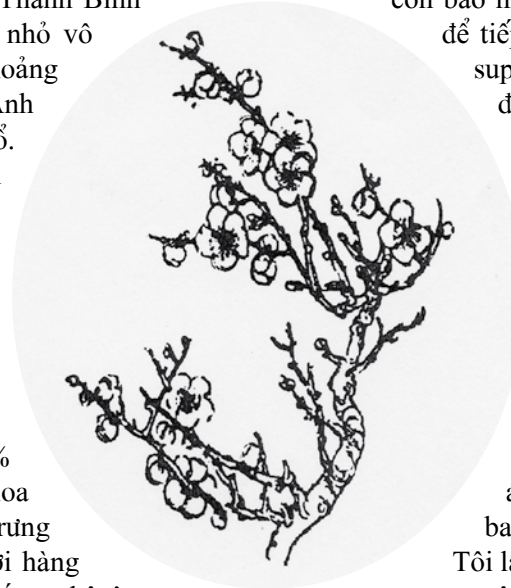
Nếu mai không nở, anh không biết xuân về hay chưa. Đó là tâm sự ngày xưa của người lính ở xa thành phố, nơi không có không khí nhộn nhịp sửa soạn đón Tết, không có cảnh mua sắm, không có gian hàng rực rỡ bày bán mít, bánh chưng bánh tét, dưa hấu, pháo đỏ. Người lính tiền đồn hẻo lánh chỉ nhìn những nụ mai vàng để biết xuân đã về, Tết sắp đến. Tôi cũng đâu ngờ rằng, tâm sự này cũng lại vẫn vào tôi hơn 30 năm nay, khi sang sống nơi xứ người. Mỗi năm Tết đến, chung quanh ông Tây bà Đằm, nhịp sống vẫn bình thường, ngày Tết của mình, họ vẫn đi cây. Mình sống xứ họ, mình cũng đi cây, học trò vẫn phải cấp sách đi học. Nếu không có những buổi văn nghệ Tết do các anh chị em Tổng Hội hay Orsay tổ chức, thì cũng như anh lính canh gác đồn xa, chắc tôi cũng không biết xuân về hay chưa ?

Tôi tới Paris đầu thập niên 80. Thuở đó chưa có phố tàu quận 13. Đi chợ Việt Nam tại tiệm Thanh Bình khu Maubert, rồi tạt sang con hẻm nhỏ vô Kim Nga mua băng cassette. Thỉnh thoảng đựng đầu anh ca sĩ lai đen Quốc Anh ngẫu hứng ngân nga vài câu vọng cổ. Rồi thì băng nhạc Thúy Nga khai trương tại khu Maubert. Lúc đầu tiệm ẹt ọt với mớ băng cassettes cũ xào đi xào lại và một số sách báo. Tôi còn nhớ khi ghé tiệm thấy cuốn báo Thiếu Nhi mới phát hành bên Mỹ, bày bán. Nhìn tấm hình bìa, ôi chao sao thân thương quen thuộc, khỏi cần nhìn tên tác giả tôi cũng biết chắc 90% là ViVi vẽ. Một thời của tuổi hoa, hoa đỏ, hoa xanh, hoa tím đầy mà. Tiệm trưng một tấm hình Khánh Ly thật lớn, với hàng chữ viết tay do chính Khánh Ly ‘chứng nhận’ đây là Thúy Nga ngày xưa ở Việt Nam. Khu Maubert còn nổi tiếng với rạp hát Maubert nơi tụ tập ăn Tết của người Việt Nam tị nạn cộng sản. Năm nào cũng có hai đêm văn nghệ Tết do Tổng Hội Sinh Viên Paris và Ái Hữu Việt Kiều Vùng Nam Paris, gọi tắt là Orsay, tổ chức. Orsay văn nghệ trội nhờ những màn múa, những vở kịch mỉa mai cán ngố VC, khơi đúng tâm trạng người tị nạn mới thoát vùng kềm kẹp đó. Bên Tổng Hội, màn đơn ca, phải nói quá đặc sắc. Tôi nhớ mãi hôm đó khi nghe Thanh Trúc ca bài ‘Ai trở về xứ Việt, nhấn giùm ta người ấy ở trong tù’ ... ở cả rạp im phăng phắc, lắng tai nghe

như là tâm sự của chính mình muốn nhấn về bên ấy, cho cha, cho con đang bị tù cải tạo, tù vượt biên. Tham dự Tết, để được gặp đồng hương, được mặc chiếc áo dài Việt Nam, để được đứng nghiêm trang chào cờ vàng ba sọc đỏ, được cất lên tiếng hát chung bài quốc ca thân thương mà đã không còn được hát tại Việt Nam. Tôi cũng có tham gia văn nghệ, thể thao và sau lần diễn lớn ở Maubert là được các cộng đồng Việt Nam ở tỉnh mời về trình diễn lại. Hôm rồi, đi chơi chung với bạn, có dịp ôn lại chuyện đi diễn Tết tại Orléans, đau bụng vì nồi cà ri, anh H kể, tui ôm bụng chạy vội vô toilettes, sau đó mới khám phá ‘sans papier’, phải cầu cứu ‘đồng bào’ kể bên liệng giấy qua giùm. Tôi cũng kể, tôi chì hơn, bụng tốt không sao mặc dù ăn tới 2 tô (cà ri nước dừa ăn với bánh mì baguette nóng giòn ngon quá xá mà), tôi vẫn còn bình tĩnh để thấy các anh trong ban tổ chức hối hả chạy ngược xuôi, về nhà còn bao nhiêu cuộn giấy lotus là ôm hết tới để tiếp tế. Vì tối thui rồi, đâu còn tiệm

supermarché nào mở cửa nữa. Trên đường về, thời đó, xe cộ cũng ít, nguyên con đường nationale (sinh viên nghèo hồng tiền trả lệ phí xa lộ) chỉ toàn là xe phe ta chở ‘tàn quân’ về. Thỉnh thoảng một xe tấp lè, bóng người chạy vụt vô lùm cây. Về gần tới Paris, bụng tôi bắt đầu giở chứng, quận đau, tôi phải hét lên, tấp lè liền. Sau đó thì mùi dầu xanh lùng bùng trong xe, không ai nói chuyện với ai nữa. Đúng là một cái Tết không bao giờ quên.

Tôi lập gia đình, rồi ra trường đi làm, có con, nuôi con, chạy hụi hơi theo tụi nhỏ với những hoạt động ở trường cũng như ngoài giờ của các cháu. Lúc đó cũng bắt đầu phong trào Internet, bạn bè ngày xưa đi học ở Việt Nam, bỗng dưng tìm lại ở khắp nơi trên thế giới. Thế là mỗi năm tôi có dịp đi hè và vui tìm lại thầy cô bạn bè ở phương xa và ... lơ dẩn bạn bè ở Paris. Một hôm nghe nói đến hội hướng đạo Việt Nam, ừ nhỉ sao mình hồng cho con vào Hướng Đạo để gặp bạn Việt Nam ? Thế là cứ mỗi chủ nhật, vượt hơn 50 cây số đem con đi họp bạn. Chả dè con tôi gặp bạn Việt Nam như là người về nguồn, rồi không cần chờ tôi tìm nữa, tự động cháu nhảy vào Tổng Hội lúc nào không hay. Con đi múa





hát thì cha mẹ phải đi xem để ... vỗ tay. Văn nghệ Tết tuy không còn hoành tráng như ở rạp Maubert, nhưng khi nghe các cháu ngọng ngào tiếng Việt với 'accent' Pháp, tôi biết các cha mẹ khác như tôi chắc chắn đang ứa nước mắt, sung sướng khi nghe những câu tiếng Việt này. Tôi cảm ơn tất cả các anh chị trong Tổng Hội đã hy sinh rất nhiều, duy trì truyền thống Việt Nam tại Pháp suốt mấy chục năm qua. Hết thế hệ này đến thế hệ khác. Các cháu gặp nhau, dĩ nhiên theo phản ứng tự nhiên của những đứa trẻ sinh tại Pháp, các cháu nói tiếng Tây với nhau, nhưng khi gặp người lớn tuổi, các cháu vẫn nói được tiếng Việt thật lễ phép. Qua những màn văn nghệ, các cháu cũng học được lịch sử Việt Nam, Con Rồng Cháu Tiên, bà Âu Cơ sinh được 100 người con, chuyện Trọng Thủy Mỹ Châu và tôi biết chắc rằng không cháu nào mà không biết phong tục lì xì, lác bầu cua cá cộp.

Tôi có người bạn cú ao ước về Sài Gòn ăn Tết, năm đó hai vợ chồng bạn về, để con lại bên này cho ông bà giữ hộ, vì chúng phải đi học. Khi sang bạn than buồn vì không còn tìm được cái không khí Tết như ngày xưa. Bên đó không gia đình, vì tất cả anh em cũng như cha mẹ hai bên đều ở Paris, bạn bè cũng tứ tán. Ngày Tết buồn hiu nên không đợi xong ba ngày tết, bạn đổi vé về liền và từ đó an tâm vui Tết xứ người. Tây không ăn Tết, mặc họ, mừng một nghỉ làm, tối giao thừa lên chùa hái lộc, weekend đầu tiên quây quần với cha mẹ con cháu, ăn bánh chưng bánh tét, ăn mít, cắn hạt dưa, thêm màn lì xì cho con cháu vui vẻ. Siêng hơn nữa, rủ bạn bè xây tua, mỗi năm ăn uống tại nhà một bữa, các cha mẹ cụng ly dzô với nhau, các con cũng nhờ làm văn nghệ Tết nên cũng thành bạn, gặp nhau chí chóc. Mọi người đều vui vẻ. Vậy thì còn tìm Tết nơi đâu nữa ? Sao không tự tạo cho mình Tết quê hương ấm cúng đây đủ ngay chính nơi xứ người.

Tôi rất vui vì sống nơi xứ người nhưng vẫn còn trọn tâm hồn Việt Nam. Sống nơi đây, tôi hưởng được không khí tự do, hưởng được quyền làm người. Cùng lứa tuổi tôi, không ít những người Việt Nam đã thành công làm về vang dòng giống Việt. Tôi luôn tự hào, hãnh diện tôi là người Việt Nam và tôi luôn khuyên nhủ con cái tôi phải hãnh diện điều này.

Đêm Dài Xây Mộng

*Trong cõi trần ai đã lấm lân
Thở dài thao thức lẫn băng khuâng
Nghe quốc nào nùng than lạc nước
Canh tàn bắc lụn héo dần xuân*

*Xuân ấy lửa binh dậy đất Trời
Thế thời điên đảo vạn sao rơi
Tráng sĩ buông gươm buồn yên ngựa !
Vận nước ngậm ngùi rách tả tơi*

*Tàn y khắc khoải sầu chất ngát
Quê nghèo thoi thóp hận lằm than
Giọt đổ ngấn dài thương hương lúa
Nghèn nghẹn cánh cò nhớ miên man*

*Hình như tiếng vọng từ đâu đến
Chim Việt gọi đàn trong ánh mai
Hương quê nồng ấm chân trời rạng
Nâng chén sum vầy xây tương lai*

*Vó ngựa hí vang rộn phố phường
Chiến mã oai hùng vững yên cương
Hoa xuân thơm ngát mầm hy vọng
Hạnh phúc dâng tràn khắp cố hương*

Hoa Chanh

Năm Mão Nói Chuyện Mèo

Tân Phong

Mèo là con giáp thứ tư trong mười hai con giáp. Đối với người Việt thì là năm con mèo nhưng theo mười hai con giáp của Trung Hoa thì con giáp thứ tư là con thỏ. Vì sao có sự khác biệt này? Có người giải thích rằng mười hai con giáp phát xuất từ người Việt rồi được người Trung Hoa du nhập. Để chứng minh điều này năm Ngọ là năm ngựa, Ngọ và Ngựa có phát âm giống nhau, trong khi Ngọ rất xa với chữ mã, nghĩa là ngựa tiếng Hán. Ngoài ra các học giả còn có các chứng minh về ngôn ngữ học để nói rằng do thổ âm của từng nơi khác nhau mà năm con mèo trở thành năm con thỏ ở Trung Hoa. Không biết là có đúng hay không nhưng nghe cũng thấy thích vì Trung Hoa phải học văn minh Việt Nam.

Trong các gia đình Việt Nam, khi đứa trẻ còn bé bắt đầu tập nói là cha mẹ đã dạy cho các bài hát trong đó có bài con mèo mà trèo cây cau :

*Con mèo mà trèo cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà
Chú chuột đi chợ đường xa
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo*

Có người sau này tìm cách giải thích ý nghĩa của bài hát này, người thì bảo rằng bài này có ý nghĩa phản kháng vì căn cứ vào câu cuối, con chuột thường bị mèo ăn hiếp lại đi mua mắm mua muối giỗ cha con mèo, chữ giỗ cha chú mèo là có ý mắng để trả thù lại lúc bị mèo đui. Có người lại cho rằng mèo đến thăm chuột là bài này có ý muốn mèo chuột thôi đừng xem nhau là kẻ thù. Thôi thì mỗi người một ý. Trẻ con được dạy bài này thì rất thích vì các con vật trong bài được mô tả như những con người, đi thăm viếng nhau, đi chợ mua hàng... mang hình ảnh giống như trong các phim hoạt họa dành cho trẻ em.

Mèo là loài gia súc sống trong nhà gần gũi với chúng ta nên trong đời sống nhiều lúc chúng ta chẳng tránh khỏi nhắc đến con mèo trong lúc nói chuyện.

Để nói về những người ăn uống chậm, nhỏ nhẹ chúng ta có câu : Ăn nhỏ nhẹ như mèo.

Quả thật có nhìn con mèo ăn thì mới thấy nó ăn uống nhỏ

nhẹ, chậm rãi từng miếng nhỏ, khác với con chó hay con lợn khi được cho ăn thì hăng hái ăn tới tấp.

Câu tục ngữ “Có ăn nhạt mới biết thương mèo” để nói về việc một người có phải sống trong cảnh cực khổ, khó khăn mới biết thương những người từ xưa đến nay vẫn phải sống trong hoàn cảnh khó khăn đó. Có lẽ là vì người ta thường cho mèo ăn thức ăn thừa nên lắm khi mèo phải ăn các thức ăn nhạt nhẽo, không có thịt cá .

Câu tục ngữ “Chẳng biết mèo nào cắn mỉu nào” được dùng khi muốn nói hai bên không chắc ai hơn ai, mèo và mỉu đều là mèo cả, mỉu là chữ mèo nói trại ra.

“Chó chê mèo lắm lông” dùng để nói rằng mình cũng chẳng tốt gì mà lại đi chê người khác, vì cả chó và mèo đều lắm lông cả.

Khi muốn nói đến món đồ gì không có giá trị, chẳng ai thèm lấy thì chúng ta dùng câu “Chó tha đi mèo tha lại”. Một món ăn ném cho chó, chó không thèm ăn, rồi mèo cũng chê luôn thì chẳng ai thèm lấy làm gì.

Một trong những vấn đề khi có mèo, chó nuôi trong nhà là sợ các con vật này ăn vụng đồ ăn. Vì thế mà có câu “Chó treo, mèo đập”. Chó không leo trèo được thì treo lên là chắc ăn, còn đề phòng mèo thì phải đập lại cho kỹ.

Khi nói đến việc làm táo bạo thì người ta ví như là “Chuột gặm chân mèo”.

“Chửi chó, mắng mèo” là để tả cảnh một người bực tức, gặp ai hay gặp những chuyện nhỏ nhặt cũng to tiếng giống như người đi trong nhà gặp chó cũng chửi, gặp mèo cũng mắng.

Gặp ai làm chuyện gì gian dối, dấu diếm, khi biết được, bực quá ta nói: “Dấu như mèo dấu cút”, vì mèo có thói quen bới đất dấu phân.

Khi bạn đi làm việc bị cấp trên sai làm công việc đáng lẽ ra thuộc phần chuyên môn

của người khác chú không thuộc về lãnh vực chuyên môn của bạn, đấy là cảnh “Không có chó bắt mèo ăn cút”.

Câu này cũng phản ảnh nếp sống tại Việt Nam, chó nuôi được thả rông nên khi thấy một đứa bé mới đại tiện thì chó mừng như gặp một bữa tiệc thịnh soạn.

Vào ngày mùng một Tết, khi mới mở cửa ra gặp một con chó lang thang ở đâu chạy vào nhà thì mọi người sẽ mừng



và khen là “Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì giàu”. Nghĩa là nếu mèo vào nhà vào ngày đầu năm thì năm đó làm ăn khó khăn, bị nghèo, còn nếu là chó vào nhà thì năm đó sẽ làm ăn phát đạt. Có lẽ điềm này chỉ tính đến chó lạ từ đầu đến chứ không tính việc bạn buộc con chó của bạn ngoài cửa rồi đợi qua giao thừa nửa đêm thì mở cửa cho con chó chạy vào nhà.

Nói chuyện với ai mà cứ phải nghe họ tự khen mình mãi thì mình chẳng khỏi bực mình mà nhủ thầm trong bụng rằng “Thật đúng là mèo khen mèo dài đuôi”.

Ở Việt Nam đôi khi chúng ta bị những con mèo hoang ở đâu lên vào nhà ăn vụng, đồ ăn cất cách nào nó cũng biết mà moi ra, thấy con mèo khôn ngoan quá, người ta nói: “Mèo già hóa cáo”. Nghĩa là mèo già trở nên khôn ngoan như là cáo. Câu này cũng được dùng để chỉ những người hoạt động trong một lãnh vực lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm, có những mưu chước tinh ma quỷ quái.

Chữ “Mèo mả, gà đồng” là để chỉ những người mình chê là tư cách, hạnh kiểm không ra gì. Chẳng hạn nói: “Đi giao du với những phường mèo mả gà đồng thì có hay ho gì!” Mèo và gà là gia súc nuôi trong nhà. Mèo mả là mèo lang thang trên các mả ngoài nghĩa địa, gà đồng là gà hoang chạy ngoài đồng được ví với những người lang thang, rày đây mai đó làm những việc thiếu đạo đức.

Cũng cùng nghĩa coi thường tư cách một người nào đó, người ta nói: “Mèo lành chẳng ở mả, ả lành chẳng ở hàng cơm”. ả là tiếng chỉ một người phụ nữ. Đó là cách nhìn của người xưa về các phụ nữ hay đi ra ngoài giao du với mọi loại người trong xã hội.

Khi thấy ai may mắn gặp một món lợi hay điều hay ho vượt quá khả năng hay sự mong đợi của người đó thì người ta ví hoàn cảnh đó như là “Mèo mù vớ được cá rán”. Mèo mù thì khả năng kiếm ăn kém mà lại tìm được cá rán là món mà mèo rất ưa thích.

Hoàn cảnh “Mèo mù vớ được cá rán” không phải lúc nào cũng xảy ra cho mọi người nên những người có óc thực tế thì làm theo cách “Mèo nhỏ thì bắt chuột con”, chọn những mục tiêu vừa với khả năng của mình mà nhắm. Như thế dễ thành công mà không gặp phải cảnh “Mèo cào không xẻ vách vôi”. Thời xưa, lúc chưa có xi măng thì vách được trát vôi, là loại vách vững chắc. Súc mèo cào không thể làm hỏng vách vôi được. Đó là cảnh đi làm những việc vượt quá khả năng của mình.

Để tả một người đang rất thèm muốn chiếm đoạt một thứ gì người ta so sánh người đó giống như là “Mèo thấy mỡ”.

Những người khôn ngoan, có kinh nghiệm có những của cải, đồ đạc quý giá họ biết cách cất dấu, giữ gìn để tránh những kẻ gian tham chiếm đoạt. Họ không muốn bị cảnh “Mỡ để miệng mèo”. Câu này để chỉ những người hớ hênh tạo ra hoàn cảnh để cho người khác dễ lợi dụng.

Thấy ai có vẻ thất vọng, buồn vì không đạt được một việc gì thì người ta ví “Tiu ngưu như mèo bị cắt tai”. Ai mà lại đi làm chuyện độc ác cắt tai mèo để làm gì không biết!

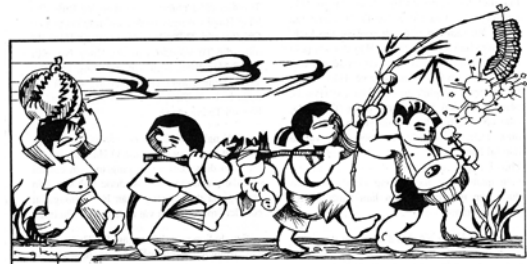
Đôi khi trong đời, chúng ta gặp những kẻ bắt nạt những người yếu hơn mình, khi gặp người mạnh hơn thì họ chẳng dám làm gì. Những trường hợp đó chính là:

*Mèo tha mất thịt thì đời
Kênh tha mất thịt mất coi trùng trùng.*

Kênh là tiếng gọi con cọp. Gặp cọp tha mất thịt thì chẳng dám làm gì chỉ mở mắt trùng trùng mà nhìn.

Một câu nói tích lũy sự khôn ngoan của nhiều đời là câu ‘Ăn thịt mèo, nghèo ba năm’. Mới nghe nói bị nghèo ba năm là ai cũng sợ rồi, vì thế mà rất ít người ăn thịt mèo, trong khi có nhiều người ăn thịt chó. Tại Việt Nam cách đây mấy năm tại miền Bắc có phong trào ăn thịt mèo, lại có nhiều người đi bắt mèo đem sang Tàu bán vì dân Tàu cũng thích ăn thịt mèo. Vài năm sau thấy báo đăng tin là sao thấy chuột sinh sôi nảy nở quá nhiều ăn hết thóc lúa. Dĩ nhiên rồi. Ăn hết mèo thì không còn ai bắt chuột, chuột tha hồ mà sinh sôi nảy nở. Chuột ăn hết thóc lúa thì nghèo là phải. Có người lại bàn hay là nuôi rắn để bắt chuột. Nhưng nuôi mèo để bắt chuột thì mèo quanh quẩn trong nhà không sao, còn rắn quanh quẩn trong nhà thì không dễ chịu chút nào. Sao không để mèo bắt chuột còn rắn thì đem nhậu?

Tại Việt Nam nhiều người nuôi mèo mục đích là để bắt chuột. Nhưng xem ra không phải là mèo nào cũng háng hái bắt chuột. Cũng có những con mèo tính tình rất ‘tốt bụng’, thấy chuột đến ăn cơm của mình mà vẫn nằm yên



Chủ nhân của mèo thấy thế chắc chắn là không bằng lòng vì thấy mình cho mèo ăn tốn cơm mà mèo không chịu ‘làm việc’. Muốn biết mèo có phải là mèo ‘hay chuột’ (siêng năng bắt chuột) không, người ta thường nắm gáy mèo mà giơ lên. Con mèo nào mà co rúm người lại thì được cho là hay chuột, còn mèo nào khi bị túm giơ lên mà người duỗi thẳng ra thì bị xem là không thích bắt chuột. Lại có người nói rằng khi nuôi mèo đừng cho nó ăn no vì cho ăn no thì mèo sẽ không còn muốn bắt chuột. Điều này cũng dễ hiểu. Mèo bị cho ăn một ít cơm, không có cá thịt nên không đủ protein, khi đói mèo sẽ không thể nằm yên một chỗ mà đi lang thang, lùng sục bắt chuột để ăn... hoặc là vào bếp lục thức ăn để ăn vụng.

Mèo ngoài việc được nuôi để bắt chuột nhưng mèo vì ở trong nhà quanh quẩn với người nên cũng trở thành người bạn thân thiết của người. Tại các nước mà trong nhà được giữ không còn chuột thì cũng vẫn có người nuôi mèo để làm bạn. Nhiều người yêu mèo, sẵn sàng bỏ tiền nhiều để săn sóc mèo, mua thức ăn cho mèo, đưa mèo đi khám bệnh... Trong những trường hợp như vậy mèo đã trở thành người bạn chứ không còn là một kẻ phục vụ nữa.

Tranh mèo: Nguyễn Đăng Sơn, nguồn Internet

Chúa Xuân Ơi...

Bình Minh

*Sáng tinh sương mây buồn vương tím tím
Trời Paris âm đạm sợi điều linh
Quê hương Ơi từng gắn lệ thân tình
Xuân phong hởi lòng ngậm ngùi lũ thú*



Gần những ngày cuối năm, trong tôi, buồn vui bất chợt. Một cảm giác lâng lâng khó tả dường tựa đến cái không khí se lạnh của ngọn gió heo may chan hòa cùng những cánh mai tươi thắm ở quê hương. Những nụ hoàng mai rực rỡ tượng trưng cho cốt cách thanh cao của những bậc chính nhân quân tử đang vươn mình khoe sắc trong ngọn gió đông và hân hoan báo tin xuân cùng vạn vật. Trong tôi, một góc trời quê hương thơm mùa lúa mới như tấm thảm lụa óng vàng tiếp nối cùng những liếp dưa bầu xanh màu yên bình in bóng lung linh trong nỗi nhớ. Ơi hai tiếng Việt Nam tự ngàn xưa như đã ngấm sâu vào dòng máu Lạc Hồng !

*Trong tôi canh cánh một gốc
mai
Hương mà vị mượt sắc chẳng
phai
Ngày Xuân hé nụ hoa tuyệt
đẹp
Ngọt ngào quê mẹ thoáng
hương bay*

Cuộc sống tha hương với bao nhọc nhằn bươn chải, mình phải hết sức cố gắng để theo kịp sự tiến hóa của xã hội bao quanh, vì thế thời gian trôi thật nhanh và tuổi xuân mau dần

xa mà mình đâu hay biết. Đôi khi nhìn mình trong gương với nét phong trần in đậm trên mái tóc đã điểm sương mà

...Nhớ Lắm Một Khung Trời

cảm thấy tiếc nuối buồn buồn. Mỗi đây mà mình đã gần cái tuổi sáu mươi ! Nhẩm tính khoảng thời gian mình rời quê xa xứ nó lại dài hơn những năm tháng mình được sống và trưởng thành nơi quê mẹ. Nhưng trong tôi, mỗi khi Tết đến là bùi ngùi khôn xiết ! Thần thơ thầm nhớ những kỷ niệm xa xưa ; nhất là chạnh lòng xa xót khi nhớ về Cha đau Mẹ yếu mà Tết đến lại không được xum vầy đầy đủ, cháu con chung vui chúc thọ. Mình thật là mang tội nhiều lắm đối với hai đấng sinh thành ! Nhưng ‘Ba Mẹ ơi, thân con một kiếng hai quê biết làm sao cho vẹn nghĩa !’

*Chiêm bao con khóc con quỳ
Ôm Cha hôn Mẹ con ghi con đau*

Đây là hai câu thơ của nhà thơ Luân Tâm viết tặng hôm nọ, lời thơ thật chân tình mà mỗi khi đọc lên tự dưng nước mắt mình bỗng tuôn rơi ! Ôi ngôi làng thân thương có những con rạch tắm mát đời mình, nó đã từng cho mình một tuổi thơ êm đềm bên những người thân, mình lớn lên trong phù sa ngào ngọt của tình làng nghĩa xóm, của đám bạn bè chơn chất mà chứa chan những thân tình tha thiết...

*Cố hương ơi, cố hương
Xuân đến nao nao dạ nhớ thương
Đất khách chiều nay dòng lệ rớt
Sóng dội tình về vượt đại dương*

*Luống mạ chiều Xuân thẳng cánh cò
Suối tóc buông dài lưu luyến thơ
Đường qua thôn ấy mai vàng ngõ
Có đàn bướm lượn ước hoa mơ
Phong pháo nổ đòn bên hông chợ
Dưới nắng xuân hồng nhện giăng tơ
Tục nữ dệt thì đôi má ửng
Trai hùng xao xuyến dạ ngần ngờ*

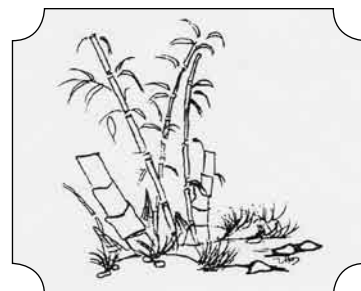
Nhưng than ôi, tuổi xuân tươi đẹp trên quê hương sao mà quá ư ngắn ngủi ! Đến nay đã hơn ba mươi năm bước chân in dấu ở miền viễn xứ, nơi mà mình tạm gọi là quê hương thứ hai. Nhờ Trời Phật thương, cuộc sống đời thường của thân chum coi như tạm ổn. Nhưng không hiểu sao, mỗi khi Tết đến, Xuân về mình lại miên man nhớ về quá khứ. Nhớ mãi cái thời mình được đón Xuân cùng Cha Mẹ Anh

Em trong ngôi nhà thân yêu ngập tràn kỷ niệm vì hình như tình cảm thiết tha ấy luôn đeo đẳng ràng buộc tìm mình nơi chôn nhau cắt rún. Chắc chắn rằng : mình không thể dứt bỏ được dẫu tình đời đã xảy ra nhiều cuộc dâu bể long đong... Ở nơi phương trời xa thăm thẳm tiệc mở linh đình chẳng thiếu gì đặc sản quê hương nhưng hình như....dù có bao nhiêu ly rượu ấm đi nữa cũng không đủ để sưởi lòng người xa xứ và tiết Xuân nồng quê người vẫn không thể nào xoa dịu hết nỗi huyệt hẫng của những người con nghìn trùng cách xa quê hương....

*Tôi đứng đây giữa tiết Xuân buốt giá
Những mùa Xuân diễm lệ đã bay qua
Từ lúc nào tôi biến thành phiến đá
Hồn phiêu diêu trôi giạt đến quê nhà
(Tạ tỵ)*

Thôi thì ta hãy nuôi hy vọng và mình vẫn luôn luôn dệt đẹp giấc mơ. Mong lắm sẽ có một ngày ánh nắng thanh bình chói rạng trên quê hương. Những tia nắng kỳ diệu ấy sẽ xóa tan niềm đau mất mát trong những năm dài bất đắc dĩ mình phải xa cội rời nguồn. Nhân dịp Xuân về mình xin thương chúc tất cả những anh chị em đồng hương có được một cái Tết ngọt ngào hương Xuân cũ....

*Dàn lòng ngàn lệ tuôn rơi
Quê hương rồi sẽ là nơi tìm về
Mưa chiều nắng sớm mỗi mê
Đất trời gió bụi nào nề tan cơn
Trời Xuân sẽ rạng nước non
Bến Xuân vẫn đợi pháo son lập lòe
Hoa Xuân bát ngát hương khoe
Đào mai vui khúc ca về Việt Nam*



Văn Minh Trống Đồng, Hành Diện Hay Ngậm Ngùi ?

Chân Phương

Người Việt Nam nào chắc cũng biết sự tích Một Mẹ Trăm Con, Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ đẻ ra trăm trứng là nguồn gốc của Bách Việt, và cũng biết nước Văn Lang tức là nước Việt Nam sau này là một trong những nước Bách Việt này. Toàn thể các nước Bách Việt có biên giới phía Bắc lên đến tận Động Đình Hồ, gần phía Nam sông Dương Tử bên Tàu. Đó là nguồn gốc của nước Việt Nam ngày nay. Trong cuốn Việt Nam Sử Lược của ông Trần Trọng Kim có nói nguồn gốc dân tộc Việt do nhiều người Tàu và người Việt nói rằng có thể là từ giống người Tam Miêu sống ở miền Nam nước Tàu, về sau bị người Hán xâm chiếm nên chạy xuống phía Nam mà thành nước Việt.

Đọc sự tích này chúng ta cảm thấy hành diện vì xưa kia nước ta đã từng có lãnh thổ rộng lớn đến tận bên Tàu. Nhưng ngồi suy nghĩ lại thì chẳng tránh khỏi ngậm ngùi vì trong lịch sử nước ta rộng lớn như thế mà sao lại bị thua người Hán để đến nỗi chỉ còn có miền Bắc Việt Nam !

Đến đầu thế kỷ 20 thì người Pháp tại Việt Nam đào được trống đồng và các vật dụng bằng đồng cho thấy tại vùng Bắc Việt đã từng có nền văn minh dùng đồ đồng rực rỡ. Từ đó về sau kết quả của khảo cổ càng ngày càng làm cho người Việt hành diện rằng trước khi bị người Trung Hoa sang đô hộ thì Việt Nam đã từng có một nền văn minh chứ không phải như người Trung Hoa coi thường các nước xung quanh Trung Hoa đều là man di, mọi rợ cả.

Người Việt thấy càng hành diện hơn khi kết quả của khảo cổ cho thấy các vật dụng đào được tại miền Nam Trung Hoa cho đến phía Nam sông Dương Tử có những nét giống văn minh Trống Đồng của Việt Nam, còn các vật dụng đào được từ phía Bắc sông Dương Tử trở lên thì thuộc về một nền văn minh khác, nghĩa là thuộc về người Hán. Có người nói là nhiều phát minh được nói là của Trung Hoa như làm giấy, la bàn là do Trung Hoa thu nhận của văn minh Bách Việt khi họ đánh chiếm các nước Bách Việt.

Thế nhưng niềm hành diện này chẳng khỏi đi theo sự ngậm ngùi âm thầm là sao các nước Bách Việt văn minh như thế mà lại thua người Hán ?

Có lẽ phải xem lại lịch sử nước Trung Hoa khi người Hán bắt đầu xâm chiếm các nước Bách Việt.

Người Hán bắt đầu tấn công, xâm chiếm các nước Bách Việt ở phía Nam sông Dương Tử sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, năm 221, trước Công Nguyên (TCN). Từ năm 221 trở về trước, Trung Hoa lúc đó bao gồm các nước nhỏ phía Bắc sông Dương Tử và các nước

này đã trải qua nhiều thay đổi có ảnh hưởng sâu xa đến kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị.

Theo các sách sử chép, kể từ thời Chiến Quốc (475 TCN), các nước nhỏ trong Trung Hoa đánh nhau dữ dội để tranh giành đất đai trùng hợp với việc phát minh ra các quặng sắt và việc sử dụng đồ sắt. Việc phát minh ra đồ sắt ảnh hưởng đến chiến tranh đã làm cho có người thời đó cho rằng chỉ khi nào các quặng sắt cạn hết thì thiên hạ mới hết chiến tranh.

Ý nghĩa này hiển nhiên không đúng nhưng điều này cho thấy nước Trung Hoa lúc đó đã chuyển sang một giai đoạn văn minh mới từ văn minh đồ đồng sang văn minh đồ sắt vào thời Chiến Quốc (475 TCN-221 TCN), là thời kỳ đi sau thời Xuân Thu (722 TCN-475 TCN).

Việc biết sử dụng đồ sắt làm thay đổi bộ mặt xã hội thời đó. Lưỡi cày làm bằng sắt thì cứng hơn lưỡi cày làm bằng đồng nên có thể cày sâu hơn, làm thay đổi phương pháp canh tác và tăng gia sản lượng nông nghiệp. Trục xe làm bằng sắt thì cứng hơn và xe có thể chuyên chở nặng hơn. Khí giới làm bằng sắt thì cứng hơn khí giới làm bằng đồng, có thể chặt gãy hay làm sứt mẻ khí giới bằng đồng.

Việc dùng đồ sắt làm cho nông nghiệp gia tăng sản lượng, đưa đến việc gia tăng dân số. Dân số gia tăng thì sức mạnh các quốc gia gia tăng, kinh tế sản xuất nhiều hơn, quân đội đông người hơn với trang bị vũ khí tối tân hơn. Việc gia tăng dân số khiến cho việc cai trị thay đổi do đó phải đặt ra đơn vị hành chính mới là quận, huyện, để có thể kiểm soát được dân chúng. Việc phát minh ra quận,



huyện được nhà Tần sử dụng để cai trị nước Trung Hoa theo lối tập trung quyền lực vào tay chính quyền trung ương thay vì chia ra cho các vương, hầu nắm tại các địa phương.

Đồng thời với chiến tranh, thì nhiều người đưa ra các tư tưởng hoặc làm cho quốc gia hùng mạnh hơn hoặc tìm cách giải quyết nạn các nước tranh giành, đánh lẫn nhau. Vì thế thời Chiến Quốc là thời các tư tưởng, học thuật đua nhau ra đời. Các tư tưởng lớn có ảnh hưởng lâu dài trong văn hóa Trung Hoa đều sinh ra trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc.

Chiến tranh liên tục giữa các quốc gia cũng làm cho kỹ thuật quân sự được cải tiến vì nước nào cũng phải tìm cách cải tiến quân đội, chiến thuật, để tồn tại và để thôn tính được nước khác.

Như vậy, trong khi các nước Bách Việt có một nền văn minh trống đồng huy hoàng thì tại miền Bắc sông Dương Tử, các nước Hán đã trải qua một cuộc cách mạng từ đồ đồng tiến lên đồ sắt đem lại nhiều tiến bộ vượt bậc.

Khi Tần Thủy Hoàng sai quân đánh các nước phía Nam thì quân đội nhà Tần lúc đó là quân đội thiện chiến vì đã trải qua nhiều chinh chiến, có những kỹ thuật tác chiến tiến bộ nhất, có thể họ mới thắng được sáu nước kia để mà thống nhất Trung Hoa. Sau hàng trăm năm cải tiến canh tác nhờ dùng đồ sắt mà dân số Trung Hoa lúc đó đông đúc hơn. Lại thêm chế độ chính trị tập trung quyền lực vào tay nhà vua thay vì để cho các chư hầu có quân đội riêng mà nhà Tần có thể tập trung quân số với quân đội đồng có thể áp đảo các quân đội các nước Bách Việt.

Chính nhờ các ưu thế do cuộc cách mạng đồ sắt mà người Hán có trình độ phát triển về kinh tế, xã hội, quân sự cao hơn, từ phía Bắc sông Dương Tử đã lấn dần xuống phía Nam.

Chúng ta có thể thắc mắc là các nước đã biết dùng đồ đồng tại sao lại không dùng sắt làm vật dụng mà cứ dùng đồ đồng mãi? Lý do là vì độ nóng chảy của sắt cao hơn nên để nấu chảy sắt cần phát minh ra lò có độ nóng cao đủ để làm chảy quặng sắt.

Một truyền thuyết Trung Hoa về hai thanh kiếm Can Tương, Mạc Gia cho thấy sự khó khăn trong việc nấu chảy quặng sắt ra sao. Theo truyền thuyết này, Can Tương và Mạc Gia là hai vợ chồng chuyên về nghề rèn kiếm nổi tiếng thời xưa, chồng tên là Can Tương, vợ tên là Mạc Gia. Can Tương và Mạc Gia bỏ sắt và vàng vào nồi rồi nấu chảy để rèn kiếm. Nấu mãi mà quặng sắt không chảy ra nên hai người bàn với nhau là người xưa kể rằng khi nấu kim loại thì phải có người hy sinh để tổ lòng thành thì kim loại mới chảy ra. Mạc Gia liền tắm rửa sạch sẽ rồi nhảy vào lò lửa. Sau khi Mạc Gia nhảy vào lò lửa thì quặng sắt chảy ra. Người chồng rèn được hai thanh kiếm rất sắc, chém sắt như chém bùn, đặt tên một thanh là Can Tương, thanh kia là Mạc Gia. Người chồng đem thanh Mạc Gia dâng cho vua Ngô là Hạp Lư, còn thanh Can Tương thì giấu đi, để dành cho mình. Hạp Lư biết được liền bắt Can Tương để truy hỏi mà lấy nốt thanh Can Tương. Hai thanh Can Tương, Mạc Gia trở thành nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa là hai thanh



Thanh kiếm bằng đồng của vua Câu Tiễn, nước Việt

kiếm rất sắc bén. Về sau hai thanh kiếm này lưu lạc đi đâu mất không ai còn tìm thấy.

Sau này, năm 1965, người Trung Hoa có tìm được thanh kiếm của vua Câu Tiễn, nước Việt, cùng thời với Hạp Lư và hiện nay được trưng bày trong viện bảo tàng bên Trung Hoa. Nhưng đây là một thanh kiếm làm bằng đồng chứ không phải làm bằng sắt. Nghiên cứu về cấu tạo của thanh kiếm người ta thấy phần lưỡi và sống kiếm ở giữa được pha thêm thiếc để làm cho cứng rắn thêm, còn thân kiếm thì bằng đồng. Nếu làm bằng thiếc cả thì kiếm cứng hơn nhưng giòn, dễ gãy, còn làm bằng đồng hết thì kiếm sẽ mềm hơn, kém sắc, dễ bị cùn khi va chạm nhiều. Việc phải làm một thanh kiếm rất công phu với chút thiếc pha ở lưỡi kiếm cho thấy nhược điểm của dao, kiếm làm bằng đồng. Điều này cũng cho thấy khi nước nào tìm ra được bí quyết nấu chảy quặng sắt thì sẽ có lợi thế hơn trong việc chế tạo vũ khí vì sẽ làm được vũ khí bằng sắt cứng hơn, sắc bén hơn.

Có người ngày nay phê bình truyền thuyết Can Tương, Mạc Gia và nói căn cứ vào thanh kiếm của Câu Tiễn cùng thời với Hạp Lư làm bằng đồng, thì chuyện Can Tương, Mạc Gia đúc kiếm chắc là muốn nấu chảy quặng đồng chứ không phải là nấu chảy quặng sắt. Có lẽ người đời sau chép sai. Nhưng nếu là nấu quặng đồng thì hai vợ chồng Can Tương, Mạc Gia đâu gặp khó khăn như vậy vì việc nấu chảy đồng là điều rất thông thường thời đó. Có thể họ đã tìm ra bí quyết nấu chảy quặng sắt, nghĩa là tìm được cách tăng nhiệt độ lò nấu, nhưng truyền thuyết thì chỉ thêm dệt việc người vợ nhảy vào lò lửa để làm cho câu chuyện thêm ly kỳ. Thanh Can Tương, Mạc Gia có thể làm bằng sắt thật nên trở thành thanh kiếm cứng rắn, sắc bén hơn các thanh kiếm cùng thời và trở thành nổi tiếng trong lịch sử và cũng là dấu hiệu của sự xuất hiện của đồ sắt làm đảo lộn lịch sử. Thời Hạp Lư, Câu Tiễn (496 TCN-465 TCN) là cuối thời Xuân Thu, đang bước sang thời Chiến Quốc thì việc xuất hiện của đồ sắt có lẽ cũng là hợp lý và việc nấu chảy được quặng sắt là một kỳ công nên đã trở thành truyền thuyết.

Một đoạn văn ngắn trong sử có thể rọi tia sáng vào sự

chênh lệch về phát triển giữa vùng phía Bắc và phía Nam sông Dương Tử vào thời Trung Hoa mới thống nhất ở phía Bắc. Sách Việt Nam Sử Lược của ông Trần Trọng Kim viết :

“Năm Mậu Ngọ (183 trước Tây Lịch) vua Cao Tổ nhà Hán mất rồi, bà Lữ Hậu lâm triều tranh quyền Huệ Đế, rồi lại nghe lời dèm pha, cấm không cho người Hán buôn bán những đồ vàng, đồ sắt và những đồ điện khí với người Nam Việt. Vũ Vương lấy làm tức giận, lại ngờ cho Trường Sa Vương xui Lữ Hậu làm như vậy, bèn tự lập làm Nam Việt Hoàng Đế, rồi cử binh mã sang đánh quân Trường Sa (tỉnh Hồ Nam bây giờ).”

Những đồ sắt, đồ điện khí (đồ làm ruộng bằng sắt) đóng vai trò quan trọng đến mức nào trong nền kinh tế Nam Việt mà làm cho Triệu Đà (Vũ Vương) tức giận đến nỗi đem quân đánh Trường Sa ? Có lẽ là người Hán phía Bắc nắm được kỹ thuật làm đồ sắt và Nam Việt nhập cảng về để dùng trong sinh hoạt hàng ngày và làm ruộng. Vì Nam Việt không sản xuất được đồ sắt nên mới bị nhà Hán bắt chẹt, không bán đồ sắt cho. Nếu Nam Việt có khả năng tự chế tạo đồ sắt thì việc cấm đoán này đã không làm cho Triệu Đà quan tâm. Việc nhà Hán cấm bán đồ sắt để làm ruộng cho Nam Việt xem ra cũng giống như một nước chuyên nhập cảng máy cày để cày ruộng mà không có khả năng tự sản xuất bị nước chế tạo máy cày không bán máy cho để làm áp lực mà phải nhượng bộ một yêu sách nào đó của nước có khả năng chế tạo máy.

Như vậy, các nước Bách Việt ở phương Nam đã bị người Hán thôn tính vì người Hán đã trải qua một cuộc cách mạng về kỹ thuật, tiến lên thời đại đồ sắt, trở thành phát triển hơn, hùng mạnh hơn trong khi các nước Nam Việt vẫn còn trong thời đại đồ đồng. Điều này cũng tương tự như các nước Tây Phương vào các thế kỷ 18, 19 đã có cuộc cách mạng cơ khí gây nên những thay đổi sâu xa, làm cho các nước này kinh tế giàu mạnh hơn, dân số gia tăng nhanh và có quân đội mạnh đi xâm chiếm các nước khác và đến lượt Trung Hoa, Việt Nam mặc dù đã từng có nền văn minh huy hoàng cũng vẫn bị thua.

Yếu tố kỹ thuật dường như không được các nhà chép sử người Việt đề cập đến trong quá trình bành trướng của dân tộc Hán. Người đọc sử chỉ biết là các nước Việt phía Nam sông Dương Tử, hết nước này đến nước khác, bị người Hán thôn tính và đồng hóa.

Một cái nhìn rộng hơn về lịch sử cho thấy các dân tộc Việt phía Nam sông Dương Tử chịu ảnh hưởng của văn minh đồ đồng từ vùng Đông Nam Á đưa lên nên có một thời văn minh huy hoàng. Rồi các nước này lại bị chinh phục bởi đợt văn minh đồ sắt phát xuất từ phía Bắc Trung Hoa. Rồi sau này toàn bộ vùng Á Châu đã từng văn minh lại bị đánh bại bởi đợt văn minh cơ khí hóa từ các nước Tây phương.

Chúng ta tất nhiên là hãnh diện về những điều hay của tổ tiên chúng ta nhưng một cái nhìn khách quan và rộng rãi trong lịch sử sẽ giúp cho chúng ta có thêm phần lý trí mà đặt sự hãnh diện đúng chỗ và đúng mức.

Ngày Xuân Kể Lại Tích Xưa

Mỗi năm đón Tết, mỗi gia đình Việt Nam chúng ta đều chuẩn bị bằng những cành Mai, cành Đào, những mâm bánh mứt, những chiếc bánh chưng xanh, những quả dưa hấu đỏ.

Ngày xưa khi còn ở quê nhà, chúng ta thường được nghe kể những sự tích liên quan đến phong tục ngày Tết như Sự Tích Bánh Dầy, Bánh Chưng, Sự Tích Ông Táo, hay Sự Tích Quả Dưa Hấu.

Đặc San Nhân Bản Tân Mão năm nay, xin gửi đến đọc giả trẻ của Nhân Bản hai câu chuyện sau đây để cùng nhớ lại sự tích Tết xưa.

Sự Tích Bánh Dầy Bánh Chưng

Tục truyền rằng Bánh Chưng, Bánh Dầy xuất hiện khoảng 4 000 năm trước, dưới thời quốc tổ Hùng Vương. Vua Hùng Vương có 18 người con. Hoàng tử Lang Liêu là con thứ 18.

Một năm nọ, Vua Hùng Vương truyền lệnh cho các hoàng tử, ai làm được chiếc bánh ngon và lạ nhất mang đến cho ngài nhân dịp Tết sẽ được truyền ngôi vua. Thế là các hoàng tử của vua Hùng Vương đi tìm kiếm khắp nơi của ngon, vật lạ để đem về dâng cho vua cha. Gần đến Tết mà hoàng tử Lang Liêu không biết làm gì nên lấy làm vô cùng lo ngại.

Một đêm kia trong giấc ngủ, hoàng tử thấy một bà tiên hiện lên trong giấc mộng. Bà bảo người hãy dùng những vật liệu thông thường nhưng nhiều dinh dưỡng như gạo, nếp, thịt và đậu rồi làm những chiếc bánh hình vuông tượng trưng cho đất và hình tròn, tượng trưng cho trời để dâng cho vua. Tỉnh giấc, hoàng tử Lang Liêu tuân lời dạy của tiên nữ và nấu lên những chiếc bánh chưng, bánh dầy.

Đến ngày Tết, các hoàng tử, như lệnh, mang đến dâng vua cha những chiếc bánh ngon và lạ nhất. Nhà vua thử qua tất cả các loại của ngon, vật quý được dâng lên. Tất cả đều ngon, duy chỉ có bánh chưng và bánh dầy đã vừa ngon lại vừa lạ. Nhà vua lấy làm ngạc nhiên và bảo hoàng tử Lang Liêu nói cho ngài biết về loại bánh lạ này. Hoàng tử Lang Liêu liền giải thích với vua cha về ý nghĩa của



bánh chưng tượng trưng cho đất, và bánh dày tượng trưng cho trời. Cả hai bánh nói lên công ơn trời biển của cha mẹ. Còn vật liệu như đậu, nếp, thịt nói lên công ơn nuôi dưỡng. Nghe xong, vua Hùng Vương vô cùng cảm động ý nghĩa của hai chiếc bánh nên quyết định truyền ngôi cho Lang Liêu và truyền lệnh cho dân gian ăn bánh dày và bánh chưng vào mỗi dịp đầu năm để tưởng nhớ đến công ơn cha mẹ.

Sự Tích Quả Dưa Hấu

Cũng vào đời vua Hùng Vương thứ 18, tục truyền rằng nhà vua có một người con nuôi tên là Mai Yên, hiệu là An Tiêm, rất đường hiếu thảo và được nhà vua vô cùng thương yêu. Vì được nhà vua vui tin yêu, An Tiêm được vua cha phong cho quan tước và vì thế An Tiêm bị bọn gian thần đem lòng ganh ghét.

Một hôm, trong lúc yến tiệc với bạn bè, An Tiêm vui miệng nói rằng số phận mình hôm nay là do Trời định. Lời nói ấy đến tai nhà vua, ngài lấy làm vô cùng tức giận. Tưởng rằng An Tiêm phủ nhận công ơn nuôi dưỡng, ngài bèn tước hết chức tước rồi đày vợ chồng An Tiêm ra một hoang đảo xa xôi. Vì là đảo hoang, chưa được khai phá, nên không có cây trái gì để sống. Vợ của An Tiêm vô cùng lo lắng, nhưng An Tiêm thì vẫn tin vào ý Trời nên hai vợ chồng ra công khai khẩn đất hoang để trồng trọt kiếm sống.

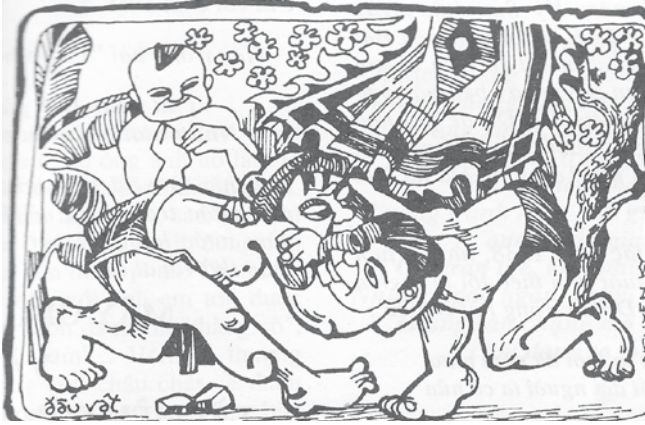
Một hôm, có một bầy chim lạ từ phương xa bay đến đảo

mang theo một loại hạt giống, thả xuống ruộng của vợ chồng An Tiêm. Hai vợ chồng ra công vun xới. Chẳng bao lâu mọc lên một loại cây thân dày. Rồi day đơm hoa kết trái, trái tròn và to, vỏ xanh mượt. Một hôm An Tiêm xẻ một trái ăn thử. Trái có ruột đỏ, hạt đen, ăn vào vừa ngọt lại vừa mát miệng.

Một ngày kia có chiếc thương thuyền ghé vào đảo hoang lánh bão tố. Vợ chồng An Tiêm mời họ thưởng thức trái lạ của đảo. Thấy trái ngon, họ mang về đất liền để bán. Trái dưa được mọi người thưởng thức và ưa chuộng. Thế là từ đó, các thương thuyền ghé ngang đảo để đổi thực phẩm từ đất liền để lấy quả dưa xanh. Nhờ thế, vợ chồng An Tiêm trở nên giàu có.

Lời đồn về trái dưa ngon, lạ đến tai nhà vua. Ngài sai sứ quân đi tìm nguồn gốc của trái cây này. Khi đến đảo, sứ giả mới biết rằng đây là do công trình của vợ chồng An Tiêm. Khi nghe tin này, nhà vua thầm khen phục người con nuôi và cho hai vợ chồng trở về triều, khôi phục lại chức cũ. Để tạ ơn nhà vua, An Tiêm mang hạt giống trái dưa về cho dân chúng trồng. Để thưởng công cho vợ chồng An Tiêm, vua Hùng Vương đặt tên đảo là Châu An Tiêm. Người Tàu khi ăn loại dưa này khen là ‘hấu’. người Việt ta đọc trại ra là ‘hấu’. Thế là từ đó, quả dưa ngọt, xanh vỏ, đỏ lòng được gọi là quả Dưa Hấu.

Ngày Tết ăn Bánh Chưng, Bánh Dầy, ăn Dưa Hấu cũng là bày tỏ lòng biết ơn cha mẹ và tưởng nhớ đến tiền nhân.



Võ Bà Trà

Nguyễn Phương

Trong buổi đầu bà con ta khai phá vùng đất mới, vùng đất Nam Việt ngày nay, Bình Dương có xã Phước Khánh, người dân ở đây thường gọi là Tân Khánh, một vùng rừng hoang có nhiều thú dữ, nhất là cọp hay rình bắt trâu bò, heo chó, luôn cả người không phải là ít, làng xóm tim cách phòng ngự, nhà cao cổng, rào đạo chung quanh, đánh bẫy, bắn cung, nhưng cọp thú vẫn về phá xóm, phá làng, cứ vài ngày là nghe tiếng mõ, tiếng la cùng làng khắp xóm.

Không biết ở đâu có một người đàn bà tên là Trà đến Tân Khánh ở, chỉ biết bà người miền ngoài võ, người lanh lẹ, mặt hoa da phấn, dễ coi.

Không biết bà có phái là con gái Bình Định không, tuy là đàn bà con gái chứ bà giỏi lắm, cắt nhà, phá rừng, làm ruộng làm rẫy, giăng câu, đặt lờ, đặt lợp, sanh sống.

Nhà ở gần rừng, sống một mình mà bà không sợ, tiếng đồn bà giỏi võ.

Thiệt y như lời, có một con cọp lớn như con bò con, sống lâu, lông trở màu xám, dặng dặng phá rào vào sân nhà bà bắt heo, bà nghe động tịnh, heo la, gà vịt hoảng sợ, bà mở cửa, cạy nách một cây roi gỗ mun, nhảy từ trên nhà xuống sân, cọp nhào tới chụp bà, lẹ làng bà xuống tấn, quơ ngọn roi đập đầu cọp, cọp hoảng sợ, né qua một bên, bà nhào tới, đá vào hông cọp rồi thuận tay bà đập cho nó một roi trên lưng như trời giáng, cọp cả um một tiếng lớn rồi phóng vào rừng, bà còn rất khỏe không mệt mỏi chút nào. Một bữa, ra cấy lúa sớm, bà con cũng đồng, có một con cọp trắng (cọp bạch) trong lùm nhào ra chụp con chó chạy lẫn căn theo sau, bà con hoảng hồn, bà Trà nghe tiếng chó la, tay cầm mác chạy lại can thiệp, mới đánh có mấy hiệp, cọp dữ gầm gừ, bà thủ thế, cọp nhào tới chụp, bà lẹ làng rùn xuống, hai tay cầm mác đứng ngược, chờ cho cọp rơi xuống, cọp liền né sang một bên tránh, mắt đả, bà đá cho nó một đá vô mặt rồi hoành thân đá song phi vào hạ bộ cọp, cọp bị thương, rống một tiếng lớn, bỏ chạy vào rừng.

Cọp dữ nghe tiếng bà nên từ đó ít dám bén mạng phá xóm phá làng nữa.

Dân làng Tân Khánh biết tiếng, theo nhờ bà dạy nghề, từ đó nổi tiếng Võ Bà Trà Tân Khánh, con gái con trai trong làng đều giỏi võ, đàn bà con gái Tân Khánh ít có ai dám chọc ghẹo sỗ sàng, chọc bậy mấy chị cho ăn đòn, có bữa anh thanh niên làng khác qua chơi, đi chợ chọc ghẹo sao đó mà bị một cô bóp em nghệt thở kêu trời.

Người dân Tân Khánh đều có học võ, người dân Tân Khánh rất hiền hòa hiếu khách.

Chú vợ tôi, bác sĩ Nguyễn Anh Tài, lò võ Hàn Bái Đường, gần chợ Thái Bình là học trò của học trò bà Trà thầy Tám Bì vợ tôi mấy chị em cũng có học chút đỉnh võ nghệ, ở đây hồi còn là sinh viên, tôi ưa đi nhảy đầm, bà xả cần nhàn, cải lại, một bữa bà cho một miếng trong thế võ Phụng Hoàng, chớp cánh gạc cẳng tôi té, đè tôi ngộp thở la om sòm, từ đó tối sau, tôi không dám chọc bà giận nữa.

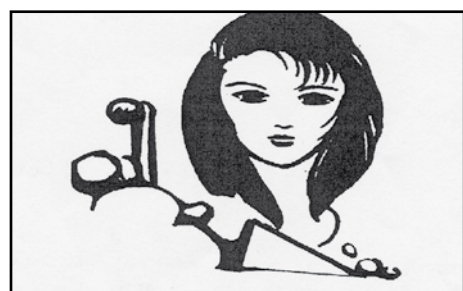
Mấy năm nay, cháu nội cháu ngoại đi học võ, bà nội bà ngoại nó cũng khoác áo Vô Vi Nam đánh với cháu, dạy cho tụi nhỏ, mấy đứa cháu khá quá được cúp mè đay tùm lum...Tôi nhát, nhưng được cái lớn con, có thằng rệp xét vé xe buýt ưa hằm hè, tôi bắt lỗi nó, tao già nên chậm chạp, nó hỏi tôi bộ mày có võ hả tôi trả lời :

- *Thử xem, mời mày xuống xe (nói thì nói vậy chớ trong bụng thì run).*

Thằng rệp xỏ lá tưởng thiệt, sau nó thấy tôi là nó né, chào hỏi đàng hoàng.

Tối bây giờ làng Tân Khánh nổi tiếng Võ Bà Trà cũng như Bình Dương nổi tiếng Trái Ngọt, Cây Lành, nhứt là nhớ bánh bèo, bì cuốn bì bún, lò gạch lò gốm.

Nhớ người đẹp Bình Dương !



Phong Thủy Giải Lược

Đặng Quốc Cơ
Đặng Vũ Biên
Hoàng Đình Hiền

Phong thủy là một phương pháp chọn hướng và trang trí nhà cửa để có được ảnh hưởng tốt tới sức khỏe, tới đời sống, tới sinh hoạt của người trong nhà. Muốn được như vậy phải biết chọn ngoại cảnh và biết phối hợp Hướng Nhà với Năm Sinh của Chủ Nhà. Phong Thủy hay địa lý giúp con người sống hài hòa với thiên nhiên, ‘gió nước’.

Xin chú ý rằng khi chọn nhà, tiêu chuẩn đầu tiên là vào nhà cảm thấy thoải mái, sau đó là:

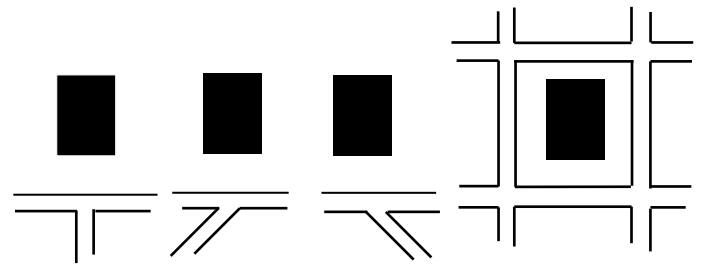
- Phẩm chất kiến trúc, vật liệu trang bị, giá cả và thuế má phải chăng, vv...
- Địa điểm tốt: ở khu bệ thế có an ninh
- Gần ga, métro, bus, trường học danh tiếng, láng giềng tốt
- Yên tĩnh, có cây cối, không ồn ào bụi bặm
- Sau khi xét các tiêu chuẩn lý trí hiện đại ta mới áp dụng phong thủy.

I. Ngoại cảnh

Theo Bạch Hạc Minh, ngoại cảnh là tất cả những gì ở xung quanh nhà hay ở gần nhà. Ngày xưa, đó là đồi núi, sông ngòi, ruộng vườn.

Theo Du Khổng Kiên, GS kiến trúc đại học Harvard, xưa người Trung Hoa có văn hóa Nông Nghiệp nên xây nhà cửa đền chùa trên đất cao có ánh sáng, không bị lũ lụt. Phía trước có ruộng thấp, hồ ao sông ngòi để có nước cây cối, sinh sống. Đằng sau dựa vào đồi núi cao che chở, hai bên có dãy đồi núi bao bọc : *Đằng sau có ruộng trồng đỗ (đất cao), Đằng trước có lỗ cây chiêm. Hai bên long hổ như liềm vợ lại.*

Ngày nay, nhà cửa phần lớn ở nơi đô thị nên ngoại cảnh thường gặp là đường ngõ, là các nhà kế cận, là công viên, là bãi đậu xe hay bãi trống. Nhưng người ta cũng chọn đất cao, sáng sủa.



Hại sức khỏe mọi người

Hại cho con gái

Hại cho con trai

Bốn mặt xát đường vận khí phản phúc

Hình 1, đường đâm vào nhà hại cho sức khỏe và sự làm ăn của chủ nhà

Ảnh hưởng của ngoại cảnh rất lớn. Nếu ngoại cảnh xấu, thì dù nhà có rộng, có đẹp, có đủ tiện nghi, hợp với chủ, cũng không nên ở, trừ khi có phương pháp hóa giải các ảnh hưởng xấu.

Sau đây là vài ngoại cảnh thường gặp và ảnh hưởng của chúng.

1. Đường đi và ảnh hưởng của đường đi

Đường thẳng đi ngang qua nhà là bình thường. Nếu không, đường đi có thể có rất nhiều ảnh hưởng.

Nếu đường đâm vào nhà, nhà tốt cũng trở thành xấu, người trong nhà sức khỏe tổn hại hay bị bệnh tật, công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn.

Nếu đường đâm chéo từ phía phải là hại cho con gái, đâm chéo từ phía trái là hại cho con trai, đâm từ phía sau là có nguy cơ bị phản bội, bị ám hại. Nếu đường không đâm vào nhà, nhưng kẻ xát bốn mặt nhà thì cũng không tốt, vì bị vận khí phản phúc, có thành công cũng không lâu bền (hình 1).

2. Nhà kế cận và ảnh hưởng của các nhà kế cận

Nhà ở trước mặt, nếu có đòn giông, có cạnh, có góc nhọn hay phản chiếu ánh sáng thẳng vào nhà mình là xấu, sức khỏe người ở trong nhà bị tổn hại.

Cột đèn, cây to trước mặt nhà cũng có ảnh hưởng như vậy.

Nhà thương, nhà thờ, chùa miếu, nghĩa trang dù chỉ ở gần nhà, không ở ngay trước mặt, cũng đều có ảnh hưởng không tốt.

Nếu nhà bên cạnh cao hơn nhà mình, hoặc là cao ốc sát cạnh, đè bẹp nhà mình thì mình làm ăn vất vả lo lắng.

3. Cửa chính

Tối quan trọng vì dẫn nhập và giữ sinh khí trong nhà, ngăn không cho sát khí ở ngoài vào, ngăn chặn trộm cắp, tiếng ồn, bụi bặm, ô nhiễm. Cửa chính, và lối vào (vestibule, couloir) phải rộng rãi, sáng sủa, thoáng khí, sạch sẽ, gọn gàng, ấm cúng để được nhiều sinh khí. Hẹp quá, bừa bộn, lũng củng tối tăm, ở trong thấy ngột ngạt sinh ra bực tức, cãi lộn trong gia đình. Trước cửa không nên có cửa nhà khác để tránh cái nhau xích mích. Cửa chính bị góc nhà, góc tường nhọn đâm vào như mũi tên (flèche empoisonnée) thì bị sát khí. Có thể chắn sát khí bằng một chậu cây, tấm bình phong che góc tường, hay hình bát quái, tấm gương treo ngoài cửa. Nhà cần phải vững chắc, trong ngoài gọn gàng, sáng sủa vì cây cối um tùm, nhà tối tăm sẽ nhiều ám khí.

Qua cửa chính đi ngay vào cầu tiêu, không tốt; có thể sửa bằng cách luôn luôn đóng cửa cầu tiêu, treo gương trước cửa cầu tiêu. Nhưng có nhà địa lý cho rằng gương không ích lợi nhiều, không cản được sát khí. Qua cửa chính, đi thẳng vào bếp thì tiền bạc kiếm bao nhiêu tiêu tán đi hết.

Nếu cầu thang đổ ngay ra cửa chính, hay xuống hầm kho, thì sinh khí, tiền bạc trôi đi mất; ta cố thể chữa bằng cách đặt một cái bình phong, cái tủ hay chậu cây để giữ lại. Cầu thang chật hẹp, ngoắt ngoéo, chỉ làm bằng tấm ván ngang, hoặc soáy như con ốc cũng không tốt.

4. Hướng các cửa khác

Phòng ngủ, nhà bếp, phòng làm việc, vv... không quan trọng lắm nhưng nếu chọn được hướng tốt thì càng hay. Đầu giường cũng nên tựa vào tường, nằm đầu chiếu về hướng tốt. không nên tựa vào cửa sổ, chân giường không nên hướng ra cửa ra vào. Ngồi bàn giấy cũng nên nhìn về hướng tốt lưng bàn giấy cũng nên tựa vào tường.

II. Phối hợp hướng của nhà với năm sinh của chủ nhà

Đời nhà Tống (960-1279), có Ông Sái Cửu Phong là một nhà hiền triết, vua cho mang họ Triệu của nhà vua và được đổi tên thành Triệu Cửu Phong. Ông đã sáng tác

một phương pháp để xem nhà ở của người sống (Dương cơ) gọi là Dương Trạch Tam Yếu. Tác phẩm này đã được cụ Bùi Ngọc Châu dịch ra bằng thơ. Dương Trạch Tam Yếu gồm có ba điều thiết yếu là: Chủ - Nhà (Môn) - Bếp (Táo). Sách này chỉ rõ cách chọn hướng nhà, hướng bếp là thuận lợi cho chủ nhà. Chủ nhà có quái của chủ, gọi là mệnh quái. Các mệnh quái của chủ là 8 quái ghi trong Kinh Dịch : Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Càn, Khảm, Cấn. Theo năm sinh, bảng 1 cho ta biết mệnh quái của chủ nhà. Xem bảng 2 ta biết hướng cửa và hướng bếp là nào tốt xấu cho mệnh đó.

1. Xem tuổi và quái mệnh của chủ nhà

Chủ nhà là người chủ gia đình, là người kiếm tiền nuôi gia đình, tùy thuộc vào người chồng hoặc người vợ. Mỗi người chủ có một quái hay quẻ gọi là Quái Mệnh, thay đổi tùy theo nam hay nữ. Tùy thuộc vào năm sinh âm lịch, Quái Mệnh có thể là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài (xem bảng 1 tìm Quái Mệnh theo năm sinh âm lịch). Tám Quái Mệnh chia làm hai nhóm:

- Đông tứ mệnh gồm có Khảm, Chấn, Tốn, Ly
- Tây tứ mệnh gồm có Cấn, Khôn, Đoài, Càn

Có nhiều phương pháp để tính Quái Mệnh của chủ nhà theo năm sinh, nhưng tiện nhất là dùng bảng số 1.

2. Tìm hướng tốt của cửa chính

Cửa chính là cửa ra vào nhà (maison) hay căn hộ (appartement). Nếu là chung cư thì không cần lấy hướng của chung cư hay cửa ra vào vườn. Từ trong nhà nhìn qua cửa chính, nếu là phía Bắc thì cửa hướng Bắc, nhà cũng hướng Bắc.

3. Tìm hướng tốt cho bếp lò

Hướng của Bếp lò (cuisinière, four) chứ không phải hướng của nhà bếp (cuisine). Cửa lò mở ra hướng Bắc thì bếp lò hướng Bắc. Thủy khắc Hỏa, bếp là hỏa, bồn rửa bát, tủ lạnh là Thủy, nếu bếp đối diện hay sát cạnh (không quá 1m) bồn rửa bát thì có xích mích với con cháu, nó có thể bỏ đi (xem Bảng số 2)

Thí dụ người mệnh Càn, chọn hướng Tây là tốt vì được Sinh Khí, chọn hướng Đông Bắc thì lợi cho sức khỏe vì được Thiên Y (xem Bảng số 3).

III. Kết luận

Trong ba yếu tố của Dương Trạch Tam Yếu (phái Lý Khí) trước hết phải xét sự tương quan giữa chủ nhà và cửa chính, sau xét ảnh hưởng của tám hướng bếp có liên hệ mật thiết đến sự tốt xấu của chủ nhà. Thường quái mệnh của gia chủ thì cố định, quái môn của nhà cũng tương đối cố định (ngoại trừ trường hợp phải thay đổi hướng của cửa chính), chỉ còn lại quái táo tức là hướng của cửa lò

Bảng Số 1, Mệnh Quái của chủ nhà theo tuổi

Năm	Tuổi	Nam	Nữ		Năm	Tuổi	Nam	Nữ		Năm	Tuổi	Nam	Nữ
1924	Giáp Tý	Tôn	Khôn		1944	Giáp Thân	Khôn	Tôn		1964	Giáp Thìn	Ly	Cần
05-févr					25-janv					13-févr			
1925	Ất Sửu	Chấn	Chấn		1945	Ất Dậu	Khâm	Cần		1965	Ất Ty	Cần	Đoài
25-janv					13-févr					02-févr			
1926	Bính Dần	Khôn	Tôn		1946	Bính Tuất	Ly	Cần		1966	Bính Ngọ	Đoài	Cần
13-févr					02-févr					21-janv			
1927	Đinh Mão	Khâm	Cần		1947	Đinh Hợi	Cần	Đoài		1967	Đinh Mùi	Cần	Ly
02-févr					22-janv					09-févr			
1928	Mậu Thìn	Ly	Cần		1948	Mậu Tý	Đoài	Cần		1968	Mậu Thân	Khôn	Khâm
23-janv					10-févr					30-janv			
1929	Kỷ Ty	Cần	Đoài		1949	Kỷ Sửu	Cần	Ly		1969	Kỷ Dậu	Tôn	Khôn
10-févr					29-janv					17-févr			
1930	Canh Ngọ	Đoài	Cần		1950	Canh Dần	Khôn	Khâm		1970	Canh Tuất	Chấn	Chấn
30-janv					17-févr					06-févr			
1931	Tân Mùi	Cần	Ly		1951	Tân Mão	Tôn	Khôn		1971	Tân Hợi	Khôn	Tôn
17-févr					06-févr					27-janv			
1932	Nhâm Thân	Khôn	Khâm		1952	Nhâm Thìn	Chấn	Chấn		1972	Nhâm Ty	Khâm	Cần
06-févr					27-janv					15-févr			
1933	Quý Dậu	Tôn	Khôn		1953	Quý Ty	Khôn	Tôn		1973	Quý Sửu	Ly	Cần
26-janv					14-févr					03-févr			
1934	Giáp Tuất	Chấn	Chấn		1954	Giáp Ngọ	Khâm	Cần		1974	Giáp Dần	Cần	Đoài
14-févr					03-févr					23-janv			
1935	Ất Hợi	Khôn	Tôn		1955	Ất Mùi	Ly	Cần		1975	Ất Mão	Đoài	Cần
04-févr					24-janv					11-févr			
1936	Bính Tý	Khâm	Cần		1956	Bính Thân	Cần	Đoài		1976	Bính Thìn	Cần	Ly
24-janv					12-févr					31-janv			
1937	Đinh Sửu	Ly	Cần		1957	Đinh Dậu	Đoài	Cần		1977	Đinh Ty	Khôn	Khâm
11-févr					31-janv					18-févr			
1938	Mậu Dần	Cần	Đoài		1958	Mậu Tuất	Cần	Ly		1978	Mậu Ngọ	Tôn	Khôn
31-janv					18-févr					07-févr			
1939	Kỷ Mão	Đoài	Cần		1959	Kỷ Hợi	Khôn	Khâm		1979	Kỷ Mùi	Chấn	Chấn
19-févr					08-févr					28-janv			
1940	Canh Thìn	Cần	Ly		1960	Canh Tý	Tôn	Khôn		1980	Canh Thân	Khôn	Tôn
08-févr					28-janv					16-févr			
1941	Tân Ty	Khôn	Khâm		1961	Tân Sửu	Chấn	Chấn		1981	Tân Dậu	Khâm	Cần
27-janv					15-févr					05-févr			
1942	Nhâm Ngọ	Tôn	Khôn		1962	Nhâm Dần	Khôn	Tôn		1982	Nhâm Tuất	Ly	Cần
15-févr					05-févr					25-janv			
1943	Quý Mùi	Chấn	Chấn		1963	Quý Mão	Khâm	Cần		1983	Quý Hợi	Cần	Đoài
05-févr					25-janv					13-févr			

*Số ghi dưới mỗi năm dương lịch là ngày mùng 1 tết (âm lịch) của năm đó.

Thí dụ: Sinh 1925 từ ngày 25/1 là tuổi Ất Sửu, mệnh Chấn (Nam). Nếu sinh ngày 24/1 lại là tuổi Giáp Tý, mệnh Tôn (Nam).

Bảng Số 2, Hướng cửa và bếp lò tốt xấu theo Mệnh Quái

Mệnh	Sinh Khí	Duyên Niên	Thiên Y	Phục Vy	Tuyệt Mệnh	Ngũ Quỷ	Lục sát	Họa Hại
Càn	Tây	Tây-Nam	Đông-Bắc	Tây-Bắc	Nam	Đông	Bắc	Đông Nam
Khôn	Đông-Bắc	Tây-Bắc	Tây	Tây-Nam	Bắc	Đông-Nam	Nam	Đông
Tôn	Bắc	Đông	Nam	Đông-Nam	Đông-Bắc	Tây-Nam	Tây	Tây-Bắc
Chấn	Nam	Đông-Nam	Bắc	Đông	Tây	Tây-Bắc	Đông-Bắc	Tây-Nam
Khâm	Đông-Nam	Nam	Đông	Bắc	Tây-Nam	Đông-Bắc	Tây-Bắc	Tây
Ly	Đông	Bắc	Đông-Nam	Nam	Tây-Bắc	Tây	Tây-Nam	Đông-Bắc
Cấn	Tây-Nam	Tây	Tây-Bắc	Đông-Bắc	Đông-Nam	Bắc	Đông	Nam
Đoài	Tây-Bắc	Đông-Bắc	Tây-Nam	Tây	Đông	Nam	Đông-Nam	Bắc

Bảng Số 3, Sắp hạng hướng tốt xấu

Hướng	Tài Vận	Thân Thể	Hoạt Động	Nhân Đình
Sinh Khí	Rất tốt	An khang mạnh khỏe	Thành đạt	Rất nhiều, rất tốt
Duyên Niên	Rất tốt	An khang mạnh khỏe	Thành đạt	Gia đình êm ấm
Thiên Y	Tốt	Bệnh tật thuyên giảm	Có Quý nhân phù trợ	Khỏe mạnh, yên ổn
Phục Vy	Bình thường	Mạnh khỏe bình thường	Tốt vừa vừa	Gia đình hòa thuận
Tuyệt Mệnh	Rất xấu	Hay đau ốm, chết sớm	Thất bại, hại con	Tai nạn bất thường
Ngũ Quỷ	Phá sản, thất bại	Tai họa, bệnh tật	Sức khỏe yếu kém	Dễ bị ma quỷ phá rối
Lục Sát	Không tốt	Khẩu thiệt, dâm dăng	Tai họa liên liên	ôm yếu, bệnh họa
Họa Hại	Tai nạn tích tụ	Kiên cáo, thị phi	Tranh chấp ưu phiền	Đạo tặc, thiệt hại

bếp (nếu cần, phải mua bếp khác) có thể giúp ta dễ dàng dời đổi bếp lò để tìm được sự kết hợp tốt đẹp.

Bếp và cửa là $8 \times 8 = 64$ ứng vào 64 quẻ của Kinh Dịch. Nếu phối hợp bếp, cửa và chủ, nhân với nhau ba lần. $8 \times 8 \times 8 = 512$, ta có tổng cộng 512 cách tốt xấu. Tóm lại vị trí hướng bếp phải đồng phe với chủ nhà và cửa chính để tạo được Tam Cát Trạch.

Thí dụ : Nam sinh năm 1940, mệnh Càn : bếp lò hướng Tây, Sinh Khí, tốt. Cửa chính hướng Đông, Ngũ Quỷ, xấu. Cửa hướng xấu, bếp hướng tốt, tốt xấu bù trừ nhau. Nhưng nên tránh hướng Tuyệt Mệnh quá xấu. Ta có thể sửa đổi chút như chặn cửa chính để hướng cửa mở lệch đi 45 độ sang Đông Bắc là Thiên Y, tốt. Nếu chủ nhà là đàn bà sinh ngày 28/1/1975 trước Tết 11/2, nên tuổi thuộc năm trước là Giáp Dần, mệnh Đoài ở hướng Tây Bắc là Sinh Khí, tốt, tuyệt đối không nên ở nhà hướng Đông,

Tuyệt Mệnh hay bị đau ốm, có thể sẽ chết sớm.

Nhưng Phong Thủy chỉ ảnh hưởng một phần tới hạnh phúc con người. Theo câu của cổ nhân “Thiên Địa Nhân”. Hai ảnh hưởng kia là số Trời và lòng Nhân đức của mình. Phong Thủy tốt đến với người có đức. Không biết Phong Thủy cũng có được cát địa. Vậy cần “Tiên tâm phúc, hậu tâm long”.



Chiều Nogent

Thu Hiên

LTS: Trong nghĩa trang quân đội Pháp của thành phố Nogent sur Marne có một khu dành riêng cho toàn thể các chiến sĩ Việt Nam đã hy sinh cho lý tưởng Tự Do. Sau năm 1975, nhờ những vận động tích cực của một số sĩ quan và nhân sĩ quốc gia với chính quyền Pháp, một tượng đài đã được dựng lên để ghi ơn Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Từ đó, mỗi năm, đến ngày 2 tháng 11, vẫn được tổ chức tại đây một buổi lễ truy điệu chiến sĩ trận vong với tất cả lễ nghi quân cách của QLVNCH do một đơn vị quân đội Pháp đảm trách

(vùng Nogent sur Marne
Cây đượm buồn rừng rúc nhớ thương anh)

Hôm ấy từng đoàn người thật đông. Họ bùi ngùi đến đây để dự lễ tưởng niệm những anh hùng liệt sĩ đã bỏ mình vì hy sinh cho đại cuộc. Không gian như lắng đọng và trang nghiêm hơn mọi ngày. Làn gió mang đây khí thế của hồn thiêng sông núi có lẽ đang hân hoan thổi tung ngọn cờ chính nghĩa phát phối bay để đón chào những người đã khuất và những trái tim hồng còn tha thiết với quê hương. Trong ánh mắt họ cùng ngẫm bảo nhau rằng : Hỡi những đồng hương thân thương, những hình ảnh này càng khắc sâu thêm lòng ngậm ngùi quyện theo nén hương khói vút bay cao xuôi về khắp vòm trời của tổ quốc thân yêu để biết ơn những dũng sĩ và các bậc anh thư vị quốc quên mình. Các anh đã hiên ngang nằm xuống cho quê hương mãi mãi được trường tồn.

*Quanh đây cây cỏ lao xao
Như bùng tỉnh giấc đón bao anh hùng
Hử vô một cõi mông lung
Tự về nhấp chén chung lòng ...hy sinh*

Gió Thu lành lạnh se thắt những cành cây ngọn cỏ. Gió rít từng cơn, nhưng chúng tôi cảm thấy ấm cúng lắm vì sức mạnh kết đoàn trong tình yêu thương cố quốc. Từng đợt lá vàng tản mạn bay bay xào xạc như thềm đánh thức những thiên thần đang say ngủ. Đó đây những giọt lệ nóng dâng trào tuôn chảy. Họ nhớ thương những đồng đội đã một thời cùng nhau vào sanh ra tử. Giọt nước mắt lăn dài vì họ như những áng mây cô đơn kể từ khi người tình, người chồng, người cha đã vĩnh viễn ra đi. Những ngôi mộ nằm im lìm ủ kín hài cốt những anh

hùng lẫm lừng tên tuổi bên cạnh những chiến sĩ vô danh. Từng hàng mộ nằm ngay ngắn chỉnh tề như đang sẵn sàng

chờ chỉ huy trưởng duyệt binh. Theo năm tháng những hàng chữ đã phủ màu rêu xanh trên những mộ bia râm nắng ngả màu, có những ngôi mộ mà hài cốt người nằm trong đó đã yên ngủ từ năm 1950. Thoảng chốc mình có cảm giác như đang lui dần về miền cổ tích xa xưa. Nhưng hôm nay, lạ thay hình như tất cả chợt loé lên bóng loáng khi khúc nhạc trỗi lên hòa quyện cùng Tiếng Trống Oai Hùng Truy Điệu.

Sau khi nghe những hồi kinh cầu siêu thành khẩn, chùng như những linh hồn đang yên ngủ đã trỗi dậy như những cánh chim từ quá khứ hiện về. Họ cùng nhau lũ lượt tìm dấu chân xưa nơi có ngôi sao buồn trên đỉnh núi chơ vơ, mà miền man mộng tưởng đến những phút giây êm đềm bên người yêu trong những ngày phép quá ư ngắn ngủi, hoặc họ đang đóng quân nơi rừng sâu núi thẳm muỗi bay đầy đặc và mơ ước chút ánh sáng phố phường, một thoáng chua xót nhạt nhòa trong nước mắt ! Người ở địa đầu quan ải rền vang tiếng súng mà lòng không nguôi thương nhớ mẹ già vợ đại con thơ Và dù bất cứ ở trong tâm trạng nào, dù lúc Xuân về xôn xao muôn vạn vật hay lúc Hạ buồn nắng cháy rất khô da rời từng xác lá Thu về vàng lối cỏ hoặc khi Đông sang



gió rét buốt tận xương, họ vẫn hiên ngang ghi tay súng trong những bộ quân phục đủ sắc màu trung thành với lời thề nguyện “Vị quốc vong thân” câu nói ấy đã thấm nhuần tận đáy tim.

“Quê hương là máu là xương thịt
Nước mắt mồ hôi của giống nòi
Tranh đấu từ bao nhiêu thế kỷ
Bảo tồn gấm vóc đến muôn đời

.....

Thử ấy ra quân lớp lớp dày
Mẹ già đứt áo hẹn tương lai
Lòng con nắng giục mầm hoa cỏ
Gió bốn phương về lộng chí trai”
(Hoài Nhân)

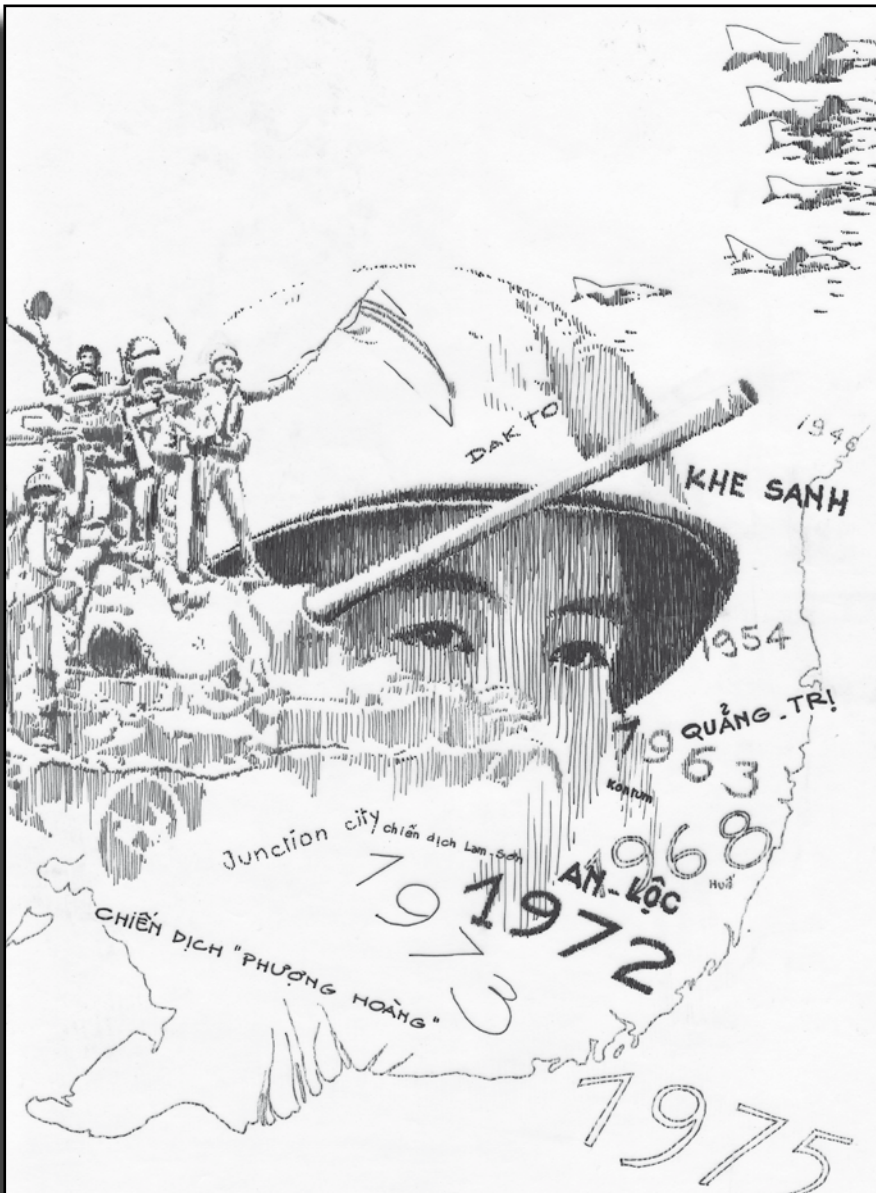
Những người lính trong chiến tranh họ phải chịu đựng, hy sinh và can đảm đương đầu với biết bao nghiệt ngã. Họ chỉ có được những hạnh phúc thật mong manh và đôi khi rất tính cò. Trong quá trình hành quân gian khổ các anh có được bao đêm được chìm trong giấc ngủ an lành vì tiếng mưa bom luôn xé nát màng tai và những vết xe

tăng vô tình rít dài chẳng chịt khắp quê hương.

Gối những đêm dài trên bá súng
Mưa rừng gió núi rét chiêm bao
Tháng hết năm qua chân vạn nẻo
Khói thuốc tay vàng mộng trắng sao

Nhưng... thật tiếc thương vì các anh đã anh dũng ngã xuống trên những chiến trường nghiệt ngã. Bom đạn quá đổi vô tình cướp mất đời người. Các anh đã nằm xuống trên khắp nẻo đường quê hương đất Việt để lại cho muôn người nghìn vạn tiếc thương. Thân xác các anh thấm sâu vào lòng đất mẹ để luống mạ thêm xanh, để nụ cười bé thơ được hồn nhiên rạng rỡ mà cắp sách đến trường và cho tất cả chúng tôi nơi hậu phương được ấm êm vui sống. Anh nằm xuống nhưng vẫn ngẩng cao đầu ngạo nghễ. Người ra đi để thấp sáng thêm ý nghĩa của cuộc đời.

Đi thấp hồng thêm trang sử
Những linh hồn bất tử giữa trời Nam
Ôi men buồn nhẹ bốc cay tròng mắt!
Lòng tạc lòng khắc mãi những chiến công



Hôm nay chúng tôi xin nghiêng mình kính cẩn thấp nén hương lòng để ngưỡng mộ và tưởng nhớ đến các anh. Hỡi những anh hùng liệt sĩ đã vị quốc vong thân. Các anh hãy thanh thản yên bình nơi quê nhà. Dù cuộc đời và vận nước còn long đong, nhưng linh hồn các anh không cô đơn trong rừng sâu thăm thẳm, trên đèo heo hút gió hoặc giữa biển khơi với muôn sóng dữ bao trùm. Các anh ơi vẫn còn, còn chúng tôi đây, còn mãi những con tim hòa cùng nhịp đập sẽ luôn bên các anh và xin hân hạnh được tiếp tục truyền thống hào hùng mà ông cha ta và các anh đã nêu gương dũng cảm đem xương máu trải đường và soi ngời nẻo sáng cho chúng tôi nối bước chân anh

Cho bình minh hé mở
Cho chấp cánh trẻ thơ
Cho bờ câu vườn cánh
Cho toàn vẹn ước mơ
Chân trời Nam rực sáng
Người nước Nam vinh quang
Bát ngát hoa nhân ái
Hương rạng ngời thiên thang

Tìm Đâu Những Đại Anh Hùng ?

Ôi ! Biết tìm đâu, biết kiếm đâu,
Một Trần Văn Bá, đại anh hào.
Một Hồ Thái Bạch gương yêu nước,
Một Lê Quốc Quân chết chẳng nao.

Việt Cộng tử hình giết các anh,
Chúng mang bản án trước dân lành.
Khắp Nam, Trung, Bắc, chờ cơ hội,
Xé thịt, banh thầy đảng súc sanh.

Tiếc bấy ! Trời cao nỡ đoạn đành,
Phần tử thế kỷ (*) đã qua nhanh.
Tám mươi sáu triệu công dân Việt,
Không được một người thị chính danh.

Nơi gót Ngô Quyền, gót Triệu, Trưng,
Gót Trần Hưng Đạo, gót Quang Trung,
Gót ngài Thường Kiệt, ngài Tôn Đản,
Và dưng tiền nhân Lê Lợi dưng.

Đứng lên, cách mạng cứu quê hương,
Đoàn kết hăng say quyết xuống đường.
Đòi hỏi Nhân Quyền, Dân Chủ dựng,
Đuổi bầy Hán cầu khởi biên cương.

Mơ ước để rồi lụn ước mơ.
Bật tâm dưng sĩ cứu cơ đồ.
Đau lòng anh Bá, Quân và Bạch,
Hận uất chùng nao mới xóa mờ ?

Truy niệm, cầu siêu các vĩ nhân,
Hy sinh vì nước đã vong thân,
Bên hương nghi-ngút toàn dân Việt,
Nguyện với các anh : Diệt bạo tàn.

TDT, 05 JAN 2011

Ngô-Phủ

(*) Kể từ ngày các anh Bá, Bạch, Quân ... đã 'vì-
quốc vong thân' tính cho đến nay coi như quá 1/4
thế-kỷ (đúng hơn là đã 26 năm).

Tổ Quốc Ghi Công

(nén hương lòng kính dâng anh hùng Trần Văn Bá)

Xa xôi quá, tôi không đi dự được
Xin giùm tôi, thấp giúp một tuần nhang
Tưởng niệm Anh Hùng của nước Việt Nam
Đã oanh liệt dâng đời cho tổ quốc

Xin cảm tạ lòng nhiệt thành yêu nước
Quyết dán thân, mong rửa sạch oan hồn
Nhưng than ôi, quốc nạn chữa qua cơn
Người gục ngã dưới hung tàn giặc đỏ

Hỡi hùng khí anh linh, xin phù hộ
Cho quê hương trong đày vục tham tàn
Cho giống nòi, cho sông núi Việt Nam
Được vinh hiển dưới cờ Vàng quang phục !

Thấp nén hương lòng, lệ rơi vào mực
Tô lại chữ vàng: 'Tổ Quốc Ghi Công'

Ngô Minh Hằng

Sinh Hoạt Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris



Tour d'horizon des activités et événements de l'AGEVP

Trần Adeline, Nguyễn Sylvain,
Vĩnh Bảo Huy, Nguyễn Lương Hiền

Riche année pour l'AGEVP ! Voici une brève présentation des événements organisés par l'AGEVP en 2010 et des activités que l'association propose.

21 février 2010 : La journée du Têt

Le spectacle du Têt réunit chaque année environ 1000 personnes. En effet, il s'agit d'un événement important au sein de la communauté vietnamienne. A cette occasion, les étudiants de l'AGEVP se réunissent plusieurs mois à l'avance pour pouvoir produire ce spectacle. En 2010, le thème était la liberté de parole au Việt Nam. La thématique était axée autour de la libre communication via Internet, une des scènes ayant le plus marqué le public était notamment la scène dite du blogueur au cours de laquelle on pouvait observer un jeune étudiant se faire arrêter et corriger par l'autorité vietnamienne.

Le spectacle mettait en scène une famille vietnamienne, qui, à travers un programme télévisé, découvrait et redécouvrait une culture vietnamienne avec toute sa richesse, mais également tous les aspects les moins valorisants, dont la censure.

Cependant, chaque spectacle, malgré un message symbolique lourd et important, a aussi pour but de divertir. Il y a donc des scènes de danses, de chants, de combats comiques et de sketches burlesques. De ce fait, la représentation est un moment convivial et vise à offrir à tous les spectateurs, un moment agréable en famille ou entre amis.

La foire, c'est l'autre partie de la journée du Têt, qui se déroule en marge du spectacle. Chaque année, un petit détour dans la foire du Têt de l'AGEVP vous permet de découvrir de nombreuses associations, marchands ou artistes qui ont accepté de venir se présenter pour la journée du Têt, avec, en fil rouge, des chants traditionnels, stand-up, danses contemporaines, démonstration d'arts martiaux vietnamiens et défilés de jeunes filles en áo dài. La foire, en somme, c'est un peu une représentation des

activités de la communauté vietnamienne de Paris. Elle met à l'honneur ses associations et commerçants et sert de vitrine aux jeunes artistes qui souhaitent se produire et se faire connaître.

11 juillet 2010 : La Journée Sportive

Chaque été, la journée sportive de l'AGEVP se tient à la Halle Carpentier (Paris 13ème). Ouverte à tous, elle



permet de regrouper environ 300 personnes dans une ambiance conviviale et détendue, autour d'activités telles que le badminton (simple et double), le volleyball (4x4 mixte), le tennis (stage tous niveaux) ou le football (pratique libre sur terrain extérieur).

Cette journée n'est pas seulement l'occasion de se dépenser physiquement, mais c'est aussi le moyen, entre autres, de rencontrer les personnes des différentes sections de l'association et de se divertir tout au long de la journée à travers une tombola et une buvette mise à disposition.

11 et 12 septembre 2010 : Le camp d'été

L'AGEVP a tenu son camp d'été sur le site de Jambville (78), réunissant pour l'occasion plus de 80 personnes au total sur les deux jours. Le week-end a été l'occasion pour tous de se rencontrer, qu'ils proviennent de la



section sport, spectacle, foire, tutorat, cuisine ou même qu'ils soient simples sympathisants de l'association. Par le biais de ce camp, l'association a renoué avec une tradition qu'elle n'avait plus tenue depuis 10 ans, à savoir réunir l'ensemble des activités et sections, qui ont peu d'occasion de se rencontrer au cours de l'année.

Au programme du week-end : tous les participants, répartis au sein de 4 équipes, se sont affrontés au cours d'olympiades sportives, d'un jeu de piste et d'un concours de chants au coin du feu.

Le succès du camp nous invite à rééditer l'évènement pour 2011 et plus généralement à le pérenniser pour les années ultérieures. Venez nombreux pour le prochain camp d'été !

3 octobre 2010 : Le Têt Trung Thu

L'AGEVP, en collaboration avec les scouts vietnamiens de Paris, a célébré la fête de la mi-automne de 2010 au gymnase Bourneville Kellerman (Paris 13ème). Les enfants ont été mis à l'honneur, avec plus d'une dizaine de stands de jeux animés toute la journée par des membres de l'association. Ponctué de chants et de démonstrations de danse et d'arts martiaux, la journée s'est clôturée par le traditionnel défilé de lampions.

Présentation des principales activités de l'association

Le tutorat

Depuis septembre 2009, l'AGEVP a réactivé sa section tutorat dont l'objectif est d'apporter une aide scolaire aux lycéens et collégiens. Ces cours ont lieu tous les samedis, de 16h à 18h dans le local de l'association et rassemblent aujourd'hui plus de 20 élèves, majoritairement lycéens. Ce tutorat repose sur une équipe d'une dizaine de bénévoles qui en animent les séances. Aujourd'hui, les cours de tutorat attaquent leur deuxième année et se sont positionnés comme l'une des activités phares de l'AGEVP.

L'objectif initial du tutorat en 2009 était de renouer avec l'une des traditions de l'AGEVP, à savoir aider les jeunes lycéens, vietnamiens mais aussi non vietnamiens,

dans leurs études. Disposant de nombreux diplômés de prestigieuses universités ou écoles, l'AGEVP montre par l'intermédiaire du tutorat l'importance qu'elle accorde à la réussite scolaire et à l'orientation.

En effet, le tutorat a été l'une des activités historiques de l'AGEVP ; celle-ci ayant toujours considéré le soutien scolaire, notamment auprès des étudiants fraîchement arrivés du Viet Nam, comme un moyen d'aider la communauté vietnamienne à s'intégrer dans son pays. La logique du tutorat reste la même aujourd'hui, puisqu'il s'agit d'aider les plus jeunes dans leur parcours scolaire. Cette aide passe en premier lieu par un soutien scolaire, mais consiste également en une aide à l'orientation et un partage d'expérience pour le futur cursus universitaire des lycéens présents.

Interview d'Olivier, responsable du tutorat

Pourquoi as-tu choisi de relancer le tutorat en 2009 ?

'Historiquement, l'association avait créé l'activité du tutorat. Elle était destinée à aider les enfants du primaire et du collège à faire leurs devoirs. Étudiant, j'ai pu dispenser des cours de soutien à domicile et je me suis rendu compte que les élèves avaient principalement besoin d'être motivés et de connaître les raisons de leurs études. C'est pourquoi j'ai pris l'initiative de contacter des amis pour relancer cette activité sous une autre forme. L'ensemble des tuteurs sont des étudiants ou jeunes diplômés. Ils sont capables d'expliquer les enseignements du lycée et peuvent décrire aux jeunes l'ambiance des études supérieures et répondre à leurs diverses interrogations.'

Quel bilan fais-tu du tutorat depuis 2 ans ?

'Dès la première année nous affichions complet.'



Depuis, nous avons pu investir dans du matériel éducatif et étoffer notre groupe de tuteurs bénévoles. Aujourd'hui, cette activité fonctionne bien et c'est dans une ambiance

studieuse et agréable que l'on se retrouve chaque semaine. Je dirai que le bilan est très positif.'

Cécile, élève en Terminale S, inscrite depuis 2 ans au tutorat

'Je me suis inscrite aux cours de soutien l'année dernière, en 1ère S. J'ai rejoint le tutorat car j'avais des difficultés dans les matières scientifiques. Le tutorat m'a beaucoup aidé, notamment pour acquérir une démarche et un esprit scientifique. En outre, l'ambiance y est très sympathique et propice au travail et les tuteurs sont toujours disponibles et répondent bien à mes questions.'

Les cours de cuisine

C'est en juillet 2009 que Nam ĐANG et Bảo Huy VINH ont réfléchi sérieusement à instaurer des cours de cuisine vietnamienne à l'AGEVP. Après avoir cherché un peu partout tous les ustensiles, les couverts, les plats, les premiers professeurs ainsi que les premiers élèves, c'est le dimanche 25 octobre 2009 qu'a débuté le premier cours. Depuis, les cours ne cessent de ramener de nouveaux élèves qui le découvrent grâce à Internet.

L'idée est d'apprendre des plats rapides et faciles à faire pour des étudiants ou de jeunes travailleurs qui ont de moins en moins de temps pour déjeuner ou dîner. De surcroît, les plats présentés sont des plats à la fois équilibrés et très savoureux pour nos papilles. Évidemment, les cours de cuisine sont ouverts à tous, du jeune lycéen



jusqu'au retraité.

Le cours se déroule en 4 parties. La première consiste à aller acheter nos ingrédients dans une épicerie asiatique pour pouvoir préparer nos plats à partir d'aliments frais. La deuxième est celle de la préparation culinaire en elle-même. Le cours se décompose en plusieurs petits ateliers : chaque atelier enseigne la préparation d'un plat, et les participants peuvent prendre part à tous les ateliers, ce qui leur donne l'occasion de mettre en pratique immédiatement et contribue à développer l'esprit d'équipe. Une fois les plats cuisinés, le cours se poursuit évidemment par une dégustation bien méritée, tous ensemble autour d'une grande table.

L'ambiance est très conviviale et chaleureuse. Toutes les personnes qui y ont participé sont toutes venues au moins deux fois. Essayer le cours de cuisine, c'est l'adopter. Nous entamons notre deuxième saison et les cours sont toujours aussi demandés.

Les séances de vietnamien

A partir de mars 2011, l'AGEVP ouvrira son activité "séances de pratique de la langue vietnamienne". Elle vise à accueillir une vingtaine d'élèves pour des cours axés essentiellement sur la maîtrise du vietnamien oral. Nous partons du constat que beaucoup de vietnamiens aujourd'hui souhaitent avoir une meilleure maîtrise de leur langue maternelle ; beaucoup de jeunes vietnamiens issus de la seconde génération nous ont communiqué à la fois leur regret de ne pas parler plus couramment le vietnamien et le souhait de suivre des cours véritablement axés sur la maîtrise orale. C'est dans cette optique que nous souhaitons mettre en place les séances de vietnamien.

Malgré les nombreux cours de vietnamien dispensés à Paris - souvent de très bonne qualité d'ailleurs -, l'inconvénient de la plupart est le manque de pratique orale intensive, lié en partie au grand nombre d'élèves par professeur. Les séances de vietnamien de l'AGEVP ont pour ambition de combler ce besoin. Elles s'adressent à toutes les personnes souhaitant perfectionner leur maîtrise de la langue et pratiquer le vietnamien.

Nous essayerons d'organiser les cours suivant trois logiques :

- 1/ l'importance de la pratique orale : nous proposerons des séances de discussion, avec des professeurs/animateurs pour guider et animer les discussions.
- 2/ les vertus du travail en petits groupes : les moments de discussion seront sur le format d'un animateur pour un groupe de 4/5 personnes pour favoriser la pratique intensive.
- 3/ l'importance du vocabulaire : chaque séance débutera par la présentation d'une liste de vocabulaire, qui pourra être utilisée ensuite pendant les moments de discussion.

Organiser un Têt...

ou comment j'en suis arrivée là...

Bảo Khánh

Mes parents m'ont toujours appris à aimer et à ne pas oublier mes origines.

Pour cela, il a fallu que je parle automatiquement vietnamien à la maison, ce qui ne fut pas une mince affaire, car je vivais dans une ville où ma famille était la seule famille asiatique ! Autour de moi, tout le monde parlait français ! Je me demandais pourquoi il fallait parler vietnamien ! Mais mon père disait : 'Regarde-toi dans le miroir, tu ne ressembles pas à une Européenne !'

Et chaque fois que je parlais français, mon père me coupait systématiquement la parole en me disant : '*Ba không biết*

nói tiếng tây tại vì con nói tiếng tây 8, 9 tiếng ở trường rồi !!!!'.

Je râlais mais j'obéissais finalement à mon père.

Quant à ma mère, elle me faisait lire des légendes et des contes vietnamiens, me faisait participer aux danses et chants des enfants et adolescents lors des Têt Nguyên Đán (appelés plus familièrement Têt tout court) et Têt Trung Thu des associations du département de l'Essonne (Hội Thanh Thiếu Niên Evry et Hội Orsay). Je ne faisais qu'obéir à mes parents.

Et pour m'initier à la lecture, on me faisait lire les lettres de la famille restée au Việt Nam, et pour apprendre à écrire, il a fallu que je leur écrive.

Mais, je correspondais avec des jeunes Vietnamiens nés à l'étranger et qui parlaient très bien vietnamien ! Je m'étais dit : 'S'ils y arrivent, pourquoi pas moi ?'

J'ai donc fini par laisser mes premiers mots vietnamiens aux parents comme par exemple : '*Má, con đi chợ, nửa tiếng nữa, con sẽ về nhà*' ou '*Má, con đi đạp xe đạp...*' car je trouvais que c'était bizarre de laisser des mots en français à mes parents alors qu'ils me parlaient toujours en vietnamien.

Les années passaient et je me désintéressais un peu des activités associatives en me concentrant sur mes études. Et en 2005, je suis venue pour la 1ère fois au Têt de THSV à Issy-les-Moulineaux, c'était ma première fois. J'enviais ces belles jeunes filles qui chantaient et dansaient en áo dài... Ces jeunes filles qui plaçaient les gens en salle de spectacle... J'appréciais leur grâce et leur beauté... J'avais vraiment envie d'être à leur place.

Mais je ne me sentais pas capable d'aider car je me sentais trop détachée de toutes ces activités associatives et je ne connaissais personne de THSV.

Néanmoins, j'ai fini par revenir chaque année au spectacle du Têt de THSV car j'avais besoin de voir le spectacle et les nouveautés artistiques. Tout cela m'attirait.

Un jour, cô Phương Khanh contacta ma mère car THSV avait besoin de placeurs en salle pour le premier Têt à l'Opéra de Massy. C'est en allant là-bas que j'ai découvert les répétitions générales avant le spectacle ! J'ai pu revoir des bénévoles qui aidaient Hội Orsay lorsque j'étais adolescente !

J'étais tellement captivée par le spectacle vivant et drôle que j'oubliais de placer les gens en salle ! J'étais surprise des efforts des jeunes qui s'efforçaient de parler vietnamien. J'ai apprécié les parenthèses avec le Việt Vô Đạo dans les scènes sur la légende de Âu Cơ.

J'ai compris que connaître l'histoire et les légendes de son pays d'origine est important voire indispensable !

Ce Têt m'avait beaucoup plu. J'avais hâte d'être au prochain ! Je ne me suis pas rapprochée de THSV pour autant... car je n'avais pas eu l'occasion de me rendre au Liên Hoan Têt cette année là.

L'année d'après, je me suis rendue au Têt Trung Thu organisé par THSV.

C'était alors que anh Nguyễn Ngọc Bách est venu me parler et me demander d'aider à ouvrir les lampions pour y mettre des bougies. Je me suis exécutée sans réfléchir. Puis il m'a recontactée quelques mois plus tard pour que je donne un coup de main à l'Association. J'ai longtemps hésité avant de répondre !

J'étais surtout un peu étonnée qu'il se soit adressé à moi car je n'avais pas grandi dans l'Association (qui, selon moi, ressemblait à un grand club privé !).

J'ai finalement accepté d'aider THSV. Au début, je n'ai pas fait grand-chose car je ne connaissais rien de THSV. J'ai fini par connaître le Bureau Exécutif, quelques jeunes et moins jeunes... Je me suis mise à faire des gaufres et des crêpes pour le Têt Trung Thu ; j'ai demandé à des amis et famille d'aider pour la décoration.

Peu de temps après, anh Bách a sollicité mon aide pour la coordination du Têt Canh Dần. J'ai longtemps hésité car j'avais du mal à comprendre pourquoi il m'a proposé - à moi - de faire cela. Cela me semblait fou !!!

... pour Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris

Mais j'ai finalement accepté. Ce fut comme une sorte de défi pour moi.

Je me suis mise à lire les compte-rendu de l'année précédente, écouter toutes les recommandations des anciens, suivre les conseils de anh Bách, aller à toutes les réunions, coller les affiches à l'aube, être constamment sur Facebook pour promouvoir l'évènement, me rendre aux répétitions de la section artistique, être dans les coulisses, derrière la scène, accueillir des amis qui aidaient pour la première fois...stresser le jour J ! Et tellement d'autres choses encore !

Je n'avais qu'une envie : qu'un maximum de personnes qui ne connaissaient pas THSV vienne au Têt et découvrir tout le Festival du Têt. Je voulais que notre communauté soit fière de ses origines et de ce que THSV pouvait faire pour célébrer dignement la nouvelle année.

Je voulais que beaucoup de personnes connaissent THSV.

Je voulais que des artistes d'origine vietnamienne, mais un peu éloignés de la communauté, se fassent connaître auprès d'elle et qu'ils se rapprochent de leurs origines.

Je voulais que des jeunes artistes (écrivains, créateurs, danseurs...) aient une chance de se produire lors de cet évènement.

Bref, je voulais montrer que THSV n'était pas seulement une association vietnamienne de la région parmi d'autres, mais qu'elle était une grande famille dynamique, jeune, avec du potentiel et que c'est grâce à tous les membres et sympathisants que nous sommes cette année encore en train de travailler pour le Têt Tân Mão.

THSV a une longue histoire derrière elle, c'est une association qui doit continuer d'exister et elle doit avancer en tenant compte de la société d'aujourd'hui.

Je n'oublierai pas ce que Mr. Trần Văn Bá a fait pour THSV et pour la communauté.

Il est un exemple pour chacun de nous car il avait ses valeurs et ses convictions.

Aujourd'hui, j'admire tous les jeunes et moins jeunes qui continuent d'aider activement l'Association depuis tant d'années ! J'ai compris qu'il ne fallait surtout pas oublier ses origines et qu'il fallait tout faire en tant que parents pour que les enfants gardent la tradition. Je remercie mes parents pour cela car je suis fière d'être d'origine vietnamienne et de faire partie de THSV.

Alors vous qui me lisez, qu'attendez-vous pour découvrir THSV, ou participer à ses nombreuses activités ?

à travers les yeux d'un membre de la section artistique

Nguyễn Sylvain

La période entourant le Nouvel An vietnamien, le Têt, est toujours une période très festive et attendue de tous. En effet, c'est l'occasion pour toutes les familles de se réunir et de passer ensemble un moment agréable dans la joie et la bonne humeur.

Ainsi, tous les ans, l'Association Générale des Etudiants Vietnamiens de Paris (AGEVP ou Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris) fête avec toute la communauté vietnamienne et asiatique le passage à la nouvelle année. Des étudiants, accompagnés de parents ou de généreux bénévoles, se produisent alors sur scène pour offrir un spectacle qui se veut le plus divertissant et le plus amusant possible, visant un public allant de 2 à 99 ans. Comme chaque année, ce spectacle est l'occasion pour de jeunes étudiants de s'exprimer et de s'impliquer dans des activités associatives au sein d'un groupe uni et soudé tendant vers le même but.

Ce spectacle, regroupant des thèmes variés, des plus sérieux aux plus burlesques, nécessite une préparation de longue haleine. En effet, la préparation du spectacle commence dès septembre, lorsqu'une réunion a lieu pour décider du thème, de la composition et du découpage du spectacle. Cette réunion rassemble les responsables artistiques et leurs chers mentors - des piliers de l'association qui les guident et veillent au bon fonctionnement de l'association. Ces mentors ont des rôles de conseillers, de guides et d'exemples pour les étudiants, plus jeunes et forcément moins expérimentés qui osent se lancer dans cette aventure que représentent l'organisation, la mise en place de répétitions et l'exécution d'un spectacle aussi attendu.

En effet, il faut savoir que le spectacle du Têt, organisé par l'AGEVP, constitue le plus grand évènement culturel et associatif de la communauté vietnamienne en Europe. Cela est dû au fait que l'association représentait et représente toujours l'espoir du peuple opprimé vietnamien. De ce fait, participer à un spectacle aussi attendu et aussi symbolique exige de bien se préparer pour pouvoir donner le meilleur de soi. Néanmoins, cela reste un travail d'amateurs, d'amateurs passionnés certes, l'association

n'ayant nullement la prétention de se poser en tant que véritable spectacle professionnel ou même semi-professionnel.

Revenons maintenant à la préparation du spectacle en lui-même ! Nous en étions donc à la réunion des responsables artistiques, qui décident du thème, du scénario et du nombre de scènes, danses, chants et sketches qui seront représentés le jour J. Une fois la trame choisie, les responsables artistiques se tournent vers les responsables de scène et leur demandent de créer une chorégraphie sur une musique et un style qu'ils ont la liberté de choisir, mais devant rentrer dans les lignes du scénario.

Tout cela prend déjà un bon mois à se mettre en place.

A ce stade démarrent alors les répétitions, la partie à la fois la plus amusante et la plus exigeante ! En effet, tous les jeunes artistes qui participent au spectacle viennent avant tout pour s'amuser et pour passer d'agréables moments en compagnie de jeunes de leur âge. 'Tống Hội', diminutif qui désigne l'association et qu'utilisent affectueusement ses membres, est de ce fait plus qu'une simple association. Il s'agit d'une 'famille', au sein de laquelle tout le monde se soutient, s'entraide et se réunit pour passer d'agréables moments, une famille qui aspire à devenir un modèle pour la communauté vietnamienne. Les répétitions se déroulent donc dans une ambiance détendue tout en restant studieuse : les responsables de scène savent faire la part des choses et sont donc parfois amenés à rappeler gentiment les danseurs à l'ordre afin de respecter les délais nécessaires au bouclage du spectacle. Les 'artistes' présents sur scène sont tous des bénévoles qui ont entendu parler de l'association, et qui, en voyant l'ambiance particulière se dégageant lors du rassemblement de ses membres, décident de se lancer et de participer à cette grande aventure qu'est la représentation du Tét.

A ce stade, les répétitions vont donc bon train. Parallèlement à cela, toutes les deux semaines, les responsables artistiques se réunissent avec les membres du bureau exécutif, la tête pensante de l'association, pour faire le point sur l'avancement des scènes, pour discuter des problèmes rencontrés pouvant entraver l'avancement des répétitions. Il faut également discuter des détails techni-

ques du jour J : le décor, les micros, l'éclairage, le son, etc., tout cela est passé en revue. Il faut alors mobiliser d'autres équipes, qui travaillent dans l'ombre et sont souvent oubliées, mais à qui il faut rendre un grand hom-



mage, car sans elles le spectacle serait tout simplement irréalisable. Il s'agit tout d'abord de l'équipe des décors qui, à travers les demandes de la section artistique, crée des fresques, des tableaux et des décors indispensables sur scène. Puis il y a l'équipe technique qui gère tout l'aspect son et lumière du jour J : la musique, les micros, le jeu de lumière, tous ces détails qui semblent évidents sur scène mais qui nécessitent un travail intense et qui demandent à cette équipe d'être

réactive et efficace pour que nos artistes en herbe puissent exploiter au mieux leur potentiel.

Puis les dernières semaines arrivent, les répétitions générales commencent, et tout le monde peut observer la manière dont se déroule le spectacle en entier et en continu, afin que les responsables puissent rectifier des erreurs de logistique, coordonner l'équipe technique avec l'équipe artistique. Le stress est à son comble à ce niveau des répétitions. Tout le monde essaie de gérer au mieux la façon dont il sera sur scène, répète et perfectionne sa prestation.



Enfin, le grand jour arrive, et tout ce petit monde se lance, danse, joue et se produit devant des centaines de

personnes. Pour cela, il a fallu mobiliser toute une équipe de responsables artistiques, de conseillers artistiques, des parents conciliants amenant leurs jeunes enfants aux répétitions, les artistes eux-mêmes, une équipe pour élaborer les décors et une équipe pour gérer les détails techniques. Tous travaillent à l'unisson pour être prêts le jour J tout en restant dans l'anonymat la plupart du temps.

Vous trouverez peut être que le point de vue de cet article est totalement subjectif. Que la notion de famille et de 'force' émanant de l'association est exagérée. Peut-être même penserez-vous qu'il s'agit d'une publicité pour l'association. Détrompez-vous, car même si je ne peux nier le point de vue subjectif de l'article en vous racontant ce que représente l'association à travers mon vécu et mes yeux, je m'efforce de retranscrire les impressions que m'ont racontées et décrites diverses personnes, qu'elles soient membres ou non de l'association. Toutes ces personnes ont remarqué l'aspect familial et le lien fort unissant les membres de l'association. Il suffit de regarder les photos pour remarquer la bonne humeur et le lien qui unit chaque membre de cette association !

Joyeux Noël et

Nguyễn Lương Hiền

Chúc mừng Năm Mới

En cette année 2011, nous avons la chance de voir le nouvel an vietnamien et les fêtes de fin d'année françaises être très proches dans le temps, avec à peine plus d'un mois d'intervalle entre les deux. Pour beaucoup de familles de la communauté vietnamienne toutes générations confondues, il s'agit des deux plus importantes réunions de l'année. D'une part parce qu'elles sont pour beaucoup les seules occasions de voir la famille au sens large se réunir ; d'autre part par la forte tradition, les rituels et la symbolique qui entourent les deux événements : prières aux ancêtres, enveloppes rouges, défilé de la licorne et bánh chưng d'un côté, Père Noël, sapin, cadeaux et réveillon de l'autre. Pour moi, ces deux événements et la manière dont ils sont célébrés par la communauté vietnamienne sont très symboliques de la situation de notre diaspora en France.

Commençons par la célébration de Noël : les Vietnamiens, dont seulement 15% sont catholiques, ont, dans leur très large majorité, adopté cette fête, qu'ils célèbrent comme peuvent le faire des français de souche. Plusieurs de mes amis vietnamiens ont ainsi par exemple déjà eu la joie de jouer le rôle de Pères Noël asiatiques pour l'occasion. On pourrait m'objecter que Noël n'est plus une fête religieuse, mais une célébration entrée dans les moeurs des citoyens français de toutes origines ; ceci n'est que partiellement vrai, comme en témoigne l'exemple des français de confession musulmane, pour lesquels le 25 décembre n'est qu'un jour comme un autre. La large adoption de cette fête occidentale symbolise l'excellente intégration de la communauté vietnamienne en France.

Parmi les communautés arrivées dans la seconde moitié du XXème siècle, notre intégration dans la société française est en effet tout à fait remarquable ; la réussite scolaire et l'insertion professionnelle de notre jeune diaspora en France, constituée de nombreux réfugiés politiques devant repartir de zéro en France force le respect. Par rapport à d'autres communautés, nous avons parfaitement réussi notre assimilation, au sens français du terme. J'insiste sur le mot assimilation, qui différencie tant la France des autres pays pluriethniques et terres d'accueil et caractérise son modèle si particulier d'intégration. Pour la définir rapidement et clairement, on peut reprendre les termes de l'historien Fernand Braudel, pour qui l'assimilation est 'l'intégration sans douleur de ces

immigrés qui se sont vite confondus dans les tâches et les replis de notre civilisation, tandis que leurs cultures d'origine ont apporté une nuance de plus à notre culture complexe'. Dans cette optique, l'assimilation des Vietnamiens à la France est en excellente voie : elle se constate, comme il a été dit plus haut, par notre bonne intégration, mais aussi par le recul d'une identité vietnamienne chez les jeunes générations. Dans la droite ligne de la logique d'assimilation française, les vietnamiens nés en France ont parfaitement adopté les moeurs françaises. Beaucoup maîtrisent aujourd'hui parfaitement la langue française et n'ont plus que des notions très basiques de la langue vietnamienne et des connaissances superficielles de l'histoire et de la situation du Việt Nam. Je ne porte là aucun jugement; mes amis français de souche ont souvent été impressionnés par la capacité des Vietnamiens à s'établir au sein de la société française et cite la communauté vietnamienne comme un exemple du modèle d'assimilation français, alors même que ce processus d'assimilation se trouve bloqué pour d'autres communautés venus dans la seconde moitié du XXème siècle. Et, forcément, cette assimilation de la communauté vietnamienne s'est accompagnée d'un recul identitaire chez les nouvelles générations de Vietnamiens. Les premières générations ont parfois pu regretter que les secondes voire troisièmes générations se soient beaucoup trop francisées ; d'autres ont pu se féliciter de voir s'opérer aussi facilement l'assimilation d'une communauté avec une identité si différente de celle de la France. La bonne assimilation des Vietnamiens en France relève simplement pour moi du constat. On peut se féliciter qu'elle s'opère aussi vite pour une si jeune communauté 'surtout devant les difficultés d'assimilation que connaissent d'autres communautés aujourd'hui en France' tout comme regretter l'effacement consécutif de l'identité vietnamienne à proprement parler. Ce qu'on ne peut pas faire, c'est nier que le processus d'assimilation est en train d'opérer.

A côté de Noël, on trouve le Tét. Je me souviens de ce que me disait à ce sujet mon cousin, dont les premiers pas en France furent dans les camps de réfugiés avec une dizaine de Vietnamiens dans sa situation. Il me racontait qu'au moment du Tét, les Vietnamiens du camp de réfugiés étaient tous pris d'une profonde tristesse de rater cet événement et d'être à la fois loin de leur famille et hors

du Việt Nam pour l'occasion. Il leur était extrêmement difficile d'être séparés de leurs proches et loin du pays pour cet événement qui pour eux semblait avoir une dimension quasi-sacrée. Étant né en France et donc de la seconde génération, je n'ai pas toujours pour ne pas dire toujours pas saisi l'importance de cet événement pour les Vietnamiens. Le Têt est aujourd'hui célébré par toutes les communautés vietnamiennes dans tous les pays d'accueil; il se pose comme l'évènement majeur de la communauté vietnamienne, partout où se trouvent des Vietnamiens. En France, il représente pour moi le dernier bastion de la communauté vietnamienne ; en effet, les jeunes Vietnamiens, même lorsqu'ils manifestent une certaine indifférence à la culture vietnamienne, encore une fois, je dis cela sans porter aucun jugement comprennent l'enjeu et l'importance de l'évènement.

Au-delà du fait qu'aucun Vietnamien que je connaisse ne se permettrait de ne pas retrouver sa famille pour son Nouvel An, je constate que pour l'occasion, chacun se plie à l'ensemble des us et coutumes vietnamiennes et redécouvre, le temps de ces trois jours de célébrations, un pan important de ce qui constitue la culture vietnamienne.

Le Têt demeure donc la dernière grande fête communautaire vietnamienne ; j'emploie volontairement le terme communautaire, car pendant ces trois jours, l'assimilation est justement mise de côté. Elle laisse place à l'expression authentique de la culture vietnamienne, sans aucune concession vis-à-vis de la culture de notre pays d'accueil. Il se positionne donc aujourd'hui comme le moment par excellence de la culture vietnamienne. En comparaison, le Têt Trung Thu, autre grand moment de la culture vietnamienne, a été progressivement oublié et n'est plus, ou du moins peu, célébré aujourd'hui.

La proximité des fêtes de Noël et du Têt m'a donné à réfléchir sur la situation et le devenir des 300 000 Vietnamiens en France. Je pense pour ma part que la communauté vietnamienne en France est à la croisée des chemins ; l'avenir nous dira ce qu'elle réserve. Plusieurs scénarios paraissent possibles.

Le premier serait donc celui d'une assimilation progressive ; jusqu'en 1960, la France a accueilli des migrants issus de toute l'Europe... Italie, Espagne, Pologne notamment. Ces vagues d'immigration se sont parfaitement assimilées à la population française. Elles en ont si bien adopté la langue, les mœurs et la culture qu'il est aujourd'hui difficile de distinguer français de souche et français d'origine italienne, espagnole ou polonaise. On ne parle plus désormais de français d'origine espagnole, ni de communauté polonaise en France ; tout au plus certains revendiquent de lointaines origines de ces pays. En sera-t-il de même pour nous autres Vietnamiens ? Si le processus d'assimilation suit son cours, d'ici 2 à 3 générations il n'est pas impossible de voir la communauté vietnamienne et sa culture s'effacer peu à peu pour se retrouver absorbée et assimilée au sein de la culture française suivant le modèle d'assimilation français. Au vu des difficultés d'intégration des dernières vagues d'immigra-

tion, on peut considérer que l'assimilation sans douleur des Vietnamiens, du moins jusqu'à présent, constitue, déjà en soi, une belle réussite.

L'autre option peut se voir chez les communautés juives et chinoises en France. Il est vrai que considérer que deux communautés aussi différentes puissent constituer un même modèle d'intégration peut s'avérer réducteur. Pourtant, je les place ensemble dans la mesure où elles ont chacune su, pour moi, concilier adaptation aux mœurs de la culture française et préservation de leur identité. Ces communautés, tout en partageant les valeurs françaises, ont réussi à garder un lien communautaire remarquable. J'ai toujours été impressionné par le nombre de jeunes Chinois, issus de la seconde génération, parfaitement bilingues dans leur langue maternelle. Je n'érige pas du tout ces deux communautés comme de possibles modèles pour nous ; je pense par exemple que, par rapport à la communauté chinoise, nous sommes bien plus ouverts à la culture de notre pays d'accueil. Je dis seulement que la préservation de leur culture et le lien intra-communautaire sont plus forts chez les Chinois et Juifs de France que chez nous. Pour nous autres Vietnamiens, cette seconde voie d'intégration consisterait donc en somme, à se revendiquer citoyen français d'origine vietnamienne, et à souhaiter, non pas l'assimilation, mais plutôt l'intégration. Elle pourrait se résumer à l'adage suivant : adhérer aux valeurs françaises tout en défendant l'identité vietnamienne. Sans qu'elle soit du niveau des deux communautés citées plus haut, la vigueur encore affichée aujourd'hui par la communauté vietnamienne en France, notamment à l'occasion du Têt, me fait penser que cette voie d'intégration reste une option tout à fait plausible pour les années à venir.

Je ne défends pas plus une voie d'intégration qu'une autre. Je constate qu'aujourd'hui, quarante ans après l'arrivée massive de la diaspora, la question du choix d'intégration se posera essentiellement pour notre génération, celles des premiers Vietnamiens nés en France. En attendant, célébrons comme il se doit ce Têt Tân Mão et mettons pour l'occasion la culture vietnamienne à l'honneur.



Lá Thư Ban Chấp Hành

Năm Canh Dần trôi qua. Năm Tân Mão đến. Nhà nhà, dù ở trong nước hay hải ngoại, đều đang chuẩn bị đón mừng Xuân trong bầu không khí rộn ràng truyền thống.

Nhìn lại năm vừa qua ở Việt Nam, người ta thấy có nhiều giao động ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị xã hội. Theo thống kê chính thức của Hà Nội, mức tăng trưởng kinh tế đã đạt 7% và mức lạm phát 10%. Tuy nhiên, mức lạm phát này đã không được đánh giá đúng theo tình hình biến động trong nước bởi trên thực tế, theo nhiều chuyên gia kinh tế khác, mức độ lạm phát có thể lên quá 25%.

Năm 2010 cũng là năm ban Chấp hành đảng cộng sản Việt Nam thay đổi nhân sự. Và không khác với thông lệ trong những năm như vậy, kinh tế Việt Nam gần như hoàn toàn bị tê liệt. Các hợp đồng, các dự án đều bị ngưng lại vì các chức sắc nắm quyền ký kết trong tay đều yên lặng để nghe ngóng tình hình. Kẻ ăn hối lộ không dám nhận nữa để tạm thời bảo vệ cho chiếc ghế của mình. Kẻ thời cơ cũng ngưng ký, dành hết thời giờ vào việc chuẩn bị nắm chiếc ghế cao hơn trong đại hội tới. Do việc đấu đá nhau trong nội bộ để tranh giành quyền lực, việc giải quyết kinh tế trong nước đã trở thành thứ yếu...

Một biến cố nữa trong năm Canh Dần là đại hội đảng cộng sản Việt Nam khẳng định lại nguyên tắc độc đảng ở Việt Nam và bầu một tổng bí thư mới : Nguyễn Phú Trọng. Nhìn vào lý lịch của nhân vật này, người ta sẽ nhận thấy ngay đây là một sản phẩm chọn lọc và cứng rắn của đảng, trung thành tuyệt đối với lý tưởng cộng sản. Nguyễn Phú Trọng trong quá khứ chưa bao giờ có được cơ sở học thức kinh tế và cũng chưa bao giờ nắm một chức vụ nào về kinh tế. Suốt quãng đời, ông ta chỉ lo về mặt chính trị, chuyên phụ trách những lãnh vực về lý luận và xây dựng đảng.

Vấn đề Trung quốc cũng là một vấn đề nóng bỏng trong nước và có thể nổ ra bất kỳ lúc nào. Phương châm lập lờ ‘người Việt Nam dùng đồ Việt Nam’ đã được đảng tung ra để làm giảm bớt những tiếng nói chống đối phát ra từ trong nước cũng như muốn giảm nhẹ áp lực kinh tế từ phía Trung quốc. Điều này thật không đơn giản vì đảng cộng sản Việt Nam trong thời gian qua đã đẩy mạnh mối bang giao kinh tế với Trung quốc, nếu mai này Trung Cộng tẩy chay hàng hóa Việt Nam, nền kinh tế trong nước sẽ bị tê liệt...

Còn về phần đấu tranh dân chủ, chưa bao giờ, các nhà bảo vệ nhân quyền bị đàn áp như năm vừa qua.

Trong bối cảnh tương lai đen tối của đất nước như vậy, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris vẫn tiếp tục cố gắng theo đuổi ba phương châm ban đầu của hội nhà : Tranh đấu cho Tự Do - Bảo tồn văn hóa Xây dựng tương lai. Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris tranh đấu cho Tự Do nhưng không trong khuôn khổ của một đảng phái chính trị. Trong phạm vi nhỏ bé của mình, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris chỉ có tham vọng gây dựng và truyền bá những tư tưởng dân chủ về cho đất nước.

Một thế hệ mới được sinh ra và lớn lên ở Pháp dẫn đến việc bảo tồn văn hóa và xây dựng tương lai ngày càng trở nên quan trọng và ưu tiên hàng đầu đối với hội nhà. Công tác gìn giữ tiếng Việt cho các em, dạy gia chánh, công tác văn nghệ.... sẽ được hội khuyến khích và đẩy mạnh. Nhu cầu trợ giúp về kiến thức học vấn cũng vẫn và sẽ được hội nhà chăm lo mạnh mẽ.

Đối với tầng lớp sinh viên Việt Nam đang du học tại Pháp, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris sẽ cố gắng tập hợp sức mạnh tương lai này của đất nước để cho họ có được một cái nhìn về một thể chế dân chủ và thích hợp với thời đại.

Trong chiều hướng đó, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris nuôi hy vọng trở thành một môi trường đào tạo cho ngày mai một thế hệ mới, năng nổ, biết đóng góp và phát triển cộng đồng, biết ưu tư đến tiền đồ của đất nước với một hướng nhìn khoan dung, cởi mở, sẵn sàng mang những kiến thức khoa học, kỹ thuật, xã hội học hỏi được từ nền văn minh xứ người để về xây dựng một quê hương Việt Nam tự do, dân chủ trong tương lai.

Trước thềm năm mới, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris và ban Chấp hành niên khóa 2010 -2012 xin kính chúc tất cả quý vị và các bạn thật nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công trên mọi mặt.

Hẹn gặp lại quý vị và các bạn trong những sinh hoạt tới của hội nhà.

Lettre du Bureau Exécutif

A l'occasion de la nouvelle année du Chat, l'Association Générale des Étudiants Vietnamiens de Paris vous présente ses meilleurs vœux de santé, joie, paix et prospérité.

Que retenir du Vietnam durant l'année du Tigre ?

- **La pression constante de la présence de la Chine qui s'est traduite par :**
 - ° l'annexion des îles Paracels au large du Vietnam et des îlots de terres à la frontière Nord
 - ° l'exploitation des minerais de Bauxite au centre du pays
 - ° le déferlement de produits chinois sur le marché interne...
- **La croissance économique de 7% du Vietnam est à faire pâlir les chancelleries occidentales !**
Cependant, ce succès ne peut cacher l'augmentation des inégalités sociales, l'inflation estimée à plus de 20%, la généralisation voire la banalisation de la corruption, la mainmise d'une mafia d'État sur des pans entiers de l'économie du pays.
- **La remise de la médaille Fields au mathématicien Ngô Bao Châu**
Naturalisé français, il a été accueilli en grande pompe par les plus hautes autorités de l'État vietnamien, mais il n'a pas hésité à remettre en cause la gouvernance.
- **Le développement des luttes internes au sein du Parti Communiste Vietnamien:**
Désormais, des intellectuels et des hauts dirigeants du parti unique éprouvent moins de réserve à critiquer ouvertement le régime,
- **La désignation d'un dirigeant parmi les plus conservateurs dans le dogme du communisme.**
- **L'augmentation constante des arrestations de démocrates opposés au régime.**

Tout ceci peut-il déboucher sur un changement rapide du Vietnam, à l'instar des événements récents survenus en Tunisie ?

Mais revenons à l'AGEVP.

Ses trois fondamentaux doivent toujours la guider :

- 1) La lutte pour la liberté : Tant que la démocratie est bafouée, l'injustice présente, l'AGEVP se doit de les dénoncer.
- 2) La sauvegarde de la culture vietnamienne pour ses jeunes membres, dont la première action est d'en maîtriser la langue.
- 3) La préparation à l'avenir : Pour ce faire, l'AGEVP vise à former une jeunesse 'engagée', ouverte et généreuse, capable d'assumer une entraide et solidarité entre Vietnamiens à l'étranger et ceux restés au pays, prête à capter les meilleures valeurs morales, intellectuelles, matérielles de l'Occident pour construire un Vietnam libre et démocratique.

Les tâches sont innombrables mais combien exaltantes !!!

A l'aube de la nouvelle année, nous formulons une grande espérance pour un meilleur avenir pour notre pays d'origine : le Vietnam.

Histoire des Deux Emblèmes du Việt Nam Libre : son Drapeau et son Hymne National

Lê Văn Trí
(janvier 2011)

Le coup de force du 9 mars 1945 des Japonais a permis d'éliminer la présence française au Việt Nam. Ce fut la première Déclaration d'Indépendance le 11 mars 1945 et la formation du Gouvernement de Trần Trọng Kim qui n'allait durer que 4 mois. La capitulation du Japon le 14 août 1945 permit aux communistes vietnamiens de prendre le pouvoir à Hà Nội et de déclarer l'Indépendance de leur République Démocratique du Việt Nam le 2 septembre suivant. Les Nationalistes vietnamiens du Việt Quốc et du Việt Cách revinrent de leur exil en Chine vers la mi-septembre mais se retrouvèrent vite isolés et délaissés, même par leur allié traditionnel, la Chine Nationaliste de Chang Kai Chek. Ils participèrent au Gouvernement d'Union Nationale avec les communistes de Hồ Chí Minh mais les dés étaient pipés. Les Français (avec à leur tête le Haut Commissaire Thierry d'Argenlieu et les deux 'négociateurs' Jean Sainteny et le Général Leclerc) réoccupaient peu à peu une grande partie de l'Indochine. Les négociations menées entre les Français et le soi-disant Gouvernement d'Union Nationale s'enlisaient. La conférence de Đà Lạt en avril 1946 était un échec. Les négociations allaient continuer à Fontainebleau, en France.

1er Juin 1946 : Alors que Hồ Chí Minh venait juste de quitter le Việt Nam pour rejoindre la France et assister à la Conférence de Fontainebleau, coup de tonnerre au Sud Việt Nam ! L'amiral Thierry d'Argenlieu avec le soutien tacite de la nouvelle administration gaulliste et celui prévisible du lobby colonial français déclencha la sécession de la Cochinchine (c'est-à-dire du Sud Việt Nam) qui devint la 'Ré-



publique Autonome de Cochinchine' ('Cộng Hòa Nam Kỳ Tự Trị' ou 'Nam Kỳ Tự Trị' ou 'Nam Kỳ Quốc'). Il était évident que ce nouvel Etat était une émanation de la faction la plus conservatrice du mouvement gaulliste qui travaillait la main dans la main avec le lobby colonial constitué des filiales de deux grandes banques françaises et d'entreprises ayant de nombreux intérêts en Indochine, notamment dans le domaine du caoutchouc.

En France, comme il fallait s'y attendre, l'intransigeance des Français et des communistes vietnamiens entraînait l'échec de la conférence de Fontainebleau. Malgré cet échec, Hồ Chí Minh retarda quelque peu sa rentrée au Việt Nam, afin que ses partisans puissent terminer en toute discrétion la liquidation de tous les opposants dans le Nord comme dans le Sud du pays.

De Mi-juin à novembre 1946, l'opération de 'nettoyage'

dirigée contre les Nationalistes ('Quốc Gia'), les 'réactionnaires' et les 'contre-révolutionnaires' avait parfaitement réussi pour les communistes vietnamiens. Alors qu'il frisait la centaine de députés début 1946, le nombre des opposants à l'Assemblée Nationale Constituante tombait à seulement 2 (sur 290 'députés' !) en novembre 1946. La promulgation à Hà Nội de la Première Constitution de la République Démocratique du Việt Nam s'était donc faite

sans aucune difficulté. Les communistes vietnamiens étaient désormais seuls maîtres à bord, du moins dans le Nord et dans une partie du Centre Việt Nam qu'ils contrôlaient réellement.

Cependant, depuis les accords de mars 1946 entre Sainteny et Hồ Chí Minh, les troupes françaises étaient déjà stationnées dans plusieurs villes du Nord Việt Nam (dont Hà Nội et Hải Phòng). L'échec de la conférence de Fontainebleau ainsi que l'évacuation définitive des troupes de la Chine Nationaliste hors des frontières du Việt Nam provoquaient un changement radical d'attitude de la part des communistes vietnamiens comme de celle des Français. L'affrontement devenait inévitable !

Le 23 novembre 1946, après des incidents relativement mineurs survenus entre le Việt Minh et les troupes françaises dans le port de Hải Phòng, le général Valluy, prétextant des importations illicites d'armes en faveur du

Việt Minh, ordonna à la marine française de déclencher les hostilités et de bombarder le port et la ville de Hải Phòng causant ainsi la mort de plus de 6.000 personnes.

Le 19 décembre 1946, ce fut la bataille de Hà Nội entre le Việt Minh et les troupes françaises qui y étaient stationnées depuis mars 1946. Le Việt Minh se repliait hors de la capitale nord-vietnamienne sans oublier de massacrer au passage les derniers nationalistes qui y avaient trouvé refuge.

Le 20 décembre 1946, Hồ Chí Minh appela à la Résistance Nationale contre les troupes françaises. La Première Guerre d'Indochine venait de commencer et ne cesserait qu'à Genève, au petit matin du 21 juillet 1954.

Vers l'indépendance d'un Việt Nam non communiste

Dans le Sud du Việt Nam, les Français - du point de vue militaire - contrôlaient relativement bien la situation. Mais la République Autonome de Cochinchine qu'ils venaient d'instaurer n'a pas fait un très bon départ. Le 10 novembre 1946 (soit cinq mois après sa nomination), son Premier Ministre, le docteur Nguyễn Văn Thinh se donna la mort. Les raisons de ce suicide restaient obscures : Nguyễn Văn Thinh se sentait peut-être coupable de n'être qu'une marionnette dans les mains du tout puissant lobby colonial français. En France, cet 'état-croupion' du 'Nam Kỳ Quốc' commençait cependant à indisposer la classe politique.

Le 3 mars 1947 l'amiral Thierry d'Argenlieu était relevé de ses fonctions par le gouvernement du socialiste Ramadier. Le Radical Socialiste Emile Bollaert devint Haut Commissaire de France en Indochine. L'Assemblée Nationale Française vota ce jour-là des crédits militaires pour l'Indochine.

En avril 1947, les communistes vietnamiens assassinèrent Huỳnh Phú Sổ (le Grand Maître des Bouddhistes Hòa Hảo). Erreur fatale ! Le tiers (au moins) de la population du Sud Việt Nam était constitué des adeptes des 'Bouddhistes Hòa Hảo' et de ceux du 'Cao Đài'. Ces derniers devenaient ainsi les ennemis jurés du Việt Minh qui révélait de plus en plus clairement sa vraie nature, celle d'un instrument du Parti des Travailleurs, autrement dit du Parti Communiste Vietnamien.

[Rappel : De 1947 à 1954, les troupes armées caodaïstes et celles des Bouddhistes Hòa Hảo allaient infliger de cinglantes défaites aux troupes Việt Minh. En juin 1954 Pierre Mendès France devint président du conseil et commença à mener les négociations de Genève pour la France A part quelques grandes villes (comme Hà Nội, Hải Phòng, Huế ou Tourane) qui restaient sous contrôle français, après la destruction du Groupe Mobile 100 à

An Khê, tout ce qui était au Nord de l'axe Đà Lạt - Nha Trang était tombé aux mains du Việt Minh. Par contre, dans le delta du Mékong, la guerre a tourné nettement à l'avantage des troupes armées des religions Hòa Hảo et Cao Đài]

En 1947, Nguyễn Văn Xuân (Polytechnicien Promo 1912) était général de brigade dans l'armée française. Dans sa vie de tous les jours, il ne parlait que le français et 'baragouinait' avec beaucoup de difficulté (et avec un fort accent français) le vietnamien. Le lobby colonialiste français avait trouvé en lui le parfait 'French Puppet' ('Marionnette des Français') pour diriger la République Autonome de Cochinchine.

En octobre 1947, on l'appela au poste de Premier Ministre de la République Autonome de Cochinchine (Cộng Hòa Tự Trị Nam Kỳ).

A l'insu des véritables maîtres de la Cochinchine, c'est-à-dire du lobby colonial français, le gouvernement de Nguyễn Văn Xuân comptait de nombreux résistants et opposants à la politique sécessionniste de l'amiral Thierry d'Argenlieu (dont Nguyễn Văn Sâm et Trần Văn Ân). Avec leur aide, Nguyễn Văn Xuân allait frapper un grand coup.

Le 8 octobre 1947, lors de l'investiture de leur gouvernement, Nguyễn Văn Xuân (Premier Ministre), Nguyễn Văn Sâm (ministre des Affaires Etrangères) et Trần Văn Ân (ministre de l'Information) réussissaient à manipuler la Chambre des Représentants de la République Autonome de Cochinchine et à transformer le nom de leur gouvernement en 'Gouvernement Provisoire du Sud Việt Nam' ('Chính Phủ Lâm Thời Nam Phần Việt Nam') faisant disparaître pour de bon les termes 'Nam Kỳ Tự Trị' ('République Autonome de Cochinchine') et en réhabilitant du même coup les deux mots 'Việt Nam'. Le nouveau Haut Commissaire Emile Bollaert était-il au courant? On n'en savait rien. En tout cas, il laissait faire...

La riposte des 'maîtres français de Sài Gòn' fut brutale : deux tueurs du Việt Minh furent libérés de la prison centrale de Sài Gòn le 10 octobre 1947. Le même jour, ils tirèrent sur Nguyễn Văn Sâm et le tuèrent, mais ratèrent Trần Văn Ân...

Ce dernier et son Premier Ministre allaient devenir les éléments moteurs de la création de l'Etat indépendant du Việt Nam. Ils allaient aussi devenir ceux qui contribueraient le plus au choix des deux emblèmes du nouvel état : le drapeau jaune à trois bandes rouges et le 'Quốc Thiệu' ('Hymne National'). Par ailleurs, (premier acte indépendantiste ?), le gouvernement Nguyễn Văn Xuân refusait de faire passer sous commandement français les troupes Hòa Hảo et Cao Đài dont une partie s'était ralliée au gouvernement provisoire du Sud Việt Nam.

[En 1947, deux forces dominaient la vie politique française (le RPF des partisans du Général de Gaulle et le

Parti Communiste Français), chacune d'elles représentant environ 25 à 30% de l'électorat français.

Afin de contrer l'action parfois néfaste des deux partis RPF et PCF qui déstabilisaient systématiquement tous les gouvernements auxquels ils ne participaient pas, une Troisième Force allait être créée.

La Troisième Force était la coalition gouvernementale française au pouvoir sous la Quatrième République, et regroupait la Section Française de l'Internationale Ouvrière (SFIO), l'Union Démocratique et Socialiste de la Résistance (UDSR), le Parti Radical Socialiste (PRS), le Mouvement Républicain Populaire (MRP) et les modérés.

Le MRP représentait en fait ce que nous appelons maintenant les Chrétiens Démocrates. La SFIO et l'UDSR allaient constituer plus tard le Parti Socialiste (PS) de François Mitterrand. Le PRS 'historique' allait devenir, lui, le Parti des Radicaux de Gauche (après la scission du PRS entre gauche et droite).

La Troisième Force était donc en fait composée de Socialistes, de Centristes Chrétiens Démocrate et de modérés.]

L'Etat du Việt Nam (indépendant et libre) allait voir le jour en 1948. Il était le résultat des efforts soutenus de nombreux patriotes vietnamiens. Mais il était également 'l'enfant' de la Troisième Force, c'est-à-dire essentiellement des Socialistes et des Chrétiens Démocrates français (dont l'un des leaders - l'humaniste Robert Schuman - allait devenir un peu plus tard l'un des pères fondateurs de la future Union Européenne).

Il est surprenant de constater qu'en 2011, nombre de Vietnamiens pensent encore que c'était la droite française qui a donné naissance au 'Quốc Gia Việt Nam' (Etat du Việt Nam), l'ancêtre de la République du Việt Nam ('Việt Nam Cộng Hòa'). En réalité, durant les années fatidiques 1945-1946, les Gaullistes et les représentants de la droite française de l'époque n'ont donné au Việt Nam que... Thierry d'Argenlieu et le 'Nam Kỳ Quốc'.

6-7 Décembre 1947 : Avec certainement l'accord du Président du Conseil français Robert Schuman (MRP), Emile Bollaert et Nguyễn Văn Xuân rencontrèrent pour la première fois Bảo Đại en Baie d'Along. La solution d'un état vietnamien indépendant avec Bảo Đại comme chef d'état, se précisait. Mais l'ex-empereur était encore réticent.

Fin Mars 1948 : Bảo Đại accepta (de Hong Kong où il résidait depuis les événements de 1945) le principe de la création d'un Gouvernement Central de l'Etat du Việt Nam ('Chánh Phủ Trung Ương Quốc Gia Việt Nam')

27 Mai 1948 : Le Général Nguyễn Văn Xuân présenta son 'Gouvernement Central Provisoire de l'Etat du Việt Nam' ('Chánh Phủ Trung Ương Lâm Thời Quốc Gia

Việt Nam') qui allait préparer les accords pour la création d'un Etat Indépendant du Việt Nam.

2 juin 1948 : Après trois jours d'intenses discussions dans la Salle des Fêtes du Palais Gia Long, la quarantaine de participants tombèrent d'accord pour le choix des deux principaux emblèmes du futur Việt Nam indépendant : son drapeau et son hymne national.

Pour le choix du drapeau national, au moins cinq drapeaux ont été présentés (ceux des 3 régions Nord, Centre et Sud du Việt Nam, plus ceux des deux religions Hòa Hảo et Cao Đài).

Mais c'était un sixième (présenté - mais non créé - par Trần Văn Ân) qui fut choisi.

Le choix de ce drapeau apparaissait a posteriori évident et naturel : le fond jaune représentait depuis des millénaires la nation vietnamienne. Géographiquement, le Việt Nam comportait trois régions : le Nord, le Centre et le Sud. Chacune des bandes rouges représentait une de ces régions. Le regroupement de ces trois bandes rouges - parfaitement identiques - dans le tiers du milieu du drapeau signifiait que le Việt Nam était indivisible. L'identité en dimension, en couleur et en dessin de ces 3 bandes rouges signifiait que les 3 régions ont exactement les mêmes droits et les mêmes devoirs.

D'anciens membres du mouvement 'Thanh Niên Tiền Phong' ou 'Jeunesse d'Avant-Garde (dont le - très connu - journaliste Nguyễn Kiến Giang) figuraient dans l'équipe de sélection pour l'hymne national. Le chant révolutionnaire qui a été le plus chanté par l'ensemble de la jeunesse vietnamienne durant les années 45, 46 et 47 était sans conteste le 'Thanh Niên Hành Khúc' ('Marche des Jeunes'). Malgré que cette marche ait été composée par un étudiant communiste (Luu Hữu Phước), le choix se porta très vite sur elle, non seulement grâce à sa popularité mais également - et surtout - grâce à sa musique et à ses paroles qui reflétaient à la perfection l'âme du peuple vietnamien.

5 juin 1948 : les accords de la Baie d'Along ('Thỏa Ước Vịnh Hạ Long') furent signés sur le croiseur français Duquay-Trouin, d'une part, par le Haut Commissaire Emile Bollaert représentant le Président du Conseil français Robert Schuman, et d'autre part, par le Premier Ministre du Gouvernement Central Provisoire du Việt Nam Nguyễn Văn Xuân. Ces accords ont été contresignés par l'ex-Empereur Bảo Đại également présent sur le Duquay-Trouin.

(La concrétisation des accords de la Baie d'Along n'allait se faire que l'année suivante. En 1949, Bảo Đại devint à la fois Chef d'Etat et Premier Ministre. Mais la guerre entre le Việt Minh et la France se durcissait de plus en plus. Sous la IVème République, les gouvernements français avaient une durée de vie extrêmement limitée. La Troisième Force n'existait déjà plus. Et Nguyễn Văn Xuân - celui que le lobby colonial français considérait

comme un traître - disparaissait lui aussi de la scène politique. Les nouveaux gouvernants de l'Etat du Viêt-Nam (Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bửu Lộc) allaient tous se faire instrumentaliser par les colonialistes français. Dans le Sud, les troupes des Bouddhistes Hòa Hảo et celles du Cao Đài continuaient de se battre à la fois contre l'autorité française et contre le Viêt Minh. Après la défaite de l'armée française à Điện Biên Phủ et la perte tout aussi dramatique des Hauts Plateaux du Centre Viêt Nam (destruction du GM 100 à An Khê), ce fut la conférence de Genève... Pierre Mendès France - très critiqué par les Nationalistes vietnamiens - réussissait néanmoins à sauver les meubles.)

Le DRAPEAU NATIONAL de l'Etat (puis de la République) du Viêt Nam

Jusqu'à la fin du XIXème siècle, les seuls drapeaux officiels du Viêt Nam étaient ceux de l'empereur (utilisés seulement là où il était présent). En 1863, Phan Thanh Giản partait en France comme Ambassadeur Extraordinaire de l'Empereur Tự Đức auprès de Napoléon III. Lorsque 'l'Européen' - le bateau français qui le transportait - arriva en vue du port de Marseille, les autorités du port demandèrent aux diplomates vietnamiens de faire hisser leur pavillon national, afin qu'elles puissent tirer les 21 coups de canon du traditionnel salut aux couleurs. Le Viêt Nam n'ayant pas de drapeau national, Phan Thanh Giản a dû en fabriquer un en toute hâte à partir d'un grand morceau d'étoffe de couleur jaune sur lequel il écrivit lui-même deux caractères sino-vietnamiens (qui étaient probablement 'Đại Nam').

En 2008, les Vietnamiens de l'étranger fêtèrent le soixantième anniversaire du drapeau du 'Viêt Nam Libre' en se basant sur la date du 2 juin 1948 qui était celle du choix du drapeau jaune à trois bandes rouges devenu ensuite l'emblème du futur Etat indépendant du Viêt Nam.

Or peu de temps après la célébration de ce soixantième anniversaire, un ingénieur vietnamien du nom de Nguyễn Đình Sài, se basant sur les travaux d'un jeune chercheur américain (Ben Cahoon) prétendit que ce drapeau jaune à trois bandes rouges datait du règne de l'empereur Thành Thái (né en 1879 et qui régnait de 1889 à 1907). D'après Ben Cahoon, ce premier drapeau national du Viêt Nam a été conçu par les mandarins de la cour impériale de Thành Thái - probablement vers 1890 - et utilisé comme emblème national jusqu'à la fin du règne de l'empereur Duy Tân (né en 1899 et qui régnait de 1907 à 1916). Après l'exil des empereurs Thành Thái et Duy Tân à l'île de la Réunion en 1916, ce drapeau jaune à trois bandes rouges était utilisé comme emblème national pendant quatre ans encore sous le règne de l'empereur Khải Định, c'est-à-dire jusqu'en 1920, date à laquelle l'administration française décida d'écarter définitivement ce drapeau.

Signification du drapeau jaune à trois bandes rouges

Le fond jaune représente depuis des millénaires la nation vietnamienne. Géographiquement, le Viêt Nam comporte trois régions : le Nord, le Centre et le Sud. Chacune des bandes rouges représente une de ces régions. Le regroupement de ces 3 bandes rouges dans le tiers du milieu du drapeau signifie que le Viêt Nam est indivisible. Ces 3 bandes rouges sont identiques en dessin, en dimension et en couleur. Cette identité signifie que les 3 régions ont exactement les mêmes droits et les mêmes devoirs. En conclusion, le Viêt Nam est UN et INDIVISIBLE.

La signification du drapeau jaune aux 3 bandes rouges telle que nous venons de la donner correspondait bien à la mentalité des gouvernants vietnamiens de la fin du XIXème siècle. En effet, après 1883 et les différentes victoires militaires françaises en Indochine, la France a complètement et définitivement annexé le Sud Viêt Nam. Le Viêt Nam se voyait ainsi amputé du tiers le plus riche de son territoire, c'est-à-dire le Sud Viêt Nam (ou Cochinchine selon la terminologie française de l'époque). Le Sud Viêt Nam devenait ainsi une colonie française, c'est-à-dire un territoire occupé et administré par la France, et qui dépendait entièrement de la France sur les plans politique, économique, culturel, etc... Il était donc normal que les mandarins de l'empereur Thành Thái refusassent cette situation. La création du drapeau jaune avec ses trois bandes rouges était une façon de réagir à cette mainmise de la France sur le Viêt Nam. C'était en fait un acte volontaire de résistance contre l'occupant français de la part des mandarins de la cour impériale de Thành Thái (Ngô Đình Khã, le père du président Ngô Đình Diệm était un de ces mandarins-là). En faisant du drapeau jaune à trois bandes rouges le premier drapeau national du Viêt Nam, l'empereur Thành Thái créa ainsi l'emblème le plus représentatif du pays. En 1907, Thành Thái fut destitué officiellement pour 'folie'. Son fils, Duy Tân, accéda au Trône à l'âge de 8 ans. Il n'avait que 17 ans en 1916 quand, pour actes anti-français, il fut destitué à son tour. Deux des mandarins de sa cour impériale furent exécutés. La même année, Thành Thái et Duy Tân (le père et le fils) furent exilés à l'île de la Réunion. Le drapeau jaune à 3 bandes rouges disparaissait sous le règne de Khải Định.

Mais comme le Phénix, il allait renaître de ses cendres en 1948 grâce aux accords de la Baie d'Along ('Thỏa Ước Vịnh Hạ Long') instaurant l'Etat (indépendant) du Viêt Nam.

Polémique autour de la date de naissance du 'Drapeau du Viêt Nam libre'

Depuis la publication du travail de Ben Cahoon et de celle de l'article de Nguyễn Đình Sài, nombre de voix se sont élevées pour contester leur conclusion. Beaucoup de Vietnamiens continuent de penser que le drapeau jaune

à trois bandes rouges n'a été créé qu'en 1948. Certains prétendent même en être les auteurs !

Il semble cependant que Ben Cahoon ait raison.

Dans le n° 77 du 'Journal de l'Association des Médecins du Vietnam', dans l'article consacré à l'Empereur Duy Tân, le Dr Didier FAGNEN écrivait à propos du Général de Gaulle et de l'empereur Duy Tân (c'est-à-dire le Prince Vinh San) :

'Il reçut le Prince Vinh San le 14 décembre 1945 et ils semblent être tombés d'accord sur l'essentiel. Le Prince écrit après l'entrevue : c'est fait, c'est décidé, le gouvernement français me replace sur le trône d'Annam. De Gaulle m'accompagnera quand je retournerai là bas, probablement dans les premiers jours de mars 1946. D'ici là, on va préparer l'opinion française et indochinoise ; demain, à Hue, à Hanoi, à Saïgon, deux drapeaux flotteront côte à côte : celui de la France, et celui du Vietnam avec ses trois barres symbolisant les trois Ky'.

Si le témoignage du Dr FAGNEN est exact (et il n'y a aucune raison pour qu'il ne le soit pas), l'empereur Duy Tân (naissance en 1899 ; règne de 1907 à 1916 ; décès : le 24 décembre 1945) confirmait ainsi qu'il connaissait bien le 'drapeau du Vietnam avec ses trois barres symbolisant les trois Ky'. Cela voudrait donc dire que le 'drapeau du Việt Nam Libre' existait déjà du temps du règne de Duy Tân (1907-1916).

Autre argument en faveur de la thèse selon laquelle le drapeau du Việt Nam Libre a été créé par les mandarins de la cour impériale de Thành Thái : En octobre 1955, lorsque Bảo Đại était destitué et qu'apparut la Première République du Việt Nam ('Đệ Nhất Cộng Hòa'), le Président Ngô Đình Diệm aurait pu changer le drapeau national. En effet, à cette époque, le drapeau jaune à trois bandes rouges était très décrié car, pour la population, il a été 'sali' par les exactions de Bảo Đại lui-même et par



Empire du Việt Nam
Avril à Août 1945



République Autonome
de Cochinchine (Cộng
Hòa Nam Kỳ Tự Trị)
1er Juin 1946 à 2 Juin
1948



Thành Thái & Duy Tân
(1890 - 1916)
Etat du Vietnam & Ré-
publique du Vietnam

au moins deux de ses Premiers Ministres Trần Văn Hữu et Nguyễn Văn Tâm qualifiés de 'French Puppets' par les Américains. Or le président Diệm ne l'a pas fait ! Peut-être tout simplement parce qu'il savait que ce drapeau avait été créé par les mandarins de la cour impériale de Thành Thái et que son père - Ngô Đình Khâ - était un de ceux-là !

Par ailleurs, si on regardait les drapeaux suivants des gouvernements vietnamiens non communistes des années 1945 à 1948, on constaterait qu'il y a une similitude étonnante entre les trois dessins (indépendamment des couleurs utilisées et de la signification qu'on pourrait donner à chaque drapeau). Tout se passe comme si les deux premiers drapeaux (celui de l'Empire du Việt Nam et celui de la République Autonome de Cochinchine) proviennent d'un même moule qui serait le troisième drapeau (celui de Thành Thái et du 'Việt Nam Libre'), plus simple et apparemment plus 'fini' dans sa conception.

L'HYMNE NATIONAL de l'Etat (puis de la République) du Việt Nam.

L'histoire de cet hymne est loin d'être banale.

En 1939, un trio d'élèves du Lycée Pétrus Ký de Sài Gòn - quelque peu 'communistes' - décide de réaliser quelque chose qui sorte de l'ordinaire : un chant révolutionnaire pour les étudiants. Bien entendu, ces trois-là (Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ & Huỳnh Văn Tiéng) sont contre la colonisation française et malgré leur jeune âge, commencent à lire sérieusement Marx et Engels.

Un seul des trois (Lưu Hữu Phước) est véritablement musicien. Ce sera donc lui qui fera la musique. Les deux autres écriront les paroles.

Lưu Hữu Phước est très influencé par la musique des marches militaires françaises (dont bien entendu, la Marseillaise). Son rêve a toujours été de faire au moins aussi bien que Rouget de Lisle ...

En 1939, la musique de son chant révolutionnaire est faite. Elle est quasiment identique à celle que nous connaissons maintenant. Mais, curieusement, ce chant révolutionnaire existe en deux versions.

Les paroles de la première version sont en français et sont dues au futur ambassadeur communiste Mai Văn Bộ. Elle s'intitule 'La Marche des Etudiants'. La seconde version est en vietnamien et les paroles sont écrites par Lưu Hữu Phước lui-même et par Huỳnh Văn Tiéng. Cette deuxième version va s'intituler 'Tiếng Gọi Sinh Viên' ('L'Appel aux Etudiants').

Nos trois lycéens devenus bacheliers intègrent les universités de Hà Nội (à cette époque, les universités où on n'enseigne qu'en français - n'existent que dans la capitale du Nord Việt-Nam). Ils y créent ... le premier 'Tổng Hội Sinh Viên' ('Association Générale des Etudiants') de toute l'histoire du Việt Nam. (Pour être exact, il existait déjà une 'Association Générale des Etudiants Indo-

chinois' créée à Paris ... en 1930).

Leur chant révolutionnaire dans ses deux versions française et vietnamienne grâce à une musique agréable et reflétant bien l'âme du peuple vietnamien connaît un immense succès dans les milieux lycéen et étudiant vietnamiens. Par un effet de boomerang peu explicable, ce chant révolutionnaire revient au Sud Việt Nam et commence à toucher bien d'autres couches de la population que les lycéens et les étudiants. Mais, surtout, il sort complètement de son cadre originel communiste.

En 1945, alors que le Việt-Minh impose dans le Nord ce qui deviendra l'hymne de la République Démocratique (communiste) du Việt Nam, dans le Sud, le chant de Lưu Hữu Phước jugé 'trop occidental' et 'pas assez soviétique' par les communistes - deviendra l'hymne de la résistance contre les Français (qui, rappelons-le, est majoritairement non communiste). Il est chanté, bien sûr, par les 'Thanh Niên Tiên Phong' ('Jeunesse d'Avant-Garde') mais également par tous ceux qui s'opposent de près ou de loin au retour des colonialistes français en Indochine

Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa
(Hymne National de la République du Việt Nam) 1956-1975
(Hymne des 'Vietnamiens Libres' depuis 1975)

*Này Công Dân ơi! Quốc gia đến ngày giải phóng.
Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống.
Vi tương lai Quốc Dân, cùng xông pha khó khăn,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dù cho thầy phôi trên gươm giáo,
Thù nước, lấy máu đào đem báo.
Nòi giống lúc biển phải cần giải nguy,
Người Công Dân luôn vững bền tâm trí.
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời!
Công Dân ơi! Mau hiến thân dưới cờ!
Công Dân ơi! Mau làm cho cõi bờ
Thoát cơn tàn phá, về vang nòi giống
Xứng danh nghìn năm giòng giống
Hồng!*

La Marche des Etudiants
(Paroles en français de Mai Văn Bộ)
1939

*Étudiants! Du sol l'appel tenace
Pressant et fort, retentit dans l'espace.
Des côtes d'Annam aux ruines d'Angkor,
à travers les monts, du sud jusqu'au nord,
Une voix monte ravie:
Servir la chère Patrie!
Toujours sans reproche et sans peur
Pour rendre l'avenir meilleur.
La joie, la ferveur, la jeunesse
Sont pleines de fermes promesses.*

*Te servir, chère Indochine,
Avec cyur et discipline,
C'est notre but, c'est notre loi
Et rien n'ébranle notre foi!*

et qui militent pour l'indépendance du Việt Nam.

Le titre de la chanson va légèrement changer et deviendra 'Tiếng Gọi Thanh Niên' ('L'Appel aux Jeunes') puis 'Thanh Niên Hành Khúc' ('La Marche des Jeunes'). Et pendant dix ans, tous les Vietnamiens non communistes chanteront 'Này Thanh Niên Oi, Đứng Lên Đáp Lời Sông Núi ! ...' ('Debout les jeunes ! Et répondez à l'appel de nos rivières et de nos montagnes !').

Ce 2 juin 1948 au Palais Gia-Long, il est donc tout à fait normal que le général Nguyễn Văn Xuân, son ministre de l'information Trần Văn Ân et la quarantaine de personnalités de la vie politique vietnamienne de l'époque (dont de nombreux anciens militants de l'organisation 'Thanh Niên Tiên Phong' ou 'Jeunesse d'Avant-Garde' avec à leur tête le journaliste Nguyễn Kiến Giang) votent pour le choix du chant de Lưu Hữu Phước comme hymne national du futur Etat indépendant du Việt Nam.

Après la destitution de Bảo Đại en octobre 1955 (et l'avènement de la Première République du Việt Nam), le Président Ngô Đình Diệm fera changer quelque peu les paroles de l'hymne. En particulier, les mots 'Thanh Niên' ('Jeunes') deviendront 'Công Dân' ('Citoyens')...

Vous trouverez ci-après trois versions de cet hymne (dont la version d'origine en français intitulée 'La Marche des Etudiants' qui s'adresse curieusement aux étudiants de toute l'Indochine et non pas aux seuls Vietnamiens).

On remarquera que si les paroles de 'La Marseillaise' sont assez belliqueuses celles des différentes versions de cet hymne sont relativement 'soft'.

Notons qu'il existe une version 'ahurissante' de cet hymne à la gloire de ... l'Empereur Bảo Đại.

Devant le succès de cet hymne, les communistes vietnamiens tentent de le récupérer. On peut donc aujourd'hui écouter sur Internet une version 'très communiste' aux paroles plus que guerrières, avec une orchestration et une interprétation 'à la manière typiquement soviétique' !

Quốc Thiệu Quốc Gia Việt Nam
(Hymne National de l'Etat du Việt Nam)
1948-1956
Thanh Niên Hành Khúc

*Này thanh niên ơi! Đứng lên đáp lời sông núi.
Đồng lòng cùng đi đi mở đường khai lối.
Vi non sông nước xưa truyền muôn năm chó quên.
Nào anh em Bắc Nam cùng nhau ta kết đoàn.
Hồn thanh xuân như gương trong sang.
Đừng tiếc máu nóng tài xin ráng.
Thời khó thế khó khó làm yếu ta.
Đầu muôn chồng gai vừng lòng chi sá.
Đường mới kiếp phông mắt nhìn xa bốn phương.
Tung cánh hồn thiếu niên ai đó can trường.*

*Thanh niên ơi! Ta quyết đi đến cùng.
Thanh niên ơi! Ta nguyện đem hết lòng.
Tiến lên, đồng tiến, về vang đời sống.
Chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng*

Đom Đóm Lung Linh

Rạng Đông

*‘Mây hồi đang trôi về phương nao
Mang tôi theo với được không nào
Cho tôi trôi dạt về quê cũ
Tìm lại thôn xưa lấm nhện ngào’
(Đặng Châu)*

Nhìn bức ảnh con rạch với đám dừa nước trái oạt đầy buồng, xa xa có cây cầu đúc bắc ngang cạnh vườn xoài trái nặng trĩu cành, tấm hình của đứa em vừa gửi sang được chụp nơi quê Ngoại mình. Giọt nước mắt lăn dài lúc nào không hay. Cái hình bóng quê hương yêu dấu chợt hiện rõ trước mắt như mới hôm nào mình còn thơ dại. Cái Núa thân thương ơi ! Nơi mà ngày xưa khi mình còn là một cô bé lọ lem được sinh trưởng trong ngôi làng còn có tên là Sơn Hoà thuộc quận Hàm Long. Cuốn phim dĩ vãng êm đềm chậm chậm quay vềMột khung trời kỷ niệm của tuổi ngây ngô yên bình an lạc.

Dòng nước đầy ấp phù sa ung dung lớn ròng chuyên chở những đám lục bình tím tím rong chơi từ sông cái Hàm Luông lững lờ trôi vào những con rạch nhỏ trong làng, nhờ những mương rạch này mà việc giao thông trong vùng rất ư thuận tiện. Vườn cây được vun bồi bởi lớp phù sa màu mỡ mà thiên nhiên đã ban tặng nên cảnh trái quanh năm xum xuê mơn mớn. Con rạch huyền diệu này đã cho mình rất nhiều niềm nhớ !

Ngày xưa, bọn con nít chúng mình còn ở bậc tiểu học, khi vừa học xong vắn ngược vắn xuôi và được Thầy cô khen là biết tập viết bài hơi có vắn có điệu. Bèn xúm nhau làm ra vẻ ta đây hay chữ. Hầu như, cứ mỗi lần sắp đến kỳ thi, tụi mình cùng trịnh trọng viết những điều cầu nguyện vào mảnh giấy nhỏ, xong vo tròn nhét cẩn thận vào chai penicilline, đập nắp kỹ lưỡng rồi cột thật chặt vào nhánh lục bình. Bởi nghe người lớn kể, ở ngoài sông cái các vị thần linh đêm đêm thường về để nhận những điều mơ ước của dân làng. Ai mà ăn hiền ở lành thì điều cầu xin sẽ ứng nghiệm. Nước ròng mang lục bình ra sông rộng. Đến khi nước lớn cả bọn trẻ cùng ngồi hai bên mé rạch để chờ vớt đám lục bình vừa thả hôm qua, đứa tìm được, đứa thì không, cho nên có đứa cười đứa khóc

Bóng mát của những cây bần to mọc ve ra sông thường làm bến ụ neo ghe, đây là điểm tụ thích nhút của bọn trẻ

mỗi lần rủ nhau đi tắm sông. Hì hục trèo lên những nhánh bần rồi nhảy ùm xuống nước, các cột nước vô tình văng tung toé làm các bà, các chị đang giặt đồ nơi cây cầu dừa gần bên ướt nhem, thau quần áo bị sóng nước đẩy ra xa, các chị lo sợ đồ đạc bị nước cuốn trôi mất vội la inh ỏi, bọn trẻ có đứa hoảng hốt lội thật nhanh và núp sau cụm ô rô, bụi mái dầm mọc đầy đặc xanh muốt gần khúc bờ bị lở. Bọn trẻ chen chúc ngụp lặn mà trốn để tránh các gương mặt giận dữ và tiếng nheo nhéo chửi rủa của những ờ nạn nhân ờ.... Có đứa rần mắt che miệng cười khúc khích vì khi nghe tiếng rủa càng to thì lại càng khoái chí !

Thiệt là khổ nỗi cho những mái nhà lá đơn sơ mọc mọc dọc theo hai bên bờ rạch không thể nào được yên vào những giờ nước lớn ! Những cây mía và trái chín vàng mọng trong vườn gần đó gọi thềm lũ trẻ sau một hồi lặn hụp đã cảm thấy bụng đói cồn cào, cho nên đứa thì canh, đứa lại len lén leo trèo hái trộm. Túm trong mấy cái áo thun của bọn con trai : nào xoài, nào ổi, nào mận, nào camBọn trẻ vui đùa vô tư chia chát và không biết vì sao mà trái hái trộm khi ăn lại ngon hơn những món hàng mua !

Đặc biệt phải kể đến cái màn chuẩn bị lấy mo cau bó dít. Sau khi mình mấy đóng đầy rong rêu, môi lạnh tím ngắt mới chịu réo nhau lên bờ. Chia tay nhé hẹn ngày mai ! Lon ton vừa về đến nhà, thì hỏi ời ! Cây roi mây to tướng đã sẵn sàng chờ hấn ! Ở trong làng đứa nào con ai cháu ai, ai mà không biết, nên người lớn nhức đầu lắm với bọn ờ tiểu yêu ờ này. Chủ vườn bị hái trộm đi đến nhà từng đứa máng vốn là chuyện thường xảy ra như cơm bữa ! Khi bị đòn miệng tía lia van xin hứa hẹn, để rồi ngày mai quên hết và bõn cũ soạn lại y chang.

Vào những ngày nước kém, lúc mà nước bắt đầu ròng quá nửa, trong xóm rộn rã tiếng nói cười của các chị, các cô, kể rõ người rá cùng rủ nhau xuống rạch xúc tôm mò cá, nước bị quậy nổi sinh, mấy con tép bạc nổi lên ngoe nguẩy khoe râu, tha hồ mà vớt. Đến mùa hến, tiếng sàng sảy rào rào cả khúc sông cộng thêm những câu chuyện tiểu lâm hấp dẫn nên ai nấy đều háng hái nhanh tay xúc đầy cả rổ. Đây là dịp bọn trẻ con tha hồ đùa giỡn tắm sinh, lội bì bõm giành giệt nhau từng con tép, cá lòng tong, mặt mày quần áo lem luốt xám xịt mà vui khôn tả. Ở

dưới sông không ai nhường ai, nhưng khi lên bờ số cá tép bắt được đều được tự động đem gom lại để làm món ăn chung, bữa cơm nhà chòi thiết không có cao lương mỹ vị nào ngon bằng !

Vào những đêm trăng soi vàng vạc, ánh ngà bằng bạc tỏa khắp thôn, vệt sáng mơ màng xuyên qua kẽ lá những tàu dừa, những tàu lá chuối thư thối đong đưa theo gió, cảnh tre ẻo lá xào xạc lá reo. Tất cả tạo nên một bức tranh thật linh động. Thêm vào đó mùi hương thoang thoảng của bông bưởi, bông cau nhẹ ru hồn thật dễ chịu làm sao ! Loanh quanh khắp khu vườn, những bóng đời chập chờn lượn bay làm tăng thêm vẻ huyền ảo của miền quê êm đềm tĩnh mịch. Nhất là vào những đêm gần cuối tháng, trời tối đen như mực, trên những tàng cây lập loè đom đóm, vệt sáng chớp tắt ẩn hiện lung linh như pháo hoa trong ngày hội. Tiếng vạc sành rề rề ngân dài hoà điệu hát vang cùng đám ếch nhái trong đêm tạo thành một bản nhạc đồng quê bất tận

Đời sống ở thôn quê thật hiền hoà mộc mạc, không bận lăm bon chen, nên dù vất vả về thể xác những tâm hồn họ tương đối được thanh thản yên bình và điều quý nhất là họ cùng chia sẻ thật tình những buồn vui cùng những bữa cơm đạm bạc.

*‘Quê tôi nắng đẹp thanh bình
Đông luôn xanh ngát thắm tình thôn lân’*

Nhắc vài hình ảnh đơn sơ để nhớ để thương về một góc trời xa thẳm. Biết đến bao giờ mình mới tìm lại được khung cảnh ngày xưa ! Cuộc sống tuy chơn chất nhưng thật đậm đà thân thiết. Càng xa quê mình càng cảm nhận được hình như là tất cả những tình tự dân tộc được gói ghém ở nơi mình chôn nhau cắt rún. Văng vẳng trong tôi niềm tiếc nuối, ngậm ngùi, lòng luôn bồi hồi ray rức trong kiếp sống tạm bợ tha hương.

*‘Trời mênh mông, ruộng vườn xanh thắm thắm
Cửu Long giang sóng nước cuộn xuân phong
Gió trăng xuân hương ngát tận cõi lòng
Ôi quê cũ đã trở thành quá vãng ‘
(Hồ Trọng Khôi)*

Những tiếng vọng như từ lòng đất mẹ. Ôi tiếng gọi thiêng liêng sâu lắng thôi thúc nhắc nhở mình dù ở trong hoàn cảnh nào cũng nên nhớ về nguồn cội. Tình hoài hương như những đom đóm sáng lấp lánh trong tôi, nhắc nhở mình luôn giữ vững niềm tin một ngày mai huy hoàng của quê hương Việt Nam chứa chan nhiều thanh sử oai hùng

*‘Mây hiền tóc mộng vẽ tranh
Còn đây một chút trời xanh tuyệt vời
Anh thư nét đất tính trời
Minh minh sen trắng tuyệt vời quê hương’
(Luân Tâm)*



Nguyện Xin Một Lòng

*Tết tha hương Tết tha hương !
Trông vời cố quận dặm đường cách ngăn
Kể từ đất lạ lạc chân,
Lòng quê còn nặng, phong trần chưa phai.
Xuân sao Xuân vẫn u hoài,
Quê người, Xuân cũng lạc loài dặm xa ?
Đường dài, khách đã bốn ba
Nỗi mình đã vậy, nỗi nhà sao đây ?
Gặp nhau muôn chén vui đầy,
Mặn nồng tâm sự, nỗi tay hẹn hò.
Chẳng thân cũng một chuyến đò,
Chẳng cùng một họ cũng là an hem.
Đồng tâm, đồng hội, đồng thuyền,
Chung vui đón Tết, cai phiên tạm quên.*

*Hương về phần mộ tổ tiên
Tâm thành đốt một nén hương dâng người.
Cầu xin đất nước yên vui,
Lá xanh lại thắm, hoa tươi lại hồng.
Cầu xin thuận gió êm song,
Bình minh ló rạng, vùng Đông sang lò.
Hương Xuân tô điểm muôn nhà,
Mùa thương đã hết, mùa hoa lại về.
Cầu xin nối lại đường quê,
Lời nguyện vẫn nhớ, câu thề chưa quên.
Việt Nam còn mãi nhắc tên,
Đàn con một mẹ, nguyện xin một lòng.*

Thanh Nguyên

Tôi Là Ai ?

Nam Dao

Anh là ai ? Tôi là ai ?, một câu hỏi nghe tưởng chừng rất tầm thường. Nhưng nghĩ cho cùng nó lại chính là thước đo đời sống tâm linh của người đặt câu hỏi lẫn trình độ văn hóa và sự tiến bộ của một quốc gia về khía cạnh vật chất lẫn tinh thần. Ở các nước văn minh tiến bộ, khi con người không còn phải bận tâm vật lộn với miếng ăn sự sống qua ngày và có đời sống vật chất lẫn tinh thần thoải mái, thì nhu cầu tâm linh đi tìm bản thể sâu thẳm “Tôi là ai ?” tương đối nhiều hơn so với người dân sống ở các quốc gia nghèo đói. Họ đi tìm sự bình an trong tâm hồn, sau khi đã chứng nghiệm rằng sự thành công ở đời và một đời sống đạo đức mầu mực vẫn chưa đủ đem lại tâm an lạc cho bản thân. Cho nên chúng ta cũng không ngạc nhiên gì cho lắm khi thấy người Âu tây thời nay có khuynh hướng tìm hiểu rất nhiều về đạo, so với người Á châu còn đang loay hoay với nhu cầu giải quyết vấn đề “có thực mới vực được đạo”. Bài viết “Anh là ai ?” của tác giả Ông Lái Đò đã để lại trong tôi nhiều cảm nghĩ xót xa về quê hương dân tộc. Chỉ vồn vồn có 934 chữ ngắn ngủi thôi, người viết đã ghi lại khá đầy đủ về tình trạng thê lương của con đò Việt Nam đang ngày càng lao xuống vực thẳm không lối thoát. Là con dân nước Việt chúng ta có cảm thấy tủi hổ không khi mà câu trả lời cho câu hỏi “Tôi là ai ?” của dân ta thật là nhục nhã : “Tôi là người mà anh nhìn thấy bị bán làm nô lệ tình dục tù trong và ngoài nước”. Thời kỳ đồ đá man rợ người khai thác người như những món hàng nô lệ đã bị xóa sổ khỏi lương tâm loài người thế mà sao vì ai mà dân tôi thời nay không được vươn lên mà lại phải thoái hóa trở về sống lại thời đồ đá làm nô lệ cho ngoại bang vui đập ?! Là con dân nước Việt chúng ta có

phần uất không trước câu trả lời của người dân : “Tôi là người bị anh hút máu moi xương” để rồi phải chạnh lòng khi đi giữa những phố phường ăn chơi hào nhoáng, lòng ta chỉ còn cảm nhận được những tiếng nấc nghẹn ngào của những “thây ma lang thang trên hè phố”. Khi tự do ngôn luận đã trở thành tự nhiên như hơi thở của loài người trên thế gian này, chúng ta có đau lòng không khi câu trả lời cho câu hỏi “Tôi là ai ?” của dân ta tù hơn nửa thế kỷ qua vẫn chỉ là “Tôi là người mà anh nhìn thấy trong các trại giam vì đã dám đứng lên đòi quyền sống” ? Và còn gì phù phàng hơn cho thân phận người dân Việt ngày hôm nay phải sống trong tâm trạng “Tôi là người Việt Nam vong quốc” ngay chính trên quê hương mình. Ngẫm thân phận “Tôi là ai ?” chua xót bao nhiêu thì khi thấy bản chất của “Anh là ai ?” lại càng khiến cho chúng ta uất hận tủi cho vận nước bấy nhiêu. Khi mà đất nước được đặt dưới sự lãnh đạo của những con người không còn nhân tính thì chuyện Đảng CSVN đưa cả dân tộc từ người xuống vượn, cũng như đã phá hủy toàn bộ gia tài văn hóa và những giá trị đạo đức của tổ tiên để lại tất không tránh khỏi.

“Anh là ai ? Tôi là ai ?” mà Ông Lái Đò nêu ra trong bài viết “Anh là ai ?” không phải là những trần trở nội tâm của một dân tộc muốn vươn lên trong đời sống tâm linh khát khao đi tìm cội nguồn sâu thẳm của sự sống vĩnh cửu. Mà đó là những tiếng thét rút ruột rút gan của một dân tộc đang bị những kẻ lãnh đạo vô nhân tính trần lệt đến tận cùng xương tủy. Con đò VN chỉ sẽ rề sang hướng tốt khi nào người dân trong nước quyết tâm đứng lên đòi lại quyền được sống như một con người mà thôi.

Anh Là Ai ?

Ông Lái Đò

Tôi và anh được sinh ra chung cùng một Mẹ Việt Nam và lớn lên trên cùng một mảnh đất quê hương. Mảnh đất mà Cha Ông chúng ta đã dày công tạo dựng và giữ gìn từng tấc đất từ mũi Cà Mau tới ải Nam Quan từ hơn 4000 năm trước. Chúng ta nói chung cùng một thứ tiếng và trưởng thành chung cùng một nền văn hóa, một phong tục tập quán của dân tộc những đã bắt đầu từ khi nào mà tôi và anh trở thành hai người hoàn toàn xa lạ tuy rằng chúng ta vẫn là người Việt Nam, vẫn còn sống chung nơi chôn nhau cắt rốn của mình ? Vì sao anh lại ra nông nổi như vậy ? Vì sao anh lại hoàn toàn đối khác như vậy ? Anh giờ đây đang mang trong người một dòng máu của chủ nghĩa vô thần Cộng sản và vì vậy mà nhân tính của anh cũng thay đổi. Anh đã dâng hiến đất đai, biển cả và tài sản của dân tộc cho Trung cộng để trả cái nợ viện trợ trong cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam của anh. Nhưng thật ra, anh giải phóng tôi hay tôi giải phóng anh ?

Anh là ai, mà sao anh lại bán đứng cả Tổ tiên Ông Bà ? Anh là ai, mà sao anh lại tàn nhẫn với người một nhà như vậy ? Anh đã cướp tất cả miếng cơm manh áo của tôi, anh đã cướp tất cả cái quyền thấp nhất của một con người của

tôi, anh đã cưỡng ép tôi phải bỏ xa mồ mả Ông Bà để làm kẻ lưu vong nơi đất khách quê người, anh đã cưỡng ép tôi trở thành những công cụ kiếm tiền cho những Quốc gia lân cận, anh đã cưỡng ép tôi trở thành những công cụ để thỏa mãn nhục dục nơi những Quốc gia khác trong khi tôi chưa tròn 10 tuổi, anh đã cưỡng ép tôi để tôi phải lê lết trên khắp hang cùng ngõ hẻm để xin ăn nuôi sống.

Anh là ai ? Anh có còn là con người Việt Nam giống như tôi không ? Tim của anh có còn bằng thịt giống như tôi không ? Trí óc, lương tâm của anh có còn một chút nào nhân tính không ? Anh là ai vậy, thưa anh ?

Tôi thấy anh khác xưa nhiều quá đến nỗi tôi không còn nhận ra anh là ai ? Tôi còn nhớ cái thời chúng ta còn cầm gươm cầm giáo đánh đuổi giặc Tàu xâm chiếm nước ta, tôi còn nhớ cái thời chúng ta hợp sức đánh đuổi giặc Tây để bảo vệ nước nhà, mang lại đời sống ấm no cho toàn dân Việt và tôi cũng còn nhớ sau hiệp định phân chia đất nước thành Nam Bắc thì cũng từ lúc đó tôi đã không còn nhận ra anh nữa, phải không anh ?

Không phải, tôi đã nhận ra anh. Anh là người bán nước bán nhà cho ngoại bang, anh là người cướp đất của dân oan để thủ lợi riêng cho mình, anh là người hà hiếp dân lành, anh là người đàn áp Tôn giáo, anh là người đội lốt tu hành để phá đạo, anh là người bịt mắt bịt miệng và bịt tai của những người vô tội, anh là người đã hòa nhập vào cộng đồng người Việt tị nạn tại Hải ngoại để chia rẽ để gây hận thù, anh là người đội lốt thành các Linh mục, các Sư tăng để gây rối đời sống tín ngưỡng của họ, anh là người đội lốt thành các nhà chính trị yêu nước yêu dân tộc để bắt bớ và kết tội họ, anh là người như thế nào nữa mà tôi không còn một ngôn từ nào khác để diễn tả về anh ? Còn tôi, tôi là ai ? Tôi là người mà anh nhìn thấy nơi các hầm cầu đồng rác, tôi là người mà anh nhìn thấy như một thây ma lang thang trên hè phố, tôi là người mà anh nhìn thấy khóc than vì mất cửa mất nhà, tôi là người thân tàn ma dại cụt chân cụt tay lê lết trên miếng gỗ củ mòn mà anh nhìn thấy, tôi là người mà anh nhìn thấy bị bán làm nô lệ tình dục tù trong và ngoài nước, tôi là người mà anh nhìn thấy trong các trại giam vì đã dám đứng lên đòi quyền sống, tôi là người bị anh hút máu moi xương, tôi là người mà anh nhìn thấy lênh đênh trên biển cả hoặc đường bộ để chạy trốn anh, tôi là người Việt Nam vong Quốc đó anh.

Tôi có quyền hận anh, tôi có quyền nguyên rủa anh bởi vì anh, vì anh tất cả những tôi không hận anh mà tôi chỉ tội nghiệp cho anh vì anh không phải là anh. Trên thực tế, tôi thua kém hơn anh nhiều lắm nhưng có một điều anh không bằng tôi đó là danh dự, là nhân tính của một con người.

Ba mươi lăm năm rồi anh nhỉ ! Một thời gian rất dài mà cứ ngỡ mới hôm qua. Tôi vẫn tiếp tục cuộc sống làm người của tôi, còn anh ? Khi nào anh mới trở lại làm người như xưa ?

Mở ảnh Vàng mai

*Mùa gieo buồn xa xót lá Thu bay
Bến Tre ời hồn tôi man mác mãi
Lòng canh cánh nên nhiều khi ái ngại
Đêm đen dài hệt hăng ánh ban mai*

*Tôi chân mây người gối đầu ngọn sóng
Tình nghiêng chao mây xám giữa phù du
Tạm rời xa mà ngỡ cách thiên thu
Không lạc lối sao hẹn hoài chưa gặp*

*Em Bến Trúc nghiêng nghiêng phơi suối tóc
Lối xưa từng in dấu bóng hình thương
Tình tú quá áo bay chiều tan học
Ôm vai mềm vạt nắng ấm quê hương*

*Nay lối mòn sông núi phủ mờ sương
Thềm chút nắng ngời nhớ hương quá khứ
Én xa quê miền man buồn lữ thứ
Đất thanh bình sao nước lạc muôn phương !*

*Mẹ bỗng con khóc thời thế nhiều nhường
Cha cay đắng lịm đau từng thớ thịt
Thuyền lênh đênh lốc xoay buồm gió ngược
Lòng không sồn, hun đúc giấc mơ chung*

*Đã bao năm trái sầu thi nhau rụng
Ưóc cánh điều tung gió tận chân mây
Mầm hy vọng hây hây tia lửa ngùn
Sẽ một ngày khơi sáng ánh vàng Mai*

Hoa Chanh





Tin nhà văn Nga Alexander Solzhenitsyn đã qua đời vào tháng tám năm 2008 đã gợi lại trong đầu tôi quãng thời gian tại Việt Nam cho thấy các tác phẩm của ông đã ảnh hưởng đến thế hệ chúng tôi như thế nào.

Sau khi các tác phẩm của Solzhenitsyn được xuất bản ở Tây phương năm 1973 thì tại miền Nam, các tác phẩm này đã được mau chóng dịch ra tiếng Việt với các tựa đề như Một Ngày Trong Đồi Ivan Denisovic, Tầng Đầu Địa Ngục, Quần Đảo Ngục Tù ... Và các tác phẩm này đi theo chúng tôi đến sau này khi phải sống dưới chế độ cộng sản.

Sau khi cộng sản chiếm miền Nam ngày 30-4-1975 thì tất cả các trí thức, sinh viên tại miền Nam đều phải đi học chính trị. Trong thời gian một năm đầu, từ 1975 cho đến 1976, các trường đại học tại miền Nam không giảng dạy gì cả mà tất cả sinh viên đều đi học chính trị mỗi ngày trong nhiều tháng liền. Tại Sài Gòn, mỗi ngày, sinh viên phải đi đến các rạp hát, ngồi nghe giảng về chính trị, được nghỉ giải lao cách quãng và nghỉ trưa rồi nghe giảng cho đến chiều. Sau mỗi loạt bài giảng, thì các sinh viên phải họp nhau thành từng tổ để thảo luận về đề tài đã được nghe giảng. Mục đích của thảo luận không phải là để bàn luận các điều được nghe giảng đúng hay sai để mỗi người tự quyết định là nên tin hay không tin mà để, theo như cán bộ hướng dẫn thảo luận nói, cuối buổi thảo luận mọi người đều nhất trí như nhau là các điều được giảng là đúng, là phải tin.

Tất nhiên là trong các bài giảng chính trị có những phần dạy cho người nghe là phải tin tưởng rằng chủ nghĩa cộng sản là đúng, và tin rằng một ngày kia, toàn thể nhân loại đều tiến đến xã hội cộng sản và sẽ rất hạnh phúc. Trong buổi thảo luận của tổ chúng tôi, có người đã đem chuyện mà những người tù trong chuyện Một Ngày Trong Đồi Ivan ra bàn cãi là có nên tin vào lãnh tụ và đảng cộng

sản hứa là một ngày nào đó sẽ tiến đến được thiên đường cộng sản hay không. Một người tù thì bảo việc người dân Nga tin tưởng vào đảng cộng sản Nga cũng giống như những người Do Thái tin tưởng vào nhà tiên tri Moise khi ông này dắt dân Do Thái rời thân phận nô lệ tại Ai Cập để đi đến vùng Đất Hứa. Trong lúc đi như thế thì có những người Do Thái không tin rằng Moise sẽ dẫn được dân Do Thái đến nơi mà ông đã hứa mà đã đi lạc đường nên đã phản đối Moise. Nhưng cuối cùng thì Moise cũng dắt dân Do Thái đến nơi mà ông đã hứa. Nghĩa là người tù ấy tin rằng cuối cùng thì đảng cộng sản Nga cũng dẫn dắt người dân đến nơi mà đảng đã hứa. Người tù kia thì phản đối bằng lập luận việc vượt qua sa mạc Sinai chỉ mất khoảng một tháng nhưng Moise và dân Do Thái phải đi hết mất chục năm, như vậy tức là Moise đã đi lạc đường, và những người phản đối Moise là có lý. Sự băn khoăn giữa hai người tù cũng là sự băn khoăn của nhiều người Nga và rất nhiều người tại các nước phải sống dưới chế độ cộng sản. Những sinh viên Việt Nam đem chuyện đó ra bàn cãi cũng là điều không thể tránh được.

Có điều việc bàn cãi đảng cộng sản có dẫn dắt được nhân loại đến xã hội cộng sản được hay không không phải là điều bàn cãi khi rảnh rỗi để thỏa mãn những tò mò về tư tưởng bởi vì dưới chế độ cộng sản, đảng cộng sản muốn người dân tin tưởng vào tương lai sáng lạn của chủ nghĩa cộng sản để bắt người dân phải hy sinh, phải sống kham khổ, kể cả việc phải hiến dâng tính mạng để phục vụ việc tiến đến xã hội cộng sản. Vì thế mà việc bàn khoăn bàn cãi xảy ra không dứt để xem cái tương lai mà đảng cộng sản hứa hẹn có đáng để sống kham khổ, có đáng để hy sinh tính mạng cho nó hay không. Tại Việt Nam lúc đó, tin tưởng là sẽ rời đây sẽ tiến đến tương lai xã hội cộng sản tươi sáng có nghĩa là chấp nhận ở nơi chật hẹp, dưới cả tiêu chuẩn tiện nghi thông thường, có nghĩa là chấp nhận ăn dưới mức calories mà cơ thể con người cần mỗi ngày để sống còn, có nghĩa là phải cầm súng ra chiến trường, lặn lội kham khổ, chấp nhận hy sinh tính

....Solzhenitsyn

Chân Phương

Và Thế Hệ Chúng Tôi

mạng. Đối với những trí thức tại miền Bắc, dù là chưa từng đọc Solzhenitsyn lúc đó, họ cũng bản khoăn rằng đảng cộng sản nói chủ nghĩa cộng sản là bánh mì và hoa hồng, nhưng nay chỉ có thấy hoa hồng (nghĩa là những lời tuyên truyền hoa mỹ) mà chẳng thấy bánh mì đâu. Thế thì cái tương lai sáng lạn của xã hội cộng sản có tiến đến được không? Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn kể chuyện ông làm bài hát Ra Công Trường, Ra Biên Giới sau một đêm thức ca hát với một nhóm nữ thanh niên xung phong. Về sau này ông được biết nhóm nữ thanh niên xung phong sau đêm đó đã ra biên giới chiến đấu và không một ai trở về. Đó là cái giá mà đảng cộng sản bắt con người phải trả nếu tin là rồi đây sẽ tiến đến xã hội cộng sản. Nhân vật Đặng Thùy Trâm, nữ bác sĩ trong bộ đội cộng sản đi vào miền Nam, tác giả của Nhật Ký Đặng Thùy Trâm, được phổ biến trong nước là một trong những người tin vào chủ nghĩa cộng sản và đã trả giá bằng sinh mạng của mình cho niềm tin đó. Đối với những người không tin rằng rồi đây sẽ tiến đến được tương lai tươi sáng như vậy thì họ thấy không có lý do gì phải sống kham khổ mà tương lai thì tối thui, không biết đến bao giờ có thể được trở về đời sống bình thường, thì họ vượt biên, hoặc không vượt biên được tìm mọi cách để tránh phải hy sinh vô ích, lợi dụng mọi cơ hội để mưu cầu lợi ích cho bản thân và gia đình. Mặc dù những tác phẩm của Solzhenitsyn đã được đọc tại miền Nam, cũng có những sinh viên tại miền Nam lúc đó tin tưởng là một ngày kia, Việt Nam sẽ tiến đến xã hội chủ nghĩa rất là sung sướng, vì theo họ, Liên Xô lúc đó đã tiến đến được thì Việt Nam cũng sẽ phải tiến đến được. Trong số đó, có người chấp nhận theo lệnh nhà nước đi đến các vùng rừng núi hoạt động, chấp nhận sống kham khổ, chấp nhận cả hy sinh tính mạng. Một số ngày nay, sau nhiều năm phục vụ chế độ đã được hưởng sự hậu đãi của chế độ và có đời sống tương đối khá giả, nhưng có điều giấc mơ của họ thời trẻ là đạt đến xã hội cộng sản thì không thành tựu. Có lẽ họ cũng biết là cũng nên chấp

nhận với đời sống thoải mái hiện tại mặc dù đảng cộng sản đã thất bại không đưa nhân loại tiến được xã hội cộng sản như đã hứa vì họ cũng chẳng có sự chọn lựa nào khác hơn.

Các chế độ cộng sản bắt người dân phải kham khổ hy sinh để đi đến một tương lai mà đảng cộng sản hứa hẹn rất là tươi sáng cũng giống như chuyến xe taxi mà tài xế bắt hành khách phải trả tiền trước, rồi mới chở đi. Vì thế mà các hành khách bản khoăn không ngót là liệu ông tài xế taxi có đưa đến nơi không, hay ông ta chở đến nơi nào đó rồi bỏ xuống, hay ông ta đang đi lạc đường. Nay thì mọi việc đã ngã ngũ rồi. Ông tài xế taxi đó chở hành khách đi loanh quanh, miệng nói huyền thuyên là sắp đến nơi rồi, cuối cùng thì ông ta quanh trở lại chỗ cũ thả hành khách xuống nơi khởi đầu rồi lờ đi, chẳng trả lại tiền cho hành khách. Sự việc thực tế lại càng phức tạp hơn là chuyện chuyến taxi là trong khi dụ dỗ quần chúng đi theo đảng cộng sản, thì đảng cộng sản không chỉ thuần đem xã hội cộng sản tươi sáng ra để dụ dỗ mà đảng cộng sản nhắm tâm lý của quần chúng xem quần chúng thích gì thì đem cái đó ra mà dụ, trong khi dấu mục đích cuối cùng của đảng cộng sản là tiến đến đến xã hội cộng sản. Thấy người dân bị mất độc lập thì đảng cộng sản đem chiêu bài Độc Lập Dân Tộc ra mà dụ. Thấy nông dân nghèo không có ruộng thì đảng cộng sản đem chiêu bài hứa hẹn khi theo cộng sản thì sau này ai cũng có được miếng ruộng riêng. Thấy công nhân làm lụng cực khổ thì cộng sản hứa hẹn đi theo cộng sản thì sau này công nhân sẽ thành chủ nhà máy... Vì thế mà dưới chế độ cộng sản có đủ loại người bị lừa vì các mục tiêu khác nhau. Rồi họ thấy đảng cộng sản không giữ được lời hứa mà cứ ngồi hoài không chịu xuống. Mối bản khoăn trong chuyện của Solzhenitsyn chỉ là một trong những mối bản khoăn của hàng triệu con người bị lừa trong các chế độ cộng sản.

HỘI HỌA VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ 20 ĐẾN ĐƯƠNG ĐẠI

Nguyễn Tài

Phần I: Sơ lược lịch sử Mỹ thuật Ý từ đầu thế kỷ 14 (1300) đến thế kỷ 17

Ngược dòng sử Tây-Phương, từ đầu thế kỷ thứ 14 (1300) nền mỹ thuật nước Ý-Đại-Lợi bắt đầu phát triển và thống trị vòm trời mỹ thuật Âu-Châu đến nhiều thế kỷ sau. Như ở thời Tiền Phục Hưng (Première Renaissance) và thời Phục Hưng (Renaissance), mỹ thuật Ý tiến sang các nước Pháp, Tây-Ban-Nha, Đức, Hòa-Lan và Anh. Cho đến đầu thế kỷ 15, nước Ý đã sinh sản nhiều tên tuổi nghệ sỹ lừng danh trong dòng lịch sử mỹ thuật thế giới. Nước Ý đạt đến đỉnh cao sáng tạo rồi dần chìm ở cuối thế kỷ thứ 17.

Tôi xin tạm dừng cái mốc lịch sử mỹ thuật đầu tiên của dòng lịch sử Tây-Phương ở đây. Phần kế tiếp tôi sẽ trình bày ở một chặng đường 400 năm sau: Mỹ thuật của Âu-Châu và Mỹ-Châu bước vào thế kỷ 20. Tôi cũng sẽ trình bày giai đoạn này một cách tổng quát để chúng ta có sự đối chiếu về thời gian và không gian trong chiều hướng phát triển mỹ thuật của thế giới nói chung hay của mỹ thuật Việt-Nam và Âu-Châu nói riêng.

Phần II: Tổng quát lịch sử mỹ thuật Âu-Châu và Mỹ-Châu từ đầu thế kỷ 20

Âu-Châu và Mỹ-Châu bước vào giai đoạn đầu thế kỷ 20 gồm có những quốc gia tiêu biểu, phát triển mạnh mẽ về mỹ thuật như Pháp, Đức, Na-Uy, Áo, Ý, Mê-Tây-Cơ, Anh, Mỹ với những trường phái Nabis (Linh Cảm), Chiếc Cầu (Die Brucke), Der Blaue Reiter, Biểu Hiện (Expressionnisme), Lập Thể (Cubisme), Xây Dựng (Constructivisme), Bauhaus, Tương Lai (Futurisme), Dada, Siêu Thực (Surréalisme), Trừu Tượng (Abstrait), Biểu Hiện-Trừu Tượng (Expressionnisme-Abstrait), OpArt, PopArt, v.v...

Mỹ thuật vào giai đoạn đầu của thế kỷ 20 đã biến chuyển cách khác thường. Người ta có thể nói rằng mỹ thuật đã chạy đua với tiến bộ khoa học. Những biến chuyển tận gốc rễ này đòi hỏi sự giải thích cấp bách về lý thuyết về nó, trừ một trường hợp ngoại lệ là ở thế kỷ 17, chú người ta không tìm thấy sự đối chiếu hay so sánh nào cụ thể so với lịch sử hội họa.

Những họa sỹ tài danh như Paul Klee, Wassily Kandins-

ki cũng như Kiến trúc sư Le Corbusier, và một số đồng họa sỹ đương thời khác, đã lập những lý thuyết về nền Mỹ Thuật Mới này.

Nền Mỹ Thuật của đầu thế kỷ 20, chúng ta có thể sắp đặt thành hai trường phái bao gồm nhiều Họa phái khác nhau: Biểu Hiện (Expressionnisme) và Trừu Tượng (Abstraction). Ở đây chúng ta cũng nên ghi chú có sự xúc tác của Trường phái Paris (École de Paris) trong nhiều trường phái khác ở đầu thế kỷ 20, và ảnh hưởng mạnh mẽ ở các quốc gia như Áo, Thụy-Sĩ, Bỉ, và Hòa-Lan; họ cũng phát triển nhanh chóng trước khi Mỹ-Châu nắm lấy vị trí ưu thắng trong nền Mỹ Thuật Hiện Đại.

Chúng ta có thể cho họa phái Biểu Hiện (Expressionnisme) bao gồm nhiều họa phái khác như Linh Cảm (Nabis), Dã Thú (Fauvisme), Biểu Tượng (Symbolisme), Đa Đa (Dadaisme), Siêu Thực (Surréalisme), cũng như Nghệ Thuật Bình Dân (Pop Art). Những họa phái này cũng thường xuất phát và đôi khi ảnh hưởng bởi những họa sỹ sáng tạo ngoài Trường phái Paris (École de Paris), nhất là những nhóm như Chiếc Cầu (Die Brucke) ở Dresde (Đức), Der Blaue Reiter ở Munich (Đức), Die Sezession ở Vienne (Áo).

Những họa sỹ thuộc Trường phái Biểu Hiện làm việc trong thế giới riêng tư của họ, những suy tư, ý tưởng sáng tạo theo những chủ đề rất cá biệt ở những tác phẩm của họ. Họ diễn bày sự căng thẳng, sự phóng túng, sự lo âu của chính đời sống của họ và cái xã hội tiến hóa đầy mâu thuẫn và bất an này.

Những sáng tạo phóng túng, táo bạo của Joan Miró, Marc Ernst, Marc Chagall, Paul Klee, Marcel Duchamp hay Dali Salvador xuất hiện như một ngõ ngách trước công chúng. Nhưng trên phương diện thẩm mỹ học, mỹ thuật ở đầu thế kỷ 20 thật đặc sắc, là một đóng góp to lớn cho nền Mỹ Thuật của Tây-Phương.

Họa phái Trừu Tượng (Art-Abstrait) phát sinh từ họa phái Tân Ấn Tượng (Néo-Impressionnisme). Người khai phá là Họa sỹ tài danh người Pháp Claude Cézanne, sùng

**HỘI HỌA
VIỆT NAM ...**

sống trong suốt hai thập niên của thế kỷ 20 (1908-1920). Pablo Picasso và Georges Braque, thay nên một họa phái mới, đó là họa phái Lập Thể (Cubisme).

Họa phái Lập Thể ra đời đã gây chấn động trong suốt 50 năm của thế kỷ 20. Lập Thể đưa vào nền mỹ thuật quan niệm sáng tạo một không gian hoàn toàn mới lạ. Ở đây những hình dạng được cấu tạo theo nhiều hình khối khác biệt và một sự xếp đặt bố cục ngoài khuôn thước để tạo nên một hình ảnh hoàn toàn mới và lạ, cho người xem sống sờ ngạc nhiên. Một họa sỹ trù tượng hơn ai hết vào thời kỳ này là người Hòa Lan tên Pieter Mondrian.

Op-Art (Optical Art hay Art Optique): Nghệ thuật điện ảnh với những chuyển động giả tạo, là hậu thân hiện đại hóa từ họa phái Trừu Tượng. Họa phái Trừu Tượng đã đạt đến mức độ gần như hoàn hảo, một vị trí riêng biệt và phong phú trong tiến trình lịch sử hội họa. Đây là một cuộc cách mạng sâu rộng trong lãnh vực mỹ thuật hiện đại. Dùng những vật liệu mới để tạo thành một thế giới hội họa (ngôn ngữ hội họa) và gây nhiều sự chú ý, ngạc nhiên trong giới phê bình văn nghệ và giới thưởng ngoạn. Ngôn ngữ hội họa mới lạ này đã ảnh hưởng sâu rộng trong mọi lãnh vực nghệ thuật như hội họa, điêu khắc và kiến trúc. Về cách sử dụng những vật liệu để tạo thành một ngôn ngữ mỹ thuật, trước hết, người ta tìm thấy một chân trời mới rộng mở trong sáng tạo. Từ những vật liệu tầm thường, phế thải, người ta có thể tạo thành một họa phẩm, một tác phẩm điêu khắc mới lạ... Những nghệ sỹ tài danh góp phần cho nền mỹ thuật phong phú là Giacommetti, Henri Mûre, Brancusi, Gabo, Trường Bauhaus ở Đức.

Trên đây là một giai đoạn biến chuyển quan trọng không những ở phương diện vật chất, mà còn trên phương diện ý thức thẩm mỹ học và cách nhìn mới có cùng một nhịp đập với xã hội kỹ nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại ở đầu thế kỷ 20.

Tôi vừa trình bày một giai đoạn lịch sử mỹ thuật Tây-Phương vô cùng quan trọng ở thế kỷ thứ 20 mà chưa đây hai trang giấy, thật là quá tổng quát. Nhưng muốn biết cận kề thì phải đam mê và bỏ cả đời nghiên cứu. Ở đây,

chúng ta chỉ phân thời gian và chia không gian để có sự đối chiếu mà thôi.

Riêng về nền Hội họa Việt-Nam trong giai đoạn đầu thế kỷ thứ 20, có lẽ chưa được phát triển gì đáng kể. Để có một ý niệm tổng quát, tôi xin sơ lược về lịch sử mỹ thuật Việt-Nam ở đầu thế kỷ này.

Phần III: Giới thiệu tổng quát lịch sử mỹ thuật Việt-Nam từ thời nhà Nguyễn 1802-1945

Năm 1802, Chúa Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà, lấy vương hiệu Gia Long, đặt tên nước là Việt-Nam, đóng đô tại Phú-Xuân (Huế). Suốt một thế kỷ rưỡi (1802-1945), thời nhà Nguyễn, Huế trở thành trung tâm phát triển nghệ thuật của Việt-Nam. Các nghệ sỹ thường sử dụng giấy và lụa để vẽ các loại tranh như sơn thủy, chân dung, tứ bình, truyện tích, tôn giáo, v.v.

Tranh sơn thủy học theo kỹ thuật tranh thủy mặc Trung-Hoa. Nội dung thường vẽ núi, biển, cây thông, liễu, ngư phủ, tiều phu gánh củi, v.v.

Tranh chân dung đời Nguyễn có một số vẫn còn giữ lối vẽ truyền thần cổ truyền của nước ta, vẽ người tả đủ từng ngón tay, ngón chân. Sau này, khi ảnh hưởng của người Pháp đã mạnh, các họa sỹ đã bỏ bớt những chi tiết này, và dần dần thấy xuất hiện các tranh chân dung bán thân.

Tranh tứ bình là một loại tranh phổ thông nhất ở xứ ta. Tranh được vẽ trên giấy lụa, theo khổ dài như câu đối, với bốn tấm cùng chủ đề. Thường thì vẽ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, tượng trưng bằng các loại cây cỏ, cầm thú điển hình của mùa đó: Xuân, với bụi trúc có măng mọc, với cảnh mai đây hoa nở, có chim én. Hạ, vẽ cây tùng, có hoa thược dược, nai đóm, trên không đôi chim vành khuyên đùa giỡn. Thu, hoa cúc, hoa mẫu đơn, với vài lá chuối có đôi chim chào mào đậu. Đông, cảnh đào, dưới có hoa hồng, trên cảnh đôi chim sáo.

Tranh truyện tích dựa vào những truyện phổ thông mà vẽ nên tranh. Dưới thời Nguyễn, truyện Kiều phổ biến rộng rãi, nên cũng được các họa sỹ theo đó mà sáng tác và điêu khắc.

Tranh tôn giáo, thường phục vụ trong các chùa hoặc đền thờ, và trong dân gian để thờ phượng.

Ngoài các loại tranh trên, còn có một loại tranh rất phổ thông: đó là tranh Tố Nữ. Tranh vẽ các thiếu nữ mặc áo dài, tóc quăn hay đội khăn, đứng hoặc ngồi gảy đàn, thổi sáo hay đang họa, bên cạnh thường có bình hoa.

Ngoài ra, trong lãnh vực mỹ thuật còn có các bộ môn khác như kiến trúc, điêu khắc, trang trí, đồ gốm, v.v. Nhưng, tôi chỉ xin giới thiệu trong lãnh vực hội họa mà thôi.

Phần IV: Trường Mỹ Thuật Đông-Dương Hà-Nội

Trong phần IV tôi trình bày thời kỳ Pháp Thuộc, đô hộ và du nhập văn hóa Tây-Phương vào đất nước chúng ta. Ảnh hưởng này bao trùm lên nhiều mặt Văn Hóa Dân Tộc. Về Hội Họa, mở ra một chân trời mới cho người nghệ sỹ Việt-Nam, có thể nói như cuộc cách mạng mỹ cảm trong sáng tạo.

Để hiểu rõ nền hội họa Việt-Nam hiện đại và dòng lịch sử, chúng ta phải nhìn sự đóng góp của Trường Mỹ Thuật Đông-Dương. Từ nền móng đó chúng ta xây dựng một nền mỹ thuật phong phú và đa dạng cho đến hôm nay.

Trường Mỹ Thuật Đông-Dương (École des Beaux-Arts de l'Indochine) được thành lập năm 1924 tại Hà-Nội, năm 1926 mở lớp đầu tiên, và năm 1931 đào tạo xong lớp sinh viên tốt nghiệp của khóa đầu.

Trường Mỹ Thuật Đông Dương như luồng gió mới thổi vào đời sống nội tâm của người nghệ sỹ Việt Nam thời đó. Khu vườn Dufeur ở Hà-Nội đã ghi lại dấu ấn hết sức sâu sắc của Tô Ngọc Vân, Lê Văn Đệ, Trần Văn Cẩn, Lương Xuân Nhị, Nguyễn Đỗ Cung, Sĩ Ngọc, Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Nguyễn Phan Chánh, Nguyễn Gia Trí, Lê Thị Lựu, và còn nhiều nữa.

Theo Thái Bá Vân: ‘Trường Mỹ Thuật Đông-Dương truyền thụ cái nhìn theo phép viễn cận đã được hoàn chỉnh từ thời Phục Hưng nước Ý...’ (...) Cách nhìn theo phép viễn cận này đã đưa Hội Họa Âu-Châu trong 4, 5 thế kỷ đạt ý nguyên miêu tả một cách tài tình, đẹp đẽ và hợp lý với vật thể trong không gian, 2 hoặc 3 chiều bằng tỉ lệ màu sắc đậm nhạt, sáng tối, và phép phối cảnh mà Âu-Châu đã phát triển từ thời cổ đại đến nửa đầu thế kỷ thứ 20.

Năm 1924, Victor Tardieu được giải thưởng mỹ thuật Đông-Dương, và ông viếng thăm Đông-Dương, rồi có dịp nghiên cứu các công trình nghệ thuật, lắng tắm, đèn đài, từ đó ông có nhận xét rằng Việt-Nam có một nền mỹ thuật cổ truyền phong phú, do khiếu thẩm mỹ của người Việt rất tinh tế, nếu được phối hợp chu đáo với kỹ thuật mới của Tây-Phương, chắc chắn mỹ thuật Việt-Nam sẽ tiến triển vượt bậc. Với nhận xét ấy, ông vận động để Trường Mỹ Thuật Đông-Dương được ra đời.

Victor Tardieu là người khai phóng nền mỹ thuật hiện đại Việt-Nam. Lê Văn Đệ, một sinh viên ưu tú của Victor Tardieu, đã làm rạng danh trường Mỹ Thuật Đông-Dương Hà-Nội. Sau này khi nhìn về quá khứ, ông có nhận xét: ‘Trường Mỹ Thuật Đông-Dương Hà-Nội ra đời đã mở một kỷ nguyên mới cho nền mỹ thuật Việt-Nam, vì nó đem lại cho các nghệ sỹ những phương pháp và kỹ thuật chuyên môn Tây-Phương về các ngành mỹ nghệ và mỹ thuật. Cá tính thuần túy của mỗi nghệ sỹ được hướng dẫn, khuyến khích, do đó được phát triển mạnh mẽ. Nhiều nhân tài được nâng đỡ để phát huy năng khiếu, các xu hướng nghệ thuật cũng được hướng dẫn và khuyến khích. Một số thanh niên có thiên tư về mỹ thuật đã được tuyển chọn để huấn luyện và áp dụng phương pháp mỹ thuật Tây-Phương vào nền mỹ thuật thuần túy cổ truyền Việt-Nam.’

Theo khí thế sinh hoạt hội họa mới, chuyển biến nhanh, những đường nét, màu sắc, đầy tính mềm mại, yếu điệu của tranh lụa dần dà bớt đi, để thay vào đó ánh sáng rực, tương phản và đường nét mạnh của tranh sơn dầu, nghệ thuật mang tính Âu-Châu.

Tóm lại, một phần tư thế kỷ, Trường Mỹ Thuật Đông-Dương đã đào tạo được một tầng lớp họa sỹ tiên phong cho nền Hội Họa Việt-Nam. Những họa sỹ này đã dẫn thân vào đường nghệ thuật mới với lòng say đắm cùng quan niệm thẩm mỹ của Tây-Phương.

Chúng ta có thể xem lại những tấm tranh đặc sắc của những danh họa thời ấy, những phong cảnh nâu đen, êm đềm và thơ mộng rất Việt tính ở tranh Nguyễn Phan Chánh (1892-1984) đã gây được dư luận Pháp tại Paris năm 1931. Những phong cảnh của Lương Xuân Nhị, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Đỗ Cung. Thiếu nữ lãng mạn xóa tóc gội đầu, trước bình phong cổ, bên bình hoa sen hay khóm huệ hoặc ngồi bên thảm cỏ xanh hay dưới tàng cây giữa khu vườn buổi trưa hè của Tô Ngọc Vân, Lê Phổ, Mai Trung Thứ. Chúng ta còn phải nhắc đến nhiều tên tuổi khác như Lê Văn Đệ, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu (1911-1988), Nguyễn Tường Lân, Trần Văn Cẩn, Hoàng Lập Ngôn, Nguyễn Khang, Nguyễn Tiến Chung, Tôn Thất Đào, Lê Yên, Nguyễn Ánh, Bùi Xuân Phái (1921-1988), Nguyễn Tư Nghiêm, và còn nhiều họa sỹ tên tuổi nữa. Những họa sỹ này đã đổi mới ngôn ngữ tạo hình, đã đảo lộn tất cả những lề lối cũ, tạo cuộc cách mạng hội họa toàn diện, để dẫn đến nền nghệ thuật hiện đại hôm nay.

Phần V: Trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia-Định và Huế

Vì chính trị, Trường Mỹ Thuật Đông-Dương Hà-Nội đóng cửa năm 1945. Tháng 10-1945, Hội Nghị Giáo Khoa Mỹ Thuật và Mỹ Nghệ họp tại Gia-Định tán thành kiến nghị của Hội Đồng Tối Cao Giáo Dục tại Hà-Nội trước đây, đề nghị thiết lập trường Cao Đẳng Mỹ Thuật tại Miền Nam. Ngày 31-12-1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ký nghị định việc thành lập Trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia-Định. Từ đó đến nay nhiều thế hệ

nghệ sỹ tài hoa đã xuất thân ở đây, đến hôm nay trường vẫn giữ một vai trò quan trọng trong việc rèn luyện nhân tài cho đất nước.

Ông Lê Văn Đệ, một họa sỹ tài năng đặc biệt, được nhiều tiếng tăm trong nước cũng như ở ngoài nước, nhất là những công trình mỹ thuật của ông tại Vatican khoảng 1936-1937, đã được chính phủ đề cử làm Giám Đốc đầu tiên, với trách nhiệm nghiên cứu một chương trình đào tạo nghệ sỹ theo tiêu chuẩn các trường mỹ thuật quốc tế.

Mục tiêu của trường là phải bảo tồn dân tộc tính và sắc thái mỹ thuật thuần túy Việt-Nam, nhất là phục hưng và phát triển nền mỹ thuật cổ truyền.

Luồng gió nghệ thuật mới

Sau năm 1954, Sài-Gòn trở thành trung tâm sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam, các văn nghệ sỹ thuộc mọi lãnh vực, đã gây một luồng gió mới trong sinh hoạt sáng tác và trưng bày những tác phẩm mới.

Nhiều phòng triển lãm được mở cửa do cá nhân hoặc do chính quyền tổ chức. Triển lãm Mùa Xuân Kỷ Hợi (1959) đánh dấu một bước tiến và mở đầu cho các cuộc triển lãm thường niên về sau, với 75 họa sỹ tham dự (300 tác phẩm). Triển lãm Mùa Xuân Canh Tý (1960) cũng nhộn nhịp như năm trước; nhưng đáng kể là cuộc triển lãm quốc tế năm 1962 mệnh danh ở Đệ Nhất Triển Lãm Quốc Tế Mỹ Thuật Sài-Gòn tổ chức tại Viên Đình Tao-Đàn từ ngày 26-10 đến 15-11-1962 với sự tham dự của họa sỹ nhiều quốc gia như Pháp, Đức, Hòa-Lan, Hoa-Kỳ, Thụy-Si, Mã-Lai, Trung-Hoa, Úc-Đại-Lợi, Nhật-Bản, Ma-Rốc, Thổ-Nhĩ-Kỳ, Phi-Luật-Tân, Tunisie, Đại-Hàn, Á-Cần-Đình, Hồng-Kông, Thái-Lan, và Ấn-Độ.

Nếu so với những cuộc triển lãm đồ sộ, tổ chức chu đáo của các Thành phố Venise (Ý), Sao Paolo (Ba-Tây), và Paris (Pháp), thì cuộc triển lãm đầu tiên của Sài-Gòn cố nhiên khiêm tốn nhiều hơn. Cuộc triển lãm này được xem như nơi hội ngộ của các họa sỹ ngoại quốc và Việt-Nam, trong tinh thần trao đổi tư tưởng và những kinh nghiệm về mỹ thuật.

Những trường phái lớn, ngôn ngữ mỹ thuật mới lạ như Lập Thể (Cubisme), Dã Thú (Fauvisme), Biểu Hiện (Expressionnisme), Siêu Thực (Surréalisme), Trừu Tượng (Art Abstrait), Tân Hiện Thực (Néo-Réalisme), với những danh họa như Gauguin, Matisse, Van Gogh, Picasso, Miró, Chagall, Mondrian, Modigliani, Dufy, Kandinski, Klee, Braque... là những bậc thầy, là tiếng gọi gây nhiều ảnh hưởng ở nghệ sỹ trẻ Việt-Nam.

Từ những giao tiếp mỹ thuật Tây-Phương, quan niệm truyền thống được thay thế bởi một cách nhìn mới để có thể thích ứng với ngôn ngữ hiện đại thế giới, và những âm hưởng sâu xa đó vẫn còn trong dáng vẻ hội họa Việt-Nam hôm nay.

Sao Mà Nhớ

*Ta hái cả một vườn hoa mới nở
Đem về cho bé ngắt băng quơ
Ta hái cả đời ta trác trở
Đem về cho bé véo vu vơ*

*Ta uống vội ly nước ngọt đường
Để kể chuyện tình khúc uyên ương
Ta viết ngàn lời nói yêu thương
Để nhớ anh, bé còn vấn vương*

*Tháng giêng hồng và tháng giêng xanh
Tặng bé ngàn mai nở trên cành
Tặng bé mùa Xuân vừa chín tới
Tặng thêm cho bé cả hồn anh*

*Nhớ ngày nào mắt bé trao vội
Giờ bé đi, lá vàng ngập lối
Nhớ khi nào bé đến chơi với
Nhớ quá sao mà nhớ bồi hồi*

Ánh Thủy



Nạn mãi dâm ở Việt Nam

Bùi Hoàng Yến

Bài viết về tệ nạn bán dâm bà làm điểm ở Việt Nam của tôi bị chỉ trích quá. (Thư Việt Nam, Nhân Bản xuân 2008).

Hai điểm được phê bình nhiều nhất là: vấn đề phụ nữ làm điểm phần nhiều vì nghèo, thất học, không có nghề nghiệp và việc các gia đình Việt Nam bán con làm điểm. Vội vàng lên mạng vì tính kiểm lại xem những điểm này mình nói có bậy bạ không mà bị chỉ trích thế. Bấm chữ : Prostitution in Viet Nam, tôi tìm ra hàng ngàn trang viết về vấn đề này.

Tệ nạn đi điểm tràn ngập ở Việt Nam là chuyện chỉ còn chính quyền Việt Nam phủ nhận. Trên các diễn đàn vi tính, dân du lịch coi Việt Nam là một địa điểm hàng đầu về du lịch sinh lý, ngang hàng với Thái Lan. Các cơ quan tử thiện phỏng đoán có khoảng 70.000 đến 300.000 điểm ở Việt Nam, không kể phục viên các phòng trà, bia ôm, vũ trường, phòng đấm bóp, điểm đàn ông và trẻ con làm điểm. Ngoài ra còn có các vụ hôn nhân trá hình đề xuất cảng phụ nữ Việt Nam đi làm điểm ở Cao miên, Taiwan, Âu Mỹ... mà thống kê không tính được.

Nguyên nhân của nạn đi điểm được nhiều chuyên gia nghiên cứu khẳng định đồng ý:

70% trường hợp vì nghèo

Trình độ văn hoá

Tay nghề

Môi trường sống

Gia đình

Tất cả chuyên gia đều đồng ý là sự nghèo đến mức thiếu những điều kiện sống tối thiểu là lý do quan trọng nhất để giải thích tệ nạn mãi dâm (1).

Nghèo là lý do được nêu ra thường nhất và đúng cho vấn đề mãi dâm của mọi xứ trên thế giới. Nước Nhật bại trận sau đệ nhị thế chiến, điểm nhan nhản. Có cả những người chồng Nhật chấp nhận cho vợ làm điểm nuôi gia đình. Ở Âu châu trong thời gian này cũng y hệt, nhất là ở Naples. Nhiều tài liệu và phim ảnh có phản ánh vấn đề này. Sau khi bức tường sắt cộng sản sụp đổ vì kinh tế quá suy kém, các cô Đông Âu làm điểm đầy đường ở Âu châu. Các ông già ế vợ Âu Mỹ ùn ùn đi tìm lấy vợ Nga, vợ Roumanie như Tàu, Đại Hàn lấy vợ Việt Nam. Trong các xứ nghèo, người đàn bà chịu thiệt thòi nhiều nhất. Càng nghèo, càng không có khả năng học nghề, không có vốn buôn bán, lại càng khó thoát cảnh nghèo đói dẫn đến việc bán thân nuôi miệng. Vì vậy, ông Yuhammad Yunus người Pa-

kistan đã được giải Nobel nhờ sáng tác ra Micro crédit (vay cực nhỏ). Ông khuyến khích phát triển hệ thống cho mượn những số tiền rất nhỏ cho những người không đủ điều kiện mượn tiền được ở các ngân hàng để giúp người nghèo có điều kiện làm việc và sinh sống. Liên hiệp Quốc tuyên bố năm 2005 là năm thế giới của micro crédit vì lợi ích thiết thật của chương trình này nơi người nghèo. Theo thống kê, phần lớn những người được chương trình này giúp đỡ là phụ nữ. Đây là cách rất hay để họ sinh sống nuôi con lương thiện. (wikipedia)

Tuy nhiên, nhiều chuyên gia nhận xét là không phải ai nghèo cũng đi làm điểm. Ở các xứ Âu Mỹ, phụ nữ làm điểm phần nhiều xuất thân từ các gia đình có nhiều vấn đề: rượu, bạo hành trong gia đình... Nạn nhân thường đã bị hiếp dâm lúc trẻ và không được người chung quanh giúp đỡ tinh thần lúc đó (theo vài nghiên cứu), 70% hung thủ là người trong gia đình hay người thân. Đối với các phụ nữ này, họ ít có tự trọng đối với bản thân và có ấn tượng xấu về vấn đề sinh lý. Việc bán thân đối với họ dễ được chấp nhận hơn nơi các phụ nữ khác, giống như các phụ nữ sống trong nhà có người cha nghiện rượu cũng dễ chấp nhận chịu đựng một ông chồng nghiện rượu và vũ phu hơn người đàn bà quen được yêu thương nuông chiều.

Bà Marie France Hirigoyen, bác sĩ tâm thần, chuyên khoa về nạn nhân học (victimologie) là người đầu tiên đề cập đến vấn đề khủng bố tinh thần ở Pháp. Quyển sách 'Le harcèlement moral' của bà bán ra đến hơn 450.000 quyển ngay lúc đầu đã bắt buộc chính phủ Pháp và công chúng nhìn nhận thực trạng vấn đề này trong xã hội Pháp. Từ đó một số đạo luật đã được đặt ra để bảo vệ nhân công trong các hãng xưởng chống áp đặt và khủng bố tinh thần của chủ nhân và đồng nghiệp ở Pháp quốc. Tại Mỹ, việc này đã rất phổ biến và bà Hirigoyen đã từng học chuyên khoa ở Mỹ về ngành này trước khi về Pháp. Trong quyển sách này, bà có đề cập đến vấn đề áp đặt tinh thần trong gia đình (le harcèlement moral en famille). Vấn đề đặt ra là sự khác biệt giữa dạy dỗ con cái và áp đặt con cái bất chúng phục vụ cho quyền lợi cá nhân của cha mẹ, đi ngược lại quyền lợi của trẻ em.

Xã hội Pháp cho đến 1960 vẫn là xã hội xây dựng quanh cột trụ gia đình là người đàn ông, giống như xã hội Việt Nam ngày nay. Các phim truyện phản ánh lại những cuộc tình dang dở vì cản trở gia đình, những cô gái lấy chồng vì gia đình ép buộc như trong xã hội Việt Nam ngày nay trong xứ (Phim Les parapluies de Cherbourg, các phim của Fernandel, Hervé Bazin...) Quyền lực cha mẹ trên

con cái chỉ giảm bớt tù hơn ba mươi năm nay. Vì vậy, khi nêu ra vấn đề này, bà đã làm chấn động dư luận và làm thay đổi thái độ chối bỏ, dấu giếm của người dân Pháp về việc bạo hành, bạo dâm trẻ trong gia đình. Những người làm việc trực tiếp với trẻ con, bác sĩ, y tá, giáo sư... nếu biết có vấn đề trẻ bị bạo hành mà không tố cáo với cá cơ quan hành chính có thể bị tù vì tội không cứu giúp người đang gặp nguy hiểm (non assistance aux personnes en danger)

Xã hội Việt Nam hiện nay cũng gần giống xã hội Pháp cách đây ba mươi năm nên các vấn đề này là chuyện không ai dám đề cập đến. Một cô ở Việt Nam yêu một anh nghèo. Một anh Việt kiều giàu sang nhưng cô không yêu thương đến xin hỏi cưới, kết cục cha mẹ cô sẽ đình đota ra sao? Nhất là khi nhà nghèo, cha cô ốm không tiền chữa chạy? Nếu cô là người ích kỷ chỉ nghĩ đến hạnh phúc lứa đôi, mặc kệ cha mẹ và anh em, liệu cô có còn được đón tiếp niềm nở mỗi lần về thăm nhà? Bạn bè, láng giềng cô sẽ miả mai ra sao? Trong trường hợp này, bao nhiêu cô gái đủ can đảm tiếp tục buồn thúng bán bưng, trong sạch nhưng không tiền chữa bệnh cho người thân, xây sửa nhà cao cửa rộng cho cha mẹ được sống thung dung, mát mẻ, mát mặt với làng xóm? Bao nhiêu người đàn bà đủ can đảm chấp nhận bị ruồng bỏ bởi gia đình, cha mẹ anh em, bạn bè để giữ trong sạch? Đây là trường hợp harcèlement moral, áp đảo tinh thần điển hình nhất và rất thông thường ở Việt Nam.



Nhiều chuyên gia đề cập đến ảnh hưởng quan trọng của truyện Kim Vân Kiều của Nguyễn Du trong đầu óc người dân Việt Nam về vấn đề đi làm điếm.

Cô Thúy Kiều bán thân làm vợ lẽ cho Mã Giám Sinh để cứu người cha bị tù tội. Đối với nhiều người Việt Nam, đây là một hành động cao thượng đáng ca tụng và khuyến khích. Một phụ nữ sống trong hoàn cảnh nghèo khổ, đã có ý đi làm điếm để cải thiện đời sống, nếu họ bị xã hội, gia đình dè bĩu, họ cũng ngần ngại hơn ít nhiều. Ngược lại, nếu đi làm điếm mà được ca tụng, khuyến khích vì làm giống cô Kiều; họ cũng bớt thấy ngần ngại và dễ dần thân vào. Một gia đình túng bấn, chỉ cần một người ham tiền vô liêm sỉ đề cập ra gương cô Kiều bán mình để em trai được đi học, em gái giữ danh giá lấy chồng quan, cha mẹ tiếp tục sống nơi nhà cao, cửa rộng, tự nhiên chuyện đem một cô con gái ra ‘gả chồng’ như vậy cũng bớt có vẻ bán con lấy tiền tội tệ. Nếu cha mẹ bắt chước gia đình Thúy Kiều bán đi một cô con gái mà ‘cứu’ được cả nhà như gia đình Kiều, để cha mẹ được ở lại nhà to, em gái lấy chồng quan danh giá, em trai học lên làm quan, đâu có gì đáng trách? Ít ai ở Việt Nam dám lên tiếng phê bình, chỉ trích cha mẹ, gia đình Thúy Kiều? Chỉ cần nạn nhân tự

cho mình nghĩa vụ đó. Chỉ cần mọi người chung quanh xúm vào nhieóc móc, áp đảo tinh thần nạn nhân để họ ‘tự động’ hy sinh cho những người khác trong gia đình như dân ngu Việt Nam ‘tự động’ nghe lời Đảng và nhà nước hy sinh đi nghĩa vụ quân sự vậy.

Theo VT news ngày 25/8/2008, bà Nguyễn Thị Đẹp ở An Giang đã bị truy tố ra tòa về tội bán con gái và cháu gái sang Cao Miên làm điếm. Tôi nghĩ nếu bà chỉ bán con gái, bà sẽ không bị truy tố ra tòa như vậy vì chưa bao giờ có chuyện truy tố cha mẹ bán con làm điếm ở Việt Nam. Theo bản tin này, khi con gái bà trốn thoát được từ Cao Miên về lại với bà, bà đã dẫn cháu đi sang Miên bán lại cho ổ điếm.

Nhiều đám cưới giữa các cô dâu Việt Nam và người sống ở nước ngoài cũng là những cuộc bán con làm điếm trá hình như cô Kiều đi cưới Mã Giám Sinh. Truyện Kiều gần như người Việt Nam nào cũng biết và ai cũng biết có các Mã Giám Sinh lấy vợ về bắt đi làm điếm như thế. Báo chí truyền hình nói mỗi ngày về chuyện này. Các cơ quan môi giới hôn nhân làm việc không giấy phép do chính phủ cấp sẽ bị tù. Cha mẹ, gia đình ở Việt Nam không thể chối nói là không biết và bị gạt. Nhất là khi cô dâu Việt bị gả tống gả tháo sau vài ngày gặp gỡ đổi lấy một mối tiền lớn ngay sau đám cưới. Chương trình Thalassa trên đài truyền hình Pháp đầu tháng bảy 2008 tả lại chuyện này rất trung thực. Hôm sau, bạn bè Pháp của tôi hỏi tôi một cách ngượng ngập có phải người Việt Nam

thật sự “gả bán con gái” như vậy không? Tôi nhìn nhận điều đó và thấy thật xấu hổ như khi con mình làm bậy. Anh Lê Phi, một Việt Kiều được phỏng vấn trên Youtube, đã làm lễ đính hôn với bảy cô Việt Nam và làm đám cưới đến bốn lần. Anh thành thật nhìn nhận chỉ đi vui chơi thôi và các cô ở Việt Nam cũng hiểu rõ là các lễ cưới hỏi này chỉ để che mắt thế gian giữ thể diện cho các cô và gia đình. Có cô còn bảo anh về Việt Nam ăn chơi thì cứ vui chơi để ‘chúng em còn có phương tiện sinh sống’! Các cô còn trẻ mà đã hiểu điều đó, cha mẹ các cô sống lâu hơn các cô khoảng hai mươi năm, kinh nghiệm đời nhiều hơn, hẳn hiểu còn rõ hơn.

Theo OMS, làm điếm là chấp nhận làm tình để đổi lấy tiền. Dù có hôn lễ linh đình hay không, sự thật cũng giống nhau. Chắc có lẽ vì vậy mà các cụ xưa cứ điếu, gả con gái đi lấy chồng mà cứ nói là ‘gả bán’?

Nói chuyện với một chị bạn lớn tuổi. Hỏi chị tại sao nhiều người Việt Nam không chấp nhận được sự thật Việt Nam hiện nay có nhiều điếm vì nghèo và cha mẹ Việt Nam hay ‘gả bán’ con. Chị cười hỏi tôi có nhớ bài viết trong Việt Nam giáo khoa thư không? Truyện như sau:

Trên cây to ở cuối rừng kia trú ngụ một chim mẹ với bốn con nhỏ. Một hôm, chim mẹ cần phải đi công việc nên bà đến nhà một chú chim khác nhờ trông nom hộ các con bà trong lúc bà vắng mặt. Chú chim này hỏi :
 “Tôi sẵn sàng giúp bà nhưng làm sao tôi tìm ra tổ của bà và các con bà? “

Bà mẹ hạnh diện trả lời :

“Dễ lắm, anh cứ đi đến cuối rừng, trên cây cao nhất có một tổ chim. Trong đó, có bốn chim nhỏ xinh đẹp, dễ thương và ngoan ngoãn nhất khu rừng này “
 Chiều đến, bà mẹ trở về gặp anh chim kia bay nhón nhác. Trông thấy bà, anh khổ sở xin lỗi:
 “Tôi rất muốn giúp bà trông các cháu. Tuy nhiên tôi không tìm ra tổ của bà. Trên cây cao ở cuối rừng chỉ có bốn con chim nhỏ vừa xấu xí vừa hỗn láo, không thấy bốn con chim xinh đẹp, ngoan ngoãn như bà kể về con bà “.

Nghe thế, chim mẹ khóc oà lên:

“Ông ơi, tạo sao ông không hiểu rằng trong mắt người mẹ nào, con mình cũng là hoàn hảo nhất?”

Chị kết luận: “Trong mắt người nào, quê hương mình cũng là đẹp hơn cả. Trong tai người Việt, tiếng Việt hay và êm dịu nhất. Người Việt vì vậy cũng hoàn hảo nhất trong mắt người Việt. Ít người chấp nhận được những chỉ trích về gia đình, chủng tộc của mình, em ạ”.

Tôi hiểu điều ấy. Bởi thế nên tôi cố bớt mua áo, bớt ăn tiệm để gửi tiền về giúp đồng bào ở nhà. Mong xú số khá hơn để tôi có hành diên xuất thân từ một xứ sở giàu có, giàu văn hoá và nhân cách. Tuy nhiên, nếu chúng ta cứ tự bịt mắt nói xú ta giàu và đẹp, xú ta không có điểm và SIDA như theo các tuyên bố của chính quyền Việt Nam hiện tại, làm sao chúng ta có thể định bệnh của xứ sở và tìm cách chữa bệnh cho thỏa đáng? Nếu tôi tin thật xú ta giàu và đàn bà Việt Nam không vì nghèo, thiếu tay nghề nên phải lấy bất cứ loại chồng nào để sống, tôi sẽ mua thêm vài bộ áo đầm hay ví sang trọng mỗi năm thay vì dùng tiền đó gửi về giúp một vài em gái ở Việt Nam có điều kiện ăn học, quý vị nghĩ sao? Lần sau về Việt Nam, tôi sẽ nhờ nhớ hưởng thụ trong các khách sạn năm sao như đại đa số Việt Kiều. Họ vẫn thường khuyên tôi: ở Việt nam bây giờ giàu lắm, nhiều người còn giàu hơn dân bên này”.

(1) <http://sisyphe.org/>, national institute for research advancement 1996, <http://www.amnestyinternational.be/doc/article4335.html>;

Women involved in prostitution in Viet Nam (S Dous-santousse, L Tôke); Vietnam trafficking (<http://www.catinternational.org>), *Mondialisation de la protitution* (http://www.rinoceros.org/IMG/pdf/Mondialisation_de_la_prostitution.pdf), <http://www.monde-diplomatique.fr/2006/08/MICHEL/13831>; http://www.tns-sofres.com/etudes/pol/150500_prostit.htm.



Nguyễn Tài
www.nguyentai.ca

Cây Ngũ Uẩn

Chân Hội Đăng

Hồi tết năm kia. Chúng tôi có cơ hội được gặp nhau, trong khung cảnh thật là náo nhiệt: Chợ tết Nguyễn Đán.

Bạn học năm xưa. Gặp nhau thật là bất ngờ, vui vẻ, tay bắt mặt mừng, hỏi thăm đôi ba câu,... rồi anh đi một vòng: xem người, xem chợ và tìm kiếm người quen... và anh trở lại với chậu cây trong tay.

- Mọi biết toi thích chơi cây. Bạn bè lâu ngày mới có dịp được gặp nhau. Mọi tặng toi cây này làm kỉ niệm nhé..

Tôi mang cây về trong một ngày đông lạnh cồng. Tôi phải bỏ vào mấy cái bao nylon thật kín. Sợ nó chết.

Ngày mới đem về, cây còn nhỏ xíu. Trông không mấy gì thích thú: lá còn bé tí teo, chưa ra hình dạng gì rõ nét. Thân cây bị người ta thắt bím: bốn cây làm thành một. Tôi trông thấy mà lòng đau...

Lòng đau là vì, người ta muốn cho cây nó lạ lùng, dị tuồng theo cái mỹ quan của mình mà phải bẻ queo, bẻ cong, làm mất đi cái dáng nguyên sơ của chúng.

Hai năm đã êm đềm trôi qua. Cây. Cao lớn, cành lá xum xuê, xanh tươi, trông càng thật dễ thương.

Thân cây vươn thẳng, cọng lá cũng thẳng, mọc ngang từ thân rồi ở đầu xuê ra thành năm chiếc lá. Trông như một bàn tay. Bàn tay năm ngón mở ra, chào đón, mời gọi ánh sáng mặt trời.

Ngũ uẩn cũng vô thường.

Những chiếc lá khi đến tuổi già, nó uá vàng, cọng lá cũng vàng, rồi năm chiếc lá từ từ xếp lại...rụng dần...rụng dần... chơi vơi trong gió, như vẫy tay chào tạm biệt những chiếc lá xanh...

- Nhưng, chẳng lâu đâu chị sẽ trở về nhé!,... ..

Thế là, một đời lá vừa xong một phật sự.

Lá về đất ủ vun phân

Nuôi cây tươi tốt cho cành đơm bông

Lá. Cây. Tương hợp cùng nhau

Thoạt nhìn thấy khác trông sâu cùng là

Tôi rất yêu thích cây này, tên của nó là: “ money tree plant”, tôi thấy một cọng đưa ra mà xuê thành năm chiếc lá, thật là ngộ. Lá thon thon dài rất dễ thương, dáng thanh, yêu kiều..., đến khi già, lá chuyển thành màu vàng: màu áo các vị khất sĩ Nam Tông. Tôi yêu lắm, nên đặt tên là: Cây ngũ uẩn.

- Ngũ uẩn là gì nhỉ?

- A! Đó là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức chú gì! Là năm

yếu tố kết hợp nên con người của chúng ta. Nhờ có nhiều duyên tốt và lành nên ta mới được vẹn toàn như vậy đó.

- Sắc là màu, hình, tướng, chi. Là cơ thể của chúng ta. Và những giác quan trong cơ thể đó.

- Thọ, là những cảm giác : như trời đẹp, ấm áp thì dễ chịu; như ai nói không ngọt ngào,xóc óc thì ta thấy khó chịu và trung tính là cảm giác không dễ chịu cũng không khó chịu.

- Tưởng, là tri giác của chúng ta.

- Hành, là tất cả những tâm tư của chúng ta, gồm cả thọ và tưởng.

- Thức, là tác dụng nhận thức của tâm chúng ta.

Ồ ! Thật là kỳ diệu.

Tôi đặt cây ngũ uẩn nơi bàn thờ Phật. Bên phải, Phật Thích Ca Mâu Ni và bên trái là Bồ Tát Quan Thế Âm. Cây năm uẩn, đứng hiên ngang ở giữa, trước mặt tôi, khi tôi ngồi thiền hay ngồi đọc kinh sách. Nó là đối tượng, để tôi quán chiếu về vô thường, về vô ngã...trong cuộc sống hằng ngày.

Tôi được nhiều duyên- phước- lành, ngồi ngắm cây mỗi ngày, tối cũng như sáng. Vì vậy tôi được thấy những chiếc lá từ lúc mới bắt đầu chào đời cho đến lúc già rồi về với mẹ đất và cội thương yêu.

*Quán cây, rồi lại quán mình,
Thấy trong năm uẩn vô thường đến đi.
Thân này cũng tựa mây trôi,
Đến từ vô tận về trong vô cùng.*

Cuộc sống thật (chân, thiện, mỹ), nó đẹp như một bài thơ: Như nắng lên, như mưa rơi, như tuyết rụng, như trăng thanh, như gió hè dịu mát... tất cả nó biểu hiện hay ẩn tàng trong một nhịp điệu, trong sự tuần hoàn, như nó là. Mà chúng ta không bao giờ mặc cả hay ngăn cản được cái bánh xe luân chuyển ấy.

*C'est le bon temps, c'est quand,
Quand on est vivant seulement ! (*)*

Khi mình thật sự sống trong tĩnh lặng, tĩnh thức trong giây phút hiện tại và thấp sáng cái tính ỡ biết ỡ những gì đi qua tâm và việc gì ta đang làm, thường trực thì thời gian ấy là thời gian tuyệt đẹp.

Vì, hiện tại là một đóa hoa vừa chớm nở, tỏa ngát hương thơm. Hương thơm cũng không thuộc hẳn về hoa, mà bởi do tâm có an bình, tĩnh lặng thì mới nhận được hương thơm một cách chân thật của tự tánh nó.

(*) Michel Sardou

Tử Vi Đông Phương

Phan Quốc Uy

Tý :

- Giáp Tý (1984) 28 tuổi.
Nam : Công việc rắc rối, trở ngại. Tình cảm yên vui.
Nữ : Công việc không thuận nhưng không đáng lo ngại. Gia đạo bất an.
- Nhâm Tý (1972) 40 tuổi.
Nam : Sáu tháng đầu năm tiêu hao tiền bạc. Gia đạo bình an. Đề phòng tai nạn xe cộ.
Nữ : Công việc thuận lợi, mưu sự được toại ý. Tình cảm gặp người vừa ý.
- Mậu Tý (1948) 64 tuổi.
Nam : Công việc làm nhiều hưởng ít. Bị thị phi, tranh chấp liên quan đến pháp luật.
Nữ : Công việc tuy có trở ngại khó khăn nhưng vẫn vượt qua được. Sức khỏe kém.

Sửu :

- Ất Sửu (1985) 27 tuổi.
Nam : Công việc gặp nhiều may mắn, mưu tính dễ thành tựu.
Nữ : Công việc bình thường, trước khó sau dễ. Tình cảm vui vẻ.
- Quý Sửu (1973) 39 tuổi.
Nam : Công việc thuận lợi, tài lộc tăng. Có buồn phiền trong gia đạo.
Nữ : Công việc được thăng tiến, có quý nhân phụ giúp. Làm ít hưởng nhiều.
- Tân Sửu (1961) 51 tuổi.
Nam : Công việc gặp tranh chấp, lo nghĩ. Nhờ có quý nhân giúp nên vượt qua khó khăn.
Nữ : Công việc dễ gặp rắc rối, buồn phiền. Có hóa giải tốt vào phút chót.
- Kỷ Sửu (1949) 63 tuổi.
Nam : Công việc gặp may mắn, mưu sự được toại nguyện, tài lộc đầy đủ.
Nữ : Công việc có chuyện lo buồn, tình cảm lụy phiền. Gia đạo bình an.

Dần :

- Bính Dần (1986) 26 tuổi.
Nam : Việc làm gặp may mắn, danh lộc tăng nhanh. Mưu tính được hanh thông.
Nữ : Công việc bình thường nhưng tiền bạc tiêu hao. Đề phòng tai nạn xe cộ.
- Giáp Dần (1974) 38 tuổi.
Nam : Công việc không được thuận ý. Gia đạo, tình cảm, sức khỏe không mấy tốt.
Nữ : Công việc gặp nghịch ý, trái lòng, bị thị phi, có tiểu nhân hại ngầm nhưng không đáng lo ngại. Sức khỏe kém.
- Nhâm Dần (1962) 50 tuổi.
Nam : Công việc thuận lợi, tài lộc hưng thịnh. Tâm tình được yên vui.
Nữ : Công việc bình thường, có quý nhân trợ giúp, tài lộc dồi dào nhưng gia đạo bất an.
- Canh Dần (1950) 62 tuổi.
Nam : Có may mắn trong công việc, danh lộc tăng, mưu sự dễ thành đạt.
Nữ : Công việc có trở ngại nhỏ nhưng có quý nhân trợ giúp nên vượt qua. Gia đạo yên vui.

Mão :

- Đinh Mão (1987) 25 tuổi.
Nam : Tâm tư, tình cảm vướng mắc, buồn phiền, ảnh hưởng đến công việc nhưng cũng qua.
Nữ : Công việc thuận lợi, tinh thần phấn chấn, tài lộc sung

- túc. Sức khỏe tốt.
- Ất Mão (1975) 37 tuổi.
Nam : Công việc, tài lộc gặp khó khăn. Đề phòng tai nạn xe cộ.
Nữ : Bị thị phi, tranh chấp trong việc làm. Tài lộc tiêu hao.
- Quý Mão (1963) 49 tuổi.
Nam : Công việc gặp trắc trở, tổn hao. Mưu sự không mấy thuận.
Nữ : Gia đạo vui vẻ, công việc thăng tiến. Tài lộc dồi dào.
- Tân Mão (1951) 61 tuổi.
Nam : Năm nay tinh thần vướng bận, lo âu vì gia đạo, ảnh hưởng đến công việc rồi rằm.
Nữ : Công việc thuận lợi may mắn. Có quý nhân trợ giúp. Tài lộc dồi dào.

Thìn :

- Mậu Thìn (1988) 24 tuổi.
Nam : Công việc phải ra công sức phấn đấu mới thành công. Có quý nhân trợ giúp.
Nữ : Công việc gặp rắc rối, bị thị phi, tuy khó nhưng vượt qua được.
- Bính Thìn (1976) 36 tuổi.
Nam : Công việc thuận lợi, tài lộc dồi dào, mọi sự hanh thông. Gia đạo êm ấm.
Nữ : Công việc và tài lộc không được như ý. Gia đạo bất hòa. Tránh tranh chấp.
- Giáp Thìn (1964) 48 tuổi.
Nam : Công việc có chuyện buồn phiền, lo nghĩ nhưng có quý nhân giúp đỡ.
Nữ : Công việc được thuận lợi. Mưu sự được toại ý. Tài lộc khá giả. Tình cảm vui vẻ.
- Nhâm Thìn (1952) 60 tuổi.
Nam : Công việc khá thuận lợi, tài lộc bình thường. Gia đạo không được bình yên.
Nữ : Công việc bình thường, bị thị phi, tranh chấp trong việc làm. Gia đạo yên vui.

Tỵ :

- Kỷ Tỵ (1989) 23 tuổi.
Nam : Có may mắn trong thi cử hay việc làm. Tâm tình cõi mở vui vẻ.
Nữ : Học hành, thi cử có kết quả tốt. tình cảm có bất hòa nhỏ không mấy ngại.
- Đinh Tỵ (1977) 35 tuổi.
Nam : Công việc thuận lợi, phù hợp với khả năng, lợi nhuận xứng đáng.
Nữ : Công việc có trở ngại, tiền bạc tiêu hao, nhiều lo âu.
- Ất Tỵ (1965) 47 tuổi.
Nam : Công việc làm nhiều hưởng ít, tài lộc tổn hao. Gia đạo không yên ấm.
Nữ : Công việc bình thường, mưu sự trước khó sau dễ. Sức khỏe kém.
- Quý Tỵ (1953) 59 tuổi.
Nam : Công việc hay buôn bán gặp may, thăng chức, tài lộc hưng thịnh, phát đạt.
Nữ : Công việc làm ăn có thuận lợi. Coi chừng sức khỏe. Gia đạo có việc không tốt.

Ngọ :

- Canh Ngọ (1990) 22 tuổi.
Nam : Công việc, học hành không được như ý. Phải cố gắng nhiều mới thành công.
Nữ : Công việc, học hành thuận lợi. Tình cảm có niềm vui, gặp được người vừa ý.

- Mậu Ngọ (1978) 34 tuổi.

Nam : Năm nay gặp rối rắm trong việc làm. Gia đạo bất an.

Nữ : Công việc được thăng tiến, tài lộc dồi dào. Tâm tình yên vui, gia đạo hạnh phúc.

- Bính Ngọ (1966) 46 tuổi.

Nam : Công việc trắc trở, có quý nhân phụ giúp nên vượt khó khăn.

Nữ : Mưu sự khó trước dễ sau. Coi chừng tiền bạc và sức khỏe.

- Giáp Ngọ (1954) 58 tuổi.

Nam : Công việc bình thường, tiền bạc tốn hao. Nên tránh đồ đen.

Nữ : Làm ăn có may mắn, tài lộc phát đạt, hưng thịnh. Coi chừng tai nạn lưu thông.

- Nhâm Ngọ (1942) 70 tuổi.

Nam : Cuộc sống năm nay không bình yên, lo nghĩ, buồn phiền trong gia đạo.

Nữ : Tài lộc đầy đủ, tâm tình an vui, có dịp đi xa thoải mái.

Gia đạo bình an.

Mùi :

- Tân Mùi (1991) 21 tuổi.

Nam : Công việc, học hành có kết quả tốt. Tình duyên vượng bận, trắc trở.

Nữ : Công việc, học hành thuận lợi. Tình cảm vui, sức khỏe tốt.

- Kỷ Mùi (1979) 33 tuổi.

Nam : Phải lao tâm, lao lực mới có kết quả tốt. Có quý nhân giúp đỡ.

Nữ : Có trở ngại trong thời gian ngắn, kiên trì sẽ vượt qua được.

- Đinh Mùi (1967) 45 tuổi.

Nam : Năm nay gặp nhiều may mắn, tài lộc phát đạt. Sức khỏe tốt.

Nữ : Mưu sự trước khó sau dễ. Tài lộc dồi dào. Gia đạo bình yên. Sức khỏe khả quan.

- Ất Mùi (1955) 57 tuổi.

Nam : Công việc bình thường, đi xa có tài lộc. Gia đạo có khó khăn.

Nữ : Mọi việc đều thuận lợi, tài lộc hưng vượng. Gia đạo bình an.

- Quý Mùi (1943) 69 tuổi.

Nam : Tâm tư nhiều lo âu. Tránh đi xa. Gia đạo bình an.

Nữ : Tinh thần bất an, hay lo âu. Coi chừng sức khỏe.

Thân :

- Nhâm Thân (1992) 20 tuổi.

Nam : Tinh cảm bất ổn, ảnh hưởng đến công việc học hành. Phải cố gắng nhiều.

Nữ : Công việc, học hành tương đối thuận lợi. Có quý nhân phù giúp.

- Canh Thân (1980) 32 tuổi.

Nam : Có nhiều cơ hội tốt đến với công danh tài lộc, mưu sự hanh thông.

Nữ : Có trắc trở trong thời gian ngắn. Có quý nhân phù trợ nên vượt qua được.

- Mậu Thân (1968) 44 tuổi.

Nam : Công việc thuận lợi. Tài lộc dồi dào. Gia đạo bình an.

Nữ : Công việc dễ gặp chuyện trái ý. Gia đạo bình yên.

- Bính Thân (1956) 56 tuổi.

Nam : Gia đạo có nhiều rối rắm, ảnh hưởng đến việc làm. Tài lộc tiêu hao.

Nữ : Công việc gặp trở ngại nhưng có quý nhân trợ giúp nên cũng vượt qua.

- Giáp Thân (1944) 68 tuổi.

Nam : Tinh thần phấn chấn, mưu sự dễ thành. Tài lộc sung

túc.

Nữ : Hay lo âu. Nên thận trọng trong mọi hành động.

Dậu :

- Quý Dậu (1993) 19 tuổi.

Nam : Có khó khăn trong công ăn, học hành. Tinh cảm bất an.

Nữ : Cố gắng thì sẽ vượt qua mọi khó khăn. Tinh cảm buồn nhiều hơn vui.

- Tân Dậu (1981) 31 tuổi.

Nam : Công việc bình thường. Tiền bạc tốn hao.

Nữ : Công việc thuận lợi, tài lộc dồi dào. Mọi sự hanh thông.

- Kỷ Dậu (1969) 43 tuổi.

Nam : Công danh tài lộc có phần trở ngại. Đề phòng tai nạn xe cộ.

Nữ : Công việc thăng tiến, mưu sự dễ thành, tài lộc hưng thịnh.

- Đinh Dậu (1954) 55 tuổi.

Nam : Công việc gặp rắc rối, khó khăn nên tài lộc có phần sút kém.

Nữ : Năm nay mọi sự không như ý, có trở ngại. Coi chừng thị phi.

- Ất Dậu (1945) 67 tuổi.

Nam : Công việc làm ăn không thuận lợi, coi chừng tiêu hao tiền bạc.

Nữ : Công việc hanh thông. Gia đạo yên vui.

Tuất :

- Giáp Tuất (1994) 18 tuổi.

Nam : Mọi việc thuận lợi, có kết quả tốt. Sức khỏe không có vấn đề.

Nữ : Năm nay tinh thần tri tri, lo âu băng quơ, phải cố gắng mới thành công trong việc học.

- Nhâm Tuất (1982) 30 tuổi.

Nam : Có chuyện buồn về tình cảm. Đi xa có tài lộc. Mưu sự trước khó sau dễ.

Nữ : Công việc thuận lợi, thăng quan tiến chức, tài lộc gia tăng.

- Canh Tuất (1970) 42 tuổi.

Nam : Có quý nhân giúp đỡ nên mọi trở ngại đều vượt qua.

Nữ : Năm nay công việc không hanh thông như ý. Sức khỏe có đau yếu nhẹ.

- Mậu Tuất (1958) 54 tuổi.

Nam : Công danh tài lộc hưng vượng. Mọi sự hanh thông.

Nữ : Có buồn lo nhỏ trong việc làm không nên quan ngại.

Hợi :

- Quý Hợi (1983) 29 tuổi.

Nam : Công việc không mấy hanh thông. Nên bình tâm giải quyết để vượt qua khó khăn.

Nữ : Mọi sự bình thường. Nên cẩn thận về giấy tờ.

- Tân Hợi (1971) 41 tuổi.

Nam : Có cơ hội thăng quan tiến chức, tài lộc hưng thịnh. Gia đạo an vui.

Nữ : Mưu sự trước khó sau dễ. Sức khỏe tốt đẹp.

- Kỷ Hợi (1959) 53 tuổi.

Nam : Công việc may mắn, được thăng tiến. Tài lộc dồi dào.

Nữ : Nhờ có quý nhân giúp nên vượt qua khó khăn bất ngờ. Tránh cho vay mượn.

- Đinh Hợi (1947) 65 tuổi.

Nam : Mưu sự trước khó sau dễ. Tiền bạc tiêu hao.

Nữ : Công việc có trở ngại nhỏ không đáng quan tâm.